

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM NGHỆ THUẬT TRUNG ƯƠNG**

ĐẶNG THỊ HỒNG NHUNG

**KHAI THÁC HÌNH TƯỢNG NGƯỜI PHỤ NỮ
TRONG TRANH TÔ NGỌC VÂN VÀO DẠY HỌC
MÔN MỸ THUẬT Ở TRƯỜNG TIỂU HỌC VÀ
TRUNG HỌC CƠ SỞ FPT, CẦU GIẤY, HÀ NỘI**

**LUẬN VĂN THẠC SĨ
LÍ LUẬN VÀ PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC BỘ MÔN MỸ THUẬT
KHÓA 11 (2021 - 2023)**

Hà Nội, 2023

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM NGHỆ THUẬT TRUNG ƯƠNG

ĐẶNG THỊ HỒNG NHUNG

KHAI THÁC HÌNH TƯỢNG NGƯỜI PHỤ NỮ
TRONG TRANH TÔ NGỌC VÂN VÀO DẠY HỌC
MÔN MỸ THUẬT Ở TRƯỜNG TIỂU HỌC VÀ
TRUNG HỌC CƠ SỞ FPT, CẦU GIẤY, HÀ NỘI

LUẬN VĂN THẠC SĨ

Chuyên ngành: Lý luận và Phương pháp dạy học bộ môn Mỹ thuật

Mã số: 8140111

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC: TS. NGUYỄN THỊ MINH NGỌC

Hà Nội, 2023

LỜI CAM ĐOAN

Học viên xin cam đoan đề tài "*Khai thác hình tượng người phụ nữ trong tranh Tô Ngọc Vân vào dạy học môn mỹ thuật ở trường Tiểu học và Trung học cơ sở FPT, Cầu Giấy, Hà Nội*" là kết quả học viên đã trực tiếp nghiên cứu, tìm hiểu được, thông qua việc giảng dạy tại trường trong thời gian qua. Đây là kết quả của riêng cá nhân học viên.

Nếu sai học viên xin chịu hoàn toàn trách nhiệm.

Hà Nội, ngày tháng năm 2023

Tác giả

Đặng Thị Hồng Nhung

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT

BGD&ĐT	: Bộ Giáo dục và Đào tạo
DH	: Dạy học
GV	: Giáo viên
HS	: Học sinh
H.	: Hình
KTXH	: Kinh tế xã hội
MT	: Mỹ thuật
Nxb	: Nhà xuất bản
PL.	: Phụ lục
TH&THCS	: Tiểu học và Trung học cơ sở
tr.	: Trang
VHTT	: Văn hóa thể thao

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
Chương 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN NGHIÊN CỨU ĐỀ TÀI	11
1.1. Khái niệm.....	11
1.1.1. Khai thác	11
1.1.2. Hình tượng người phụ nữ.....	11
1.1.3. Nghệ thuật tạo hình	14
1.1.4. Phương pháp dạy học mỹ thuật.....	15
1.2. Khái quát về họa sĩ Tô Ngọc Vân	19
1.2.1. Khái quát về cuộc đời và sự nghiệp của họa sĩ Tô Ngọc Vân	19
1.2.2. Một số tác phẩm tiêu biểu của họa sĩ Tô Ngọc Vân	23
1.3. Chương trình giáo dục phổ thông mới 2018	26
1.4. Khái quát về trường Tiểu học và Trung học cơ sở FPT	30
1.4.1. Quá trình hình thành và phát triển	30
1.4.2. Cơ cấu tổ chức và đội ngũ giáo viên mỹ thuật.....	33
1.4.3. Đặc điểm của học sinh tiểu học trường Tiểu học và Trung học cơ sở FPT	34
1.4.4. Tình trạng dạy và học môn mỹ thuật tại trường Tiểu học và Trung học cơ sở FPT.....	35
Tiểu kết chương 1.....	38
Chương 2: HÌNH TƯỢNG NGƯỜI PHỤ NỮ TRONG TRANH TÔ NGỌC VÂN VÀ VẬN DỤNG VÀO DẠY HỌC MỸ THUẬT CHO HỌC SINH TRƯỜNG TIỂU HỌC VÀ TRUNG HỌC CƠ SỞ FPT, CẦU GIẤY, HÀ NỘI	40
2.1. Hình tượng người phụ nữ trong tranh Tô Ngọc Vân	40
2.1.1. Hình tượng người phụ nữ trong tranh Tô Ngọc Vân giai đoạn trước Cách mạng tháng Tám	41
2.1.2. Hình tượng người phụ nữ trong tranh Tô Ngọc Vân giai đoạn sau Cách mạng tháng Tám	51

2.2. Vận dụng hình tượng người phụ nữ vào giảng dạy Mỹ thuật tại lớp 1, 4 trường Tiểu học và THCS FPT	61
2.2.1. Biện pháp vận dụng.....	61
2.2.2. Vận dụng bố cục trong tranh Tô Ngọc Vân vào giảng dạy phân môn vẽ tranh và tập nặn tạo dáng.....	63
2.3.3. Vận dụng hòa sắc (đậm nhạt) trong tranh Tô Ngọc Vân vào giảng dạy vẽ theo chủ đề.....	64
2.3.4. Vận dụng đường nét trong tranh Tô Ngọc Vân vào giảng dạy phân môn vẽ theo mẫu	66
Tiểu kết chương 2.....	68
Chương 3: THỰC NGHIỆM KHAI THÁC HÌNH TƯỢNG NGƯỜI PHỤ NỮ TRONG TRANH CỦA TÔ NGỌC VÂN VÀO KHỐI 1; 4 Ở TRƯỜNG TIỂU HỌC VÀ TRUNG HỌC CƠ SỞ FPT, CẦU GIẤY, HÀ NỘI.....	70
3.1. Mục đích và nội dung thực nghiệm	70
3.1.1. Mục đích thực nghiệm	70
3.1.2. Nội dung thực nghiệm.....	70
3.2. Phương pháp thực nghiệm	71
3.2.1. Đối tượng thực nghiệm	71
3.2.2. Tổ chức thực nghiệm.....	71
3.3. Tổng kết và đánh giá thực nghiệm.....	86
3.3.1. Tổng kết thực nghiệm	86
3.3.2. Đánh giá thực nghiệm	92
3.3.3. Bài học và những kiến nghị	95
Tiểu kết chương 3.....	95
KẾT LUẬN	97
TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	99
PHỤ LỤC	103

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Bảng 3.1. Nội dung các bài áp dụng vào chương trình dạy học, năm học 2022 – 2023	70
Bảng 3.2. Kết quả mức độ đánh giá khảo sát của hai lớp 1A1 và 1A2 trước khi kiểm chứng.....	71
Bảng 3.3. Kết quả mức độ đánh giá khảo sát của hai lớp 4A2 và 4A3 trước khi kiểm chứng.....	72
Bảng 3.4. Kết quả mức độ đánh giá kiểm tra của 2 lớp 1A1 và 1A2 trước khi thực nghiệm.....	87
Bảng 3.5. Kết quả mức độ đánh giá bài vẽ tranh của 2 lớp 1A1 và 1A2 sau thực nghiệm.....	87
Bảng 3.6. Kết quả mức độ đánh giá khảo sát của 2 lớp 4A2 và 4A3 trước khi thực nghiệm.....	89
Bảng 3.7. Kết quả mức độ đánh giá bài kí họa của 2 lớp 4A2 và 4A3 sau thực nghiệm.....	89
Bảng 3.8. Kết quả hoàn thành tốt trước và sau thực nghiệm.....	92
Biểu đồ 3.1. Mức đánh giá trước và sau thực nghiệm của lớp đối chứng 1A2...	88
Biểu đồ 3.2. Mức đánh giá trước và sau thực nghiệm của lớp thực nghiệm 1A188	
Biểu đồ 3.3. Mức đánh giá trước và sau thực nghiệm của lớp đối chứng 4A3...	90
Biểu đồ 3.4. Mức đánh giá trước và sau thực nghiệm của lớp thực nghiệm 4A290	

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Họa sĩ Tô Ngọc Vân là một trong những họa sĩ lớn và nằm trong “bộ tứ” mà hội họa Việt Nam hay nhắc tới. Đó chính là nhất Trí, nhì Vân, tam Lân, tứ Cẩn (Trí - Nguyễn Gia Trí, Vân - Tô Ngọc Vân, Lân - Nguyễn Tường Lân, Cẩn - Trần Văn Cẩn). Ông không chỉ là một người say mê hội họa với các tác phẩm sơn dầu, sơn mài, lụa, ký họa mà ông còn là một người thầy của các thế hệ họa sĩ như Lê Lam, Ngọc Linh, Thục Phi, Ngô Minh Châu, Linh Chi... Họa sĩ Tô Ngọc Vân không phải là họa sĩ Việt Nam đầu tiên vẽ sơn dầu nhưng ông là người thành công trong kỹ thuật sử dụng sơn dầu cũng như Nguyễn Phan Chánh thành công trong vẽ lụa. Ông đã vượt qua được cuộc cách mạng nghệ thuật, cách mạng về màu sắc và khám phá ra khả năng thể hiện của sơn dầu trong phương pháp sáng tác theo khuynh hướng lãng mạn. Ông say mê cái đẹp nên với ông nghệ thuật là phương tiện diễn đạt cảm xúc, tình cảm. Bằng tình cảm, lòng nhiệt huyết ông đã sáng tác thành công nhiều tác phẩm về đề tài thiếu nữ như: Thiếu nữ bên hoa huệ (1943), Hai thiếu nữ và em bé (1944), Thiếu nữ bên hoa sen (1944), Hà Nội vùng đứng lên (1948)...

Trong lịch sử hội họa Việt Nam có khá nhiều họa sĩ luôn mang trong mình đam mê chinh phục vẻ đẹp của người phụ nữ thông qua tranh như: Nguyễn Phan Chánh, Trần Văn Cẩn, Dương Bích Liên, Lê Phổ, Nguyễn Tiến Chung... Nói đến việc xây dựng hình tượng người phụ nữ Việt nam trong tranh, đặc biệt là với chất liệu sơn dầu chúng ta không thể không nhắc đến họa sĩ Tô Ngọc Vân. Ông đã dày công khám phá và thể hiện được sự tài ba của mình trong kỹ thuật sử dụng đường nét và màu sắc vào trong tranh. Cách diễn tả biểu cảm trên khuôn mặt một cách ý nhị và sự tương quan tác động qua lại những mảng màu đã đem lại những kết quả đặc biệt tinh tế trong tranh của ông.

Trong những năm qua, trường Tiểu học và Trung học cơ sở FPT, Cầu Giấy, Hà Nội đã liên tục cập nhật và học hỏi các phương pháp dạy học mới phù hợp với năng lực của học sinh giúp HS có sự phát triển toàn diện. Hoạt động này đã mang lại một số kết quả như hoàn thiện dần quá trình dạy học, bước đầu học sinh nắm được những kiến thức cơ bản về mỹ thuật và vận dụng vào cuộc sống và sự sáng tạo của bản thân trong các tác phẩm. Chất lượng dạy học có nhiều thay đổi tích cực. Tuy nhiên trong chương trình học của học sinh tiểu học, những tiết học về thường thức mỹ thuật, tìm hiểu về các họa sĩ Việt Nam lại chưa được đưa vào. Trong tiết thực hành bài vẽ tranh chân dung người thân trong phân môn vẽ tranh học sinh tiểu học chưa thực sự thể hiện rõ được đặc điểm nổi bật của từng đối tượng mà học sinh thể hiện trong tranh. Đặc biệt khi đưa những tác phẩm về hình tượng người phụ nữ Việt Nam vào giảng dạy giúp học sinh có kiến thức về hình họa, tỉ lệ, cấu trúc của con người Việt Nam. Thông qua đó học sinh cảm nhận được nét đẹp truyền thống của con người Việt Nam nói chung và người phụ nữ nói riêng. Khi được quan sát các tác phẩm của họa sĩ Việt Nam học sinh hiểu rõ về bối cảnh sáng tác, quan điểm nghệ thuật và nắm được yếu tố tạo hình trong tranh để học sinh có thể tự tin giới thiệu về nghệ thuật hội họa của Việt Nam với các bạn trên thế giới. Khi lồng ghép những tác phẩm của họa sĩ Tô Ngọc Vân vào chương trình bài giảng, GV định hướng được cho HS khai thác về hình tượng người phụ nữ trong tranh thông qua các yếu tố tạo hình như: đường nét, màu sắc (đậm nhạt), bố cục... Là một người giáo viên mỹ thuật luôn mang trong mình tình yêu với đất nước, học viên luôn muốn học sinh của mình sẽ có những kiến thức và sự yêu quý đối với nền hội họa nước nhà. Từ những kiến thức cơ bản và vững chắc học sinh sẽ tự tin khi giới thiệu nền hội họa nước nhà với các bạn nước khác. Không chỉ vậy, sau khi tìm hiểu và quan sát những bức tranh của các họa sĩ Việt Nam học sinh đã có những nhận định về yếu tố tạo hình về phong cách vẽ để có thể vận dụng một

cách sáng tạo vào bài vẽ của mình. Khi tìm hiểu về họa sĩ, học sinh sẽ hiểu về hoàn cảnh sống của những họa sĩ trong từng thời kỳ khác nhau và đặc biệt học sinh có thêm những kiến thức về lịch sử xã hội. Từ đó mà học viên muốn đưa các tác phẩm của họa sĩ Việt Nam vào chương trình giảng dạy mỹ thuật ở trường học.

Từ các lý do trên học viên lựa chọn việc ***“Khai thác hình tượng người phụ nữ trong tranh Tô Ngọc Vân vào dạy học môn Mỹ thuật ở trường Tiểu học và Trung học cơ sở FPT, Cầu Giấy, Hà Nội”*** làm hướng nghiên cứu luận văn thạc sĩ.

2. Tổng quan tình hình nghiên cứu

Tô Ngọc Vân là một nghệ sĩ lớn, một nhà giáo giảng dạy hết mình với các thế hệ họa sĩ từ Trường Cao đẳng Đông Dương đến trường Mỹ thuật Kháng chiến. Ông là một trong số những họa sĩ đã đặt nền móng và góp phần đem lại những vẻ vang cho nền mỹ thuật Việt Nam.

Hiện nay, môn học mỹ thuật đã được quan tâm rất nhiều và những người giáo viên dạy môn mỹ thuật luôn có mong muốn, khao khát tìm hiểu những kiến thức về chuyên môn cũng như những phương pháp giảng dạy đổi mới nhằm mang lại những hiệu quả cao trong giờ học. Không chỉ tìm hiểu về chuyên môn mà các giáo viên đã dành nhiều thời gian và tình cảm của mình để tiếp cận tìm hiểu tâm lý học sinh và chọn ra những phương pháp về dạy học mỹ thuật phù hợp với từng lứa tuổi để triển khai vào toàn bộ trường học.

2.1. Các công trình nước ngoài

Cuốn *A World Transformed: The Politics of Culture in Revolutionary Vietnam, 1945-1965* (2002) của Nhà xuất bản University of Michigan Press có độ dày là 317 trang [42]. Cuốn sách là sự khám phá của Kim Ngoc Bao Ninh về những tranh luận phức tạp trong xã hội Việt Nam về văn hóa, về bản sắc dân tộc. Trang 73 của cuốn sách có viết về tranh luận của Tô Ngọc

Vân về nghệ thuật, tuyên truyền... Tô Ngọc Vân là một trong những sinh viên tốt nghiệp đầu tiên của trường Đại học Mỹ thuật Đông Dương, ông là một họa sĩ nổi tiếng trước chiến tranh, người đã tạo dựng sự nghiệp bằng cách vẽ những người phụ nữ thuộc tầng lớp trung lưu trong môi trường tư sản. Ông còn là người hăng hái cổ vũ việc mang lại cái đẹp cho nền hội họa Việt Nam. Nội dung tài liệu chỉ dừng lại ở những khái quát cơ bản về cuộc đời của Tô Ngọc Vân chưa đề cập đến quá trình nghệ thuật của ông hay các tác phẩm tạo nên tên tuổi của họa sĩ.

Cuốn sách *Asia Through Art and Anthropology: Cultural Translation Across Borders* (2020) của Nhà xuất bản Taylor & Francis [45]. Cuốn sách được biên tập bởi 3 nhà Biên tập viên Fuyubi Nakamura, Morgan Perkins, Olivier Krischer. Khi tìm hiểu về Tinh thần mỹ “Châu Á” trong Hà Nội thuộc địa (1925 - 1945) có viết về cuộc đời và cảm nhận của Tô Ngọc Vân về nghệ thuật của Việt Nam, sự cay đắng than thở của ông khi thấy nền nghệ thuật bị ảnh hưởng của Pháp trong thời kì thuộc địa. Khi đọc cuốn sách này học viên hiểu hơn về Tô Ngọc Vân, ông là một trong những người có tiếng nói chủ đạo trong nhóm sáng tác do các nghệ sĩ EBAI sản xuất vào thời điểm đó. Tô Ngọc Vân luôn trăn trở về việc tạo ra một nền thẩm mỹ dân tộc, hiện đại nên ông đã có bài viết “Ngày xưa nước ta có hội họa không?”... Đây cũng là một cuốn sách có một phần nhỏ tìm hiểu về Tô Ngọc Vân nhưng trong cuốn sách chỉ viết về cuộc đời của ông và suy nghĩ về nghệ thuật nước nhà mà ông luôn muốn khai thác.

2.2. Các công trình trong nước

Cuốn Tô Ngọc Vân (1994), *Tiểu sử và tranh danh họa Tô Ngọc Vân*, Nxb Văn hóa, Hà Nội [38]. Nội dung ghi lại những tác phẩm tiêu biểu của họa sĩ Tô Ngọc Vân và nhắc đến những dấu mốc trong quá trình cống hiến cho nền mỹ thuật nước nhà và sự hy sinh cho giải phóng dân tộc. Tài liệu

này giúp cho học viên có những cơ sở để liên hệ vào nghiên cứu tìm hiểu khái quát về cuộc đời và sự nghiệp của họa sĩ Tô Ngọc Vân.

Cuốn *Nhớ Tô Ngọc Vân* (2004), Sưu tầm và biên soạn Tô Ngọc Thành, Nxb Mỹ thuật Hà Nội [24]. Đây là tài liệu mang nhiều nội dung viết về những kỷ niệm của họa sĩ Tô Ngọc Vân đã được các đồng nghiệp, học trò thuộc các thế hệ yêu mến họa sĩ ghi lại. Đồng thời điếm qua những chặng đường sáng tác của ông với tinh thần cảm phục và trân trọng. Những hình ảnh và bài viết đã giúp cho học viên tham khảo khi thực hiện các nội dung của chương 1 cũng như những tác phẩm về hình tượng người phụ nữ trong tranh của ông. Cuốn sách đã cập nhật những nội dung rất quý báu về Tô Ngọc Vân từ cuộc đời đến quá trình phát triển và thay đổi quan điểm nghệ thuật của ông. Khi đọc cuốn sách học viên có những nhận định về phong cách vẽ tranh của họa sĩ.

Trần Văn Cẩn (2004), “Tô Ngọc Vân những năm trường mỹ thuật kháng chiến”, *Tạp chí Mỹ thuật* số 329 & 320 [7]. Đây là bài viết của họa sĩ Trần Văn Cẩn viết về họa sĩ Tô Ngọc Vân từ những năm 1982, sau này được *Tạp chí Mỹ thuật* đăng lại. Với nội dung như những ký sự kể về những hoạt động kháng chiến của họa sĩ Tô Ngọc Vân, đó cũng là những cơ sở để những tác phẩm mang đề tài kháng chiến được hình thành và trở thành những tác phẩm gắn bó với tên tuổi của ông. Bài viết bổ sung kiến thức cho học viên khi thực hiện luận văn của mình.

Cuốn *Tô Ngọc Vân, cuộc đời và sự nghiệp* (2006) của Nhà xuất bản Mỹ thuật có độ dày là 128 trang [39]. Cuốn sách là những nhận định của các họa sĩ khác về họa sĩ Tô Ngọc Vân như: danh họa Tô Ngọc Vân niềm tự hào của giới mỹ thuật hay Tô Ngọc Vân với lớp người đi sau... đặc biệt trong cuốn có sưu tầm hình ảnh của hơn 60 tác phẩm vẽ về chủ đề người phụ nữ với nhiều bức tranh được trưng bày ở Bảo tàng Mỹ thuật Việt Nam. Học viên tự nhận thấy đây là một tài liệu quan trọng giúp học viên có thể

khai thác được các yếu tố hình tượng người phụ nữ thông qua các tác phẩm được sưu tầm.

Cuốn sách *Bậc thầy hội họa Việt Nam Tô Ngọc Vân, Nguyễn Gia Trí, Nguyễn Sáng, Bùi Xuân Phái* (1994) của Nhà xuất bản Mỹ thuật, Hà Nội [3], đã đề cập đến quá trình phát triển nghệ thuật và các chủ đề Tô Ngọc Vân nghiên cứu, khai thác trong mỗi thời kì. Cuốn sách đã đưa ra các tác phẩm nổi tiếng của các họa sĩ được coi là bậc thầy của hội họa nói chung. Trong các hình ảnh đó có xuất hiện một số tác phẩm gắn liền với tên tuổi của Tô Ngọc Vân. Đây chính là cơ sở để học viên có những nhận định cụ thể về quá trình phát triển nghệ thuật của Tô Ngọc Vân. Thời kì trước cách mạng các sáng tác của ông luôn hướng về những người phụ nữ thành thị. Khi Cách mạng tháng Tám thành công, đối tượng trong tranh của họa sĩ Tô Ngọc Vân đã có sự thay đổi. Sự thay đổi về đối tượng khám phá đã mang đến cho các tác phẩm của ông một vẻ đẹp mới, vẻ đẹp của những con người cải cách ruộng đất, những cô gái dân tộc Tây Bắc và chủ đề kháng chiến.

Cuốn *Nhớ Tô Ngọc Vân (1906 - 1954)* (2006) của Nhà xuất bản Mỹ thuật chỉ với 48 trang [24] nhưng tác giả Tô Ngọc Thành đã sưu tập và biên soạn đầy đủ tiểu sử của Tô Ngọc Vân và các tác phẩm tiêu biểu của ông. Trong cuốn sách ở phần lời giới thiệu tác giả có sưu tầm đoạn trích báo cáo của Ban chấp hành hội Mỹ thuật Việt Nam tại Đại hội Mỹ thuật toàn quốc lần thứ II như sau “Có những nghệ sĩ đã đi xa, nhưng còn để lại những tấm gương cao đẹp về cuộc đời và nghệ thuật như họa sĩ Tô Ngọc Vân - một nghệ sĩ lớn, tài năng, một nhà trí thức yêu nước chân chính”. Qua những sưu tầm của tác giả học viên đã hiểu hơn về những cống hiến của ông với nền nghệ thuật nước nhà.

Ngoài các tài liệu tìm hiểu về họa sĩ Tô Ngọc Vân học viên cũng tìm hiểu thêm các tài liệu nghiên cứu về ngành học là lý luận và phương pháp

dạy học bộ môn Mỹ thuật. Cụ thể là các tài liệu sách lý luận và phương pháp giảng dạy cho lứa tuổi Tiểu học và Trung học cơ sở.

Trong cuốn bài giảng *Phương pháp giảng dạy mỹ thuật* (2008) của Nxb Đại học Sư phạm của tác giả Hồ Văn Thùy [26] đã đưa ra một số khái niệm về các vấn đề trong mỹ thuật và con người. Trong cuốn bài giảng tác giả còn đề cập đến ngôn ngữ tạo hình trong một tác phẩm hội họa và một số loại hình mỹ thuật cơ bản như: vẽ theo mẫu và phương pháp dạy vẽ theo mẫu; vẽ tranh và phương pháp giảng dạy vẽ tranh.

Tác giả Đặng Thị Bích Ngân cũng có viết cuốn *Phương pháp dạy mỹ thuật cho thiếu nhi* (2007) của Nxb Văn hóa Thông tin [18], khai thác một số chương trình giáo dục mỹ thuật mẫu giáo và tiểu học ở trong và ngoài nước. Ngoài ra cuốn sách còn đưa ra những phương pháp, những đề tài mới vô cùng đa dạng và phong phú. Khi đọc cuốn sách này học viên đã có những ý tưởng thêm để khai thác các nguyên vật liệu có sẵn trong trường học và được biết thêm phương pháp đánh giá kết quả hoạt động sao cho có hiệu quả.

Cuốn *Tâm lý học lứa tuổi và giáo dục* (2021) của Mạc Văn Trang, Nxb Tổng hợp TP HCM [33] đã có tóm lược những đặc điểm phát triển tâm lý từ Thai Nhi, trẻ sơ sinh đến học sinh Tiểu học, Trung học cơ sở. Những lý luận trong cuốn sách giúp học viên có những quan điểm, nhận thức chung về đặc trưng tâm lý lứa tuổi từ đó có những phương pháp dạy học phù hợp với từng học sinh.

Cuốn *Giáo trình lý luận và phương pháp dạy học Mỹ thuật* (2022) của Nxb Đại học Sư phạm [21]. Nhóm tác giả đã trình bày những kiến thức cơ bản về cơ sở tạo hình, hình vẽ, về trang trí, bố cục, cắt dán... Qua những kiến thức cơ bản đó học viên đã rút cho mình những quan điểm khách quan và chủ quan về mỹ thuật.

Từ hệ thống tài liệu kê trên đã tạo cho học viên một nền tảng tốt về lý luận thực tiễn, để từ đó học viên tiến hành thực nghiệm khi nghiên cứu

và thực nghiệm việc Khai thác hình tượng người phụ nữ trong tranh Tô Ngọc Vân vận dụng vào dạy học môn mỹ thuật ở trường Tiểu học và Trung học cơ sở FPT.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

3.1. Mục đích nghiên cứu

Nghiên cứu về hình tượng người phụ nữ trong tranh họa sĩ Tô Ngọc Vân vận dụng vào giảng dạy mỹ thuật cho học sinh tiểu học nhằm nâng cao khả năng sáng tạo, tư duy thẩm mỹ của học sinh góp phần vào nâng chất lượng giảng dạy môn mỹ thuật tại trường Tiểu học và Trung học cơ sở FPT.

3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

- Nghiên cứu cơ sở lý luận về nghệ thuật tạo hình trong tranh của Tô Ngọc Vân; các vấn đề lý luận về phương pháp dạy học mỹ thuật. Đồng thời, tìm hiểu tình hình thực tiễn việc giảng dạy và học tập môn mỹ thuật theo chương trình giáo dục phổ thông mới 2018 tại trường Tiểu học và Trung học cơ sở FPT.

- Nghiên cứu hình tượng người phụ nữ trong tranh Tô Ngọc Vân thông qua các yếu tố tạo hình mỹ thuật như bố cục, đường nét, tương quan đậm nhạt, không gian, bút pháp thể hiện. Từ đó đưa ra giá trị nghệ thuật hình tượng người phụ nữ trong tranh của họa sĩ Tô Ngọc Vân.

- Thiết kế hoạt động dạy học cho một số bài học vận dụng đặc trưng hình tượng người phụ nữ trong tranh của họa sĩ Tô Ngọc Vân cho học sinh lớp 1, 4 tại trường Tiểu học và Trung học cơ sở FPT, Cầu Giấy, Hà Nội. Tiến hành thực nghiệm sư phạm để khẳng định hiệu quả của các nội dung nghiên cứu.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

4.1. Đối tượng nghiên cứu

Hình tượng của người phụ nữ trong tranh họa sĩ Tô Ngọc Vân vận dụng vào dạy học mỹ thuật cho học sinh tiểu học.

4.2. Phạm vi nghiên cứu

- Phạm vi nội dung: Phân tích hình tượng người phụ nữ thông qua các tác phẩm của họa sĩ Tô Ngọc Vân giai đoạn trước cách mạng tháng Tám và sau cách mạng tháng Tám.

- Phạm vi thời gian: Năm học 2022 - 2023.

- Phạm vi không gian: Khối lớp 1 (1A1, 1A2) và khối lớp 4 (4A2, 4A3) trường Tiểu học và Trung học cơ sở FPT, Cầu Giấy, Hà Nội. Để xác định được phạm vi vận dụng một cách phù hợp học viên đã dựa vào hai yếu tố chính. Đó chính là sự phân công nhiệm vụ năm học của học viên ở trường Tiểu học và Trung học cơ sở FPT và các đặc điểm phát triển tâm sinh lý của lứa tuổi học sinh tiểu học.

5. Phương pháp nghiên cứu

Để nghiên cứu đề tài này, học viên tiến hành sử dụng các phương pháp nghiên cứu sau đây:

Phương pháp nghiên cứu tài liệu: Từ nhiều nguồn như sách báo, tạp chí; các phương tiện truyền thông (truyền hình, radio, mạng internet). Tổng hợp hệ thống các tư liệu hình ảnh. Cùng việc xử lý thông tin sẽ đảm bảo tính khách quan, chính xác cho các luận điểm khoa học của luận văn.

Phương pháp phân tích, tổng hợp: Đây là phương pháp giúp cho học viên có những phân tích đánh giá khách quan và khoa học khi vận dụng vào giảng dạy những phân môn cụ thể như: vẽ tranh. Khi sử dụng phương pháp này học viên đã có những phân tích tranh giúp cho học sinh nhận thấy rõ được bố cục, đường nét. Từ đó giáo viên truyền tải được đến cho học sinh kiến thức vẽ tranh quan trọng là vẽ hình rõ ràng.

Phương pháp quan sát sự phạm: Trong quá trình thu thập thông tin, phân tích và hệ thống lại một cách có kế hoạch và mục đích học viên sẽ có những nhận định chính xác về đối tượng. Bằng cách tri giác trực tiếp các hoạt động sự phạm để tìm nét tiêu biểu về hình tượng người phụ nữ qua các tác phẩm của Tô Ngọc Vân. Cuối cùng thông qua phương pháp học viên sẽ lựa chọn được hình thức và phương pháp tổ chức giáo dục để hoạt động

giáo dục được tiến hành một cách hiệu quả.

Phương pháp thực nghiệm sư phạm: Đây chính là phương pháp giúp học viên có những nghiên cứu và đánh giá thực tiễn liên quan đến đề tài. Ngay từ đầu học viên đã xác định được phạm vi nghiên đề từ đó đưa ra những phương pháp để thực nghiệm và thực hành trên đối tượng.

6. Đóng góp của luận văn

Đề tài tập trung nghiên cứu về hình tượng người phụ nữ trong tranh của họa sĩ Tô Ngọc Vân để áp dụng vào việc giảng dạy cho lứa tuổi học sinh tiểu học. Vì vậy đề tài sẽ có những đóng góp mới như sau:

- Hệ thống hóa được cơ sở lý luận có liên quan đến thực tiễn của đề tài giúp giáo viên tổng hợp được kiến thức chuyên môn vận dụng vào giảng dạy môn mỹ thuật ở cấp tiểu học.

- Từ những cơ sở lý luận đã nghiên cứu giáo viên đã có phương pháp vận dụng hình tượng người phụ nữ trong tác phẩm của họa sĩ Tô Ngọc Vân vào giảng dạy cho học sinh tiểu học. Giúp học sinh biết cảm nhận tranh và nâng cao được khả năng vẽ tranh, thêm yêu nền hội họa nước nhà.

- Từ những nghiên cứu trong đề tài giáo viên lựa chọn được những kiến thức chuyên môn và phương pháp dạy học phù hợp với học sinh, nâng cao chất lượng dạy học bộ môn mỹ thuật ở trường Tiểu học và Trung học cơ sở FPT, quận Cầu Giấy, Hà Nội.

7. Bố cục luận văn

Ngoài phần Mở đầu, Kết luận, Tài liệu tham khảo và Phụ lục, luận văn gồm có 03 chương:

Chương 1: Cơ sở lý luận và thực tiễn nghiên cứu đề tài.

Chương 2: Hình tượng người phụ nữ trong tranh Tô Ngọc Vân và vận dụng vào dạy học mỹ thuật cho học sinh trường Tiểu học và Trung học cơ sở FPT, Cầu Giấy, Hà Nội.

Chương 3: Thực nghiệm khai thác hình tượng người phụ nữ trong tranh của Tô Ngọc Vân vào các bài học lớp 1, 4 trường Tiểu học và Trung học cơ sở FPT, Cầu Giấy, Hà Nội.

Chương 1

CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN NGHIÊN CỨU ĐỀ TÀI

1.1. Khái niệm

1.1.1. Khai thác

Theo từ điển tiếng Việt khai thác là một động từ và trong từng lĩnh vực sẽ có định nghĩa khác nhau. Trong quá trình nghiên cứu đề tài khoa học nói chung và nghệ thuật hội họa nói riêng thì khai thác chính là “phát hiện và sử dụng những cái có ích còn ẩn giấu hoặc chưa được tận dụng” [22, tr.609]. Khai thác là một trong những hoạt động cần sử dụng khi muốn tìm hiểu và nghiên cứu về một đối tượng nào đó. Trong nghiên cứu đề tài luận văn, khai thác hình tượng người phụ nữ nhằm phát huy giá trị hình tượng người phụ nữ trong tranh của họa sĩ Tô Ngọc Vân.

Trong quá trình nghiên cứu học viên đã nghiên cứu và tìm hiểu, thu thập những nguồn tài liệu, tư liệu từ sách, báo, internet về hình tượng người phụ nữ trong tranh và đặc biệt là trong tranh của họa sĩ Tô Ngọc Vân. Từ những kết quả tìm hiểu và khai thác được học viên đã đưa ra được những phương pháp dạy học và vận dụng những kiến thức hữu ích đó vào bài giảng với học sinh lớp 1, 4.

1.1.2. Hình tượng người phụ nữ

Khi nói về hình tượng chúng ta sẽ tìm hiểu theo hai khía cạnh:

Trong *Từ điển Mỹ thuật phổ thông*, đã đưa ra khái niệm “Hình tượng là hình ảnh các sự vật, trọng tâm là người, vật, phong cảnh thông qua ghi chép thực tế hoặc trí nhớ của họa sĩ. Bằng óc sáng tạo và bàn tay khéo léo, họa sĩ tạo ra những hình tượng hội họa trong tranh...” [17, tr.73]. Có thể thấy “hình tượng” chính là một danh từ với nhiệm vụ chính là phản ánh một cách khái quát bằng con mắt nghệ thuật những hình ảnh xung quanh chúng ta, cụ thể là con người, con vật, đồ vật hay chung chung là phong cảnh.

Không chỉ họa sĩ nước ngoài mà họa sĩ Việt Nam cũng đã có sự nghiên cứu và thể hiện hình tượng người phụ nữ trong các tác phẩm nghệ thuật với nhiều chất liệu cũng như thể loại khác nhau. “Trong tác phẩm tượng đài của mình, nhà điêu khắc Nguyễn Hải sáng tạo nên hình tượng bà mẹ Việt Nam, người đã hi sinh lớn lao cho sự nghiệp giải phóng dân tộc. Hình tượng này cũng có thể được hiểu như là bà mẹ Tổ quốc” [17, tr.74].

Đó là khái niệm hình tượng theo quan niệm chung còn khi tìm hiểu cụ thể trong nghệ thuật tạo hình thì hình tượng là một dạng phản ánh một cách khái quát về một đối tượng. Hình tượng thể hiện rõ bản chất và các quy luật của các hiện tượng cụ thể để nêu bật được tính cách nổi bật của đối tượng. Đó là một hình thức của suy nghĩ kết hợp giữa cảm xúc và lý trí. Sự kết hợp nhịp nhàng giữa những đặc tính của tri giác giúp tri giác dễ dàng phản ánh được những đặc điểm, đặc trưng cụ thể của từng đối tượng riêng biệt.

Từ khái niệm nêu trên thì hình tượng nghệ thuật chính là thành quả của những họa sĩ, bậc lộ được khối kiến thức và sự sáng tạo. Các hình tượng nghệ thuật giúp cho họa sĩ dễ dàng khái quát được đặc điểm giống và khác nhau của các đối tượng.

Vậy nên hình tượng nghệ thuật chính là sự khái quát, đánh giá của họa sĩ về một đối tượng trong quá trình sáng tác. Khi sáng tác người họa sĩ luôn mong sáng tạo ra những tác phẩm có giá trị thẩm mỹ và ý nghĩa tinh thần dựa vào những quan điểm, những hình mẫu cụ thể. Những hình mẫu đó luôn có những đặc trưng riêng và đó được gọi là hình tượng nghệ thuật.

Về khía cạnh nghệ thuật tạo hình đã có rất nhiều quan điểm về hình tượng con người trong sáng tác hội họa. Bởi vì con người luôn là đối tượng nghiên cứu của nghệ thuật nói chung và mỹ thuật nói riêng:

Con người luôn là đối tượng của nghệ thuật, cả hình thể và tinh thần, trong sự tách khỏi tự nhiên và đến một lúc nào đó lại muốn hòa

hợp với tự nhiên. Mỗi thời đại có một cách nhìn về con người và cuộc sống của họ, do đó mà sinh ra cách thể hiện riêng... [23, tr.11].

Vậy là hình tượng con người từ văn học đến nghệ thuật tạo hình chúng ta có thể thấy dù mỗi khía cạnh có một cách nhìn khác nhau về hình tượng con người nhưng cuối cùng vẫn là hướng tới cái đẹp, muốn xây dựng nên những giá trị thẩm mỹ, tạo hình cao và mang nhiều giá trị nghệ thuật trong dòng chảy mỹ thuật của Việt Nam.

Hình tượng người phụ nữ được các họa sĩ thể hiện thông qua nghệ thuật tạo hình vẽ đẹp, không chỉ là vẻ đẹp tinh thần mà cả vẻ đẹp hình thể. Tuy vậy, ở mỗi một thời kì, mỗi một họa sĩ lại có một cách nhìn nhận về con người khác nhau nên sẽ có những cách thể hiện hay còn gọi là phong cách nghệ thuật khác nhau.

Trong nền mỹ thuật Việt Nam, hình tượng người phụ nữ luôn là đối tượng được nhiều họa sĩ lựa chọn sáng tác dưới nhiều chất liệu với phong cách nghệ thuật khác nhau. Ở các tác phẩm hội họa hình tượng người phụ nữ được các họa sĩ khai thác thông qua các yếu tố tạo hình nghệ thuật như màu sắc, đường nét, không gian, đậm nhạt, bút pháp (phong cách) của họa sĩ. Họa sĩ Tô Ngọc Vân đã sớm tìm ra cho mình một phong cách sáng tác từ sự khai thác về đề tài người phụ nữ. Đó cũng là cách để ông phản ánh và đề cao vai trò của người phụ nữ trong xã hội Việt Nam giai đoạn đó.

Thế mạnh của hội họa là được các họa sĩ vận dụng nhiều phương tiện, kỹ thuật, thao tác, đặc biệt là cảm hứng để sáng tác, trong đó có hình tượng người phụ nữ với nét đẹp riêng biệt. Có những tác phẩm nhấn mạnh những đường cong trên cơ thể, những đặc điểm trên khuôn mặt, cử chỉ, hành động. Phần lớn các họa sĩ thường nắm bắt được các khoảnh khắc, kịch tính nhằm tạo ra một tác phẩm ấn tượng. Đôi khi những tác phẩm ấy ghi lại những dấu ấn, tên tuổi của các họa sĩ thông qua chất liệu: họa sĩ Nguyễn Gia Trí với chất liệu sơn mài, họa sĩ Tô Ngọc Vân với chất liệu sơn dầu, họa sĩ Nguyễn Phan Chánh với chất liệu lụa.

Từ những quan điểm trên chúng ta có thể thấy chủ đề về phụ nữ Việt Nam vẫn luôn là nguồn cảm hứng bất tận của các họa sĩ và các nhà văn, nhà thơ. Với việc khai thác hình tượng người phụ nữ ở hai giai đoạn khác nhau của họa sĩ Tô Ngọc Vân đã khẳng định khả năng và sự cảm nhận về cuộc sống xung quanh, sự sáng tạo trong nghệ thuật. Ông đã xây dựng được hình tượng người phụ nữ Việt Nam dù ở thời kỳ nào vẫn mang trong mình sự thuần khiết, mộc mạc, duyên dáng và thanh cao.

1.1.3. Nghệ thuật tạo hình

Trong từ điển tiếng Việt có đưa ra định nghĩa về nghệ thuật. Nghệ thuật là một danh từ và nghệ thuật chính là “hình thái ý thức xã hội đặc biệt, dùng hình tượng sinh động, cụ thể và gợi cảm để phản ánh hiện thực và truyền đạt tư tưởng, tình cảm” [22, tr.836]. Nghệ thuật là thuật ngữ dùng để chỉ chung cho các loại hình nghệ thuật thuộc lĩnh vực tinh thần, giúp phản ánh hiện thực và thông qua nghệ thuật con người thể hiện được tâm tư, tình cảm của mình. Nghệ thuật gồm nhiều lĩnh vực khác nhau như: hội họa, điêu khắc, kiến trúc, văn học, âm nhạc, điện ảnh... nhưng chỉ có hội họa, kiến trúc, điêu khắc vừa phản ánh được hiện thực, truyền đạt tư tưởng và tình cảm một cách sinh động và cụ thể và thông qua nhiều loại ngôn ngữ nghệ thuật khác nhau.

Trong từ điển tiếng Việt có giải nghĩa tạo hình là động từ: “Tạo ra các hình thể bằng đường nét, màu sắc, hình khối” [22, tr.1105]. Như vậy tạo hình là hoạt động chung của các loại hình nghệ thuật sử dụng đường nét, màu sắc, hình khối để tạo nên các tác phẩm nghệ thuật như: hội họa, điêu khắc, trang trí, kiến trúc, đồ họa.

Có thể thấy loại hình nghệ thuật ra đời sớm nhất của xã hội loài người đó chính là nghệ thuật tạo hình. Nó bao gồm nhiều hình thức thể hiện khác nhau như: điêu khắc, hội họa, đồ họa, kiến trúc và trang trí. Các loại hình nghệ thuật đó sáng tạo nên những hình tượng cụ thể, sinh động, gợi cảm thông qua ngôn ngữ tạo hình. Những sản phẩm tạo hình như: các bức tượng, các công trình kiến trúc hay các bức tranh... sẽ có những tác động trực

tiếp vào mắt của người xem thông qua các yếu tố tạo hình: hình khối, đường nét, màu sắc, bố cục. Từ những lý do đó mà nghệ thuật tạo hình còn có thể gọi là nghệ thuật thị giác.

1.1.4. Phương pháp dạy học mỹ thuật

Với các nhà giáo dục thì mỹ thuật là một môn học có vai trò quan trọng trong việc giáo dục phát triển toàn diện cho học sinh, giúp các em tự tin thể hiện sự sáng tạo của mình.

Có nhiều quan điểm khác nhau về dạy học, có những quan niệm dạy học truyền thống và những quan niệm dạy học hiện đại. Đối với quan điểm theo hoạt động thì dạy học có hai hoạt động đó là hoạt động dạy của giáo viên và hoạt động học của học sinh.

Bên cạnh đó xuất hiện quan niệm, dạy học là quá trình hoạt động của người dạy (giáo viên) và người học (học sinh) nhằm thực hiện các hoạt động, nhiệm vụ và mục tiêu đã đặt ra ngay từ đầu. Trong quá trình diễn ra hoạt động, người dạy luôn là người giữ vai trò chủ đạo, định hướng cho người học còn người học là người tích cực tham gia vào các hoạt động nhằm thực hiện các mục tiêu và nhiệm vụ dạy học. Thông qua hoạt động này người học sẽ được phát triển nhiều mặt của bản thân như năng lực tư duy, năng lực hoạt động cá nhân (nhóm)... Khi quá trình hoạt động của người dạy và người học có sự tương tác tích cực với nhau thì sẽ xuất hiện quá trình dạy học.

Chúng ta có thể thấy dạy học chính là một hoạt động rất đặc trưng bởi đối tượng chính mà hoạt động này hướng tới đó chính là con người. Và hoạt động dạy học là quá trình trao đổi của người giáo viên với người có nhu cầu học (học sinh), đây chính là quá trình tương tác, trao đổi, chuyển giao những kiến thức của giáo viên và học sinh có nhiệm vụ tiếp nhận, xử lý, vận dụng những kiến thức đó vào bài học và cuộc sống hàng ngày. Để thực hiện được quá trình đó chúng ta cần phải thông qua một phương pháp đặc thù đó chính là phương pháp dạy học.

Với nhà sư phạm I. La. Lecne thì phương pháp dạy học là tổng hợp những hành động của giáo viên có mục đích nhằm tổ chức các hoạt động tìm hiểu kiến thức và cả thực hành của học sinh. Thông qua các hoạt động đó giúp học sinh lĩnh hội được hoàn toàn các nội dung một cách đáng nhớ nhất.

Theo nhận định của học viên thì dạy học mỹ thuật là quá trình giúp học sinh phát huy được khiếu thẩm mỹ của bản thân và tùy theo nhu cầu của người học để có nội dung truyền tải phù hợp. Ví dụ với những đối tượng học sinh trong trường cấp 1, 2 thì nhà trường không nhằm đào tạo học sinh thành những họa sĩ mà mục tiêu là giúp các em có những nhận thức mới, niềm vui mới và những sáng tạo từ đó phát triển khả năng cảm thụ cái hay, cái đẹp. Còn với đối tượng là những người học chuyên nghiệp thì việc dạy học mỹ thuật không đơn giản chỉ dừng lại ở việc giúp học sinh cảm thụ cái hay, cái đẹp mà cần hướng dẫn chuyên sâu hơn để từ đó phát triển ứng dụng vào cuộc sống như hội họa, đồ họa.

Trong quá trình dạy học môn mỹ thuật để thúc đẩy và phát huy được tính tự chủ, tích cực của học sinh là một nhu cầu cấp thiết. Mỹ thuật là một môn học mang nhiều tính cá nhân nên nếu học sinh tích cực trong quá trình học thì hiệu quả của bài học sẽ như mong muốn, còn nếu học sinh thấy không hứng thú thì dù giáo viên có cố gắng như nào thì cũng không có hiệu quả. Đặc biệt, mỹ thuật là một môn học nghệ thuật thì càng cần những phương pháp dạy học đặc thù. Nếu sử dụng phương pháp dạy học phù hợp thì giáo viên sẽ giúp học sinh phát huy tính tự giác, tích cực, chủ động trong các hoạt động học tập trên lớp. Từ đó học sinh sẽ nắm vững kiến thức hơn không chỉ trong hoạt động vẽ tranh mà cả trong cách cảm nhận cái đẹp trong cuộc sống hằng ngày.

Có thể kể đến một số phương pháp dạy học đặc thù của môn mỹ thuật gồm có:

Phương pháp trực quan

Phương pháp trực quan là phương pháp dùng những đồ vật cụ thể như tranh, ảnh hay các phương pháp kỹ thuật giúp học sinh có thể thấy trực tiếp đối tượng cần tìm hiểu. Trong quá trình giảng dạy giáo viên sẽ dùng phương pháp trực quan để làm rõ vấn đề, giáo viên sẽ lựa chọn một số tranh, ảnh của họa sĩ Tô Ngọc Vân và tranh ảnh của học sinh khóa trước phù hợp với nội dung bài dạy dành cho lứa tuổi học sinh lớp 1 và lớp 4 để phân tích cho HS dưới góc nhìn của mỹ thuật. Giáo viên sẽ gợi ý giúp HS có những tìm hiểu về màu sắc, bố cục, đường nét để hiểu rõ về phong cách nghệ thuật của họa sĩ Tô Ngọc Vân. Thông qua những tác phẩm, bức tranh GV và HS cần có sự tương tác với nhau để HS làm rõ được vấn đề thông qua giáo cụ trực quan.

Phương pháp quan sát

Phương pháp quan sát là phương pháp GV tạo cơ hội cho HS được trực tiếp hoặc gián tiếp ngắm, nhìn, sờ và cảm nhận một sự vật, hiện tượng theo những gợi ý của GV một cách thực tế nhất. Khi GV đưa ra một bức tranh HS cần nhìn, ngắm nhận ra được yếu tố tạo hình trong bức tranh.

Trong quá trình tiến hành dạy học GV sẽ hướng dẫn học sinh quan sát từ bao quát đến chi tiết, khi quan sát cần đối chiếu, so sánh để rút ra nhận nhận định của HS về một số tác phẩm của họa sĩ Tô Ngọc Vân mà GV đã sử dụng trong giáo cụ trực quan.

Phương pháp đàm thoại gợi mở

Đây là phương pháp thể hiện sự tương tác giữa GV và HS trong các hoạt động. Thông qua những hình ảnh, video GV trình chiếu cho HS quan sát GV sẽ lên hệ thống câu hỏi gợi mở, phù hợp với độ tuổi và khả năng nhận thức của học sinh để học sinh suy nghĩ và trả lời. Từ những đàm thoại gợi mở mà giáo viên đưa ra học sinh sẽ phát huy được khả năng tư duy và sự sáng tạo trong mỹ thuật từ hình khối đến màu sắc. Đây là phương pháp

thể hiện được sự tương tác giữa giáo viên và học sinh ở những hoạt động mở trong tiết học.

Phương pháp luyện tập thực hành

Phương pháp luyện tập thực hành là phương pháp quan trọng trong môn mỹ thuật, giúp học sinh phát triển khả năng của bản thân, hoàn thiện những kỹ năng HS đang thiếu nhờ vào hoạt động vẽ đi vẽ lại.

Trong một tiết mỹ thuật hoạt động luyện tập chiếm khoảng 20 phút, thời gian đầu HS được GV tổ chức tìm hiểu nội dung và hướng dẫn cách vẽ. HS có thể vẽ luyện tập tại lớp trong tiết học, trong giờ ra chơi hoặc luyện tập ở nhà. Từ những tìm hiểu về lý thuyết ở hoạt động 1, GV sẽ giao nhiệm vụ cụ thể và có những hướng dẫn phù hợp với khả năng của HS để HS luyện tập từ đó kỹ năng vẽ tranh của học sinh sẽ phát triển.

Phương pháp dạy học hợp tác trong nhóm nhỏ

Đây là phương pháp GV tổ chức chia lớp thành các nhóm nhỏ từ 4 đến 6 thành viên trong cùng một nhóm để thảo luận, chia sẻ và tập hợp ý kiến về một vấn đề dưới sự phân công nhiệm vụ của GV. Trong quá trình tìm hiểu về nội dung bài GV sẽ giao nhiệm vụ cho HS thảo luận và trình bày kết quả mà HS thảo luận được về một tác phẩm hay bức tranh. Từ hoạt động thảo luận đó HS sẽ mạnh dạn bày tỏ ý kiến cá nhân, biết cách chọn lọc, tập hợp và tự tin trình bày kết quả của cả nhóm.

Phương pháp kiểm tra đánh giá

Đánh giá môn mỹ thuật đòi hỏi GV quan sát HS ở cả quá trình học, quá trình làm bài. Thông qua các phương pháp kiểm tra, đánh giá như quan sát, vấn đáp, giao nhiệm vụ trong dự án giúp GV đánh giá được kết quả học tập của HS và từ đó GV sẽ có những kinh nghiệm để những điều chỉnh về mục tiêu, nội dung và cả phương pháp sao cho phù hợp với HS ở những bài sau nhằm tiết học đạt hiệu quả cao.

Để tạo động lực cho HS, GV sẽ đánh giá một cách tích cực, luôn động viên, khích lệ HS để HS cố gắng và có những tiến bộ ở bài sau. GV

lưu ý không nhận xét tiêu cực khiến HS chán nản, lo sợ, tự ti trước các bạn dẫn đến tình trạng sợ môn mỹ thuật.

1.2. Khái quát về họa sĩ Tô Ngọc Vân

1.2.1. Khái quát về cuộc đời và sự nghiệp của họa sĩ Tô Ngọc Vân

Họa sĩ Tô Ngọc Vân, bút danh là Ái Mỹ và Tô Tử sinh ngày 15 tháng 12 năm 1906 tại Hà Nội. Quê ông ở làng Xuân Cầu, xã Nghĩa Trụ, huyện Mỹ Văn, tỉnh Hải Hưng. Ông theo học trường Cao đẳng Mỹ thuật Đông Dương năm 1926 và tốt nghiệp năm 1931. Những năm 1939 - 1945 ông được cử làm Giáo sư trường Cao đẳng Mỹ thuật Đông Dương và từ sau cách mạng tháng Tám năm 1945 ông được Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa cử làm giám đốc của trường. Trong những năm kháng chiến chống thực dân Pháp, ông là Trưởng đoàn Văn hóa kháng chiến Việt Bắc, Giám đốc xưởng họa kháng chiến và Hiệu trưởng trường Mỹ thuật Việt Nam [38, tr.4].

Vốn có sở thích vẽ từ nhỏ nên khi học hết năm ba trường Bưởi (trung học) ông đã quyết tâm bỏ trường Bưởi để có thời gian ra ngoài học vẽ. Với sự quyết tâm của mình ông chỉ học ở lớp dự bị vài tháng thì ông chính thức thi đỗ vào Khóa II Trường Cao đẳng Mỹ thuật Đông Dương (1926 - 1931). Với tất cả tình yêu quê hương đất nước và một trái tim nhiệt huyết nên trong những năm tháng còn ngồi trên ghế nhà trường ông đã có khao khát nghiên cứu sâu về kỹ thuật sử dụng chất liệu sơn dầu và ông cũng là người thành công trong việc sử dụng chất liệu này ở Việt Nam. Họa sĩ Trần Văn Cẩm đã nói “Trên tiền đồ vẻ vang của mỹ thuật Việt Nam, Tô Ngọc Vân là người đặt nền móng đầu tiên và góp vào đầy nhiều công phu xây đắp. Hình ảnh Tô Ngọc Vân là hình ảnh tươi sáng không bao giờ phai nhạt trong lòng mỗi người nghệ sĩ Việt Nam” [39, tr.3].

Là một người thông minh, chăm chỉ cùng với niềm đam mê, say chất liệu đẹp nên Tô Ngọc Vân đã tìm hiểu mọi chất liệu khác nhau: “Vẽ sơn dầu có tài... ưa thích cái nhẹ nhàng của màu nước... ưa thích cái dứt khoát, rắn rỏi của nét khắc gỗ in lằn trên nền giấy dó của chất liệu mộc bản...” [39, tr.5].

Năm 1931, sau khi tốt nghiệp Trường Mỹ thuật Đông Dương ông đã vẽ nhiều tranh phong cảnh, sinh hoạt ở Ăng - co, Băng - cốc, Huế... với những phong cảnh bên nước, con thuyền đầy thơ mộng trên sông Hương. Cũng chính vào thời điểm này, Tô Ngọc Vân phải trải qua hai năm với cuộc sống chật vật vì khủng hoảng kinh tế, không được Pháp bổ dụng. Sự nghiệp của ông bắt đầu với việc đi dạy học tư, vẽ thuê và làm báo. Tờ báo đầu tiên ông tham gia làm là “Nhân loại” sau đó đến “Phóng hóa”, “Ngày nay” cho đến tờ cuối cùng là “Thanh Nghị”. Năm 1931, ở Triển lãm thuộc địa Paris ông đã nhận được Giải thưởng huy chương vàng cho bức tranh sơn dầu “Bức thư”. Vào ngày 1/1/1932, ông đã lập gia đình riêng cùng người con gái tên là Nguyễn Thị Hoàn sinh ngày 30/12/1912. Sau đó, ông nhận được bằng danh dự ở phòng triển lãm Hòa sĩ Pháp. Năm 1933, ông đã có bức tranh sơn dầu “Cảnh nhà Việt Bắc” được bày ở bảo tàng Algiers và bức tranh lụa “Gia đình Việt Nam” bày ở Bảo tàng thuộc địa, Paris. Cũng vào năm này ông được bầu là hội viên của Hội họa sĩ Pháp và được tín nhiệm mời vào Huế vẽ tranh trang trí phòng ăn, phòng ngủ, cung điện cho nhà vua.

Năm 1935, ông đi Campuchia dạy học tại trường Xixovats nhưng với tình yêu quê hương đất nước nên năm 1938 ông đã quay trở về Việt Nam và tham gia giảng dạy tại trường Bưởi (nay là trường Trung học phổ thông Chu Văn An).

Năm 1939, ông được bổ nhiệm về trường Mỹ thuật Đông Dương giảng dạy bộ môn hình học và được phong giáo sư. Ông đã có công rất lớn trong công cuộc đào tạo ra lớp họa sĩ tài ba như: Nguyễn Tư Nghiêm, Bùi

Xuân Phái, Dương Bích Liên... ông là thầy dạy của nhiều thế hệ, nhiều khóa học từ 1939 trở về sau này.

Có nhiều họa sĩ khai thác về vẻ đẹp của người phụ nữ nhưng mỗi họa sĩ lại lựa chọn cho mình một khía cạnh khác nhau. Riêng Tô Ngọc Vân, ông lựa chọn cho mình đề tài khai thác chính trong giai đoạn này là vẻ đẹp của những thiếu nữ Hà Nội với các tác phẩm: Xuân tươi (Lụa, 1940), Thiếu nữ bên tràng kỷ (Sơn dầu, 1941), Thiếu nữ trước tranh Tam Đa (Sơn dầu, 1941), Hai thiếu nữ và em bé (Sơn dầu, 1944), Thiếu nữ bên hoa huệ (Sơn dầu, 1943), Thiếu nữ bên hoa sen (Sơn dầu, 1944)...

Họa sĩ Trần Văn Cẩn đã viết:

Những tranh màu dầu của anh vẽ về những phụ nữ thành thị vào những năm 1938 - 1943 là một mảng sáng tác đầy nhạy cảm, hào hứng của anh và cũng là những tranh đã khiến anh nổi tiếng là một họa sĩ của phái đẹp thành thị. Xem những tác phẩm ấy của Tô Ngọc Vân ta thấy cái say mê lâng lâng và bốc của anh tưởng đâu nhà họa sĩ đã để cho niềm rung động chỉ huy như một ma thuật, nhưng thực ra, ở tác giả lại là một sự cân nhắc thận trọng và tài khéo, đo lường những hiệu quả và cảm xúc của mình để thấy trước bước đi muốn đạt [39, tr.6].

Năm 1943, khi trường Mỹ thuật Đông Dương sơ tán lên Sơn Tây, ông tham gia vào nhóm FARTA (Foyer de l'Art annamite). Trong thời gian này ông vừa dạy vừa sáng tác tranh nên ông thường xuyên trưng bày các tác phẩm của mình và viết bài trên các báo Hà Nội.

Năm 1945 khi Cách mạng tháng Tám thành công, Tô Ngọc Vân đã tham gia phong trào văn hóa cứu quốc. Thời gian này ông đã sáng tác ra hai bức tranh cổ động lớn là “Phá xiềng”, “Việt Nam giải phóng”. Đây cũng chính là thời gian ông được vẽ Bác Hồ với thành quả là bức tranh sơn dầu “Bác Hồ tại Phủ Chủ tịch”. Chúng ta có thể thấy đề tài chủ yếu của Tô

Ngọc Vân trong những năm trước cách mạng là người phụ nữ thành thị thì từ khi cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp đã lay động được ông. Từ một họa sĩ luôn có nguồn cảm hứng chủ yếu là các thiếu nữ Hà Nội với quan niệm rằng “không có thứ nghệ thuật nào không có sự nhục cảm”, ông dành nửa đời mình khám phá về đường cong uốn lượn, hình thể của người phụ nữ thì kể từ năm 1945 bước sang một phong cách khác hẳn, ông đoạn tuyệt với đề tài cũ.

Từ khi Nhật đảo chính Pháp khiến trường Cao đẳng Mỹ thuật Đông Dương đóng cửa thì đến ngày 15 tháng 11 năm 1945 Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa cử Tô Ngọc Vân làm giám đốc (hiệu trưởng) trường Cao đẳng Mỹ thuật Việt Nam. Nhưng chỉ sau khi tuyển sinh được được mấy tháng thì kháng chiến toàn quốc nên trường phải tạm ngừng và Tô Ngọc Vân lại lên Việt Bắc tham gia vào đội tuyên truyền xung phong vẽ tranh, kẻ khẩu hiệu.

Từ năm 1946 đến năm 1950, ông đã miệt mài cho ra những tác phẩm lớn, có tác phẩm tới mấy mét vuông như: “Luồn rừng”, “Y tá”. Ngoài ra trong thời gian này ông cũng sáng tác thêm nhiều tác phẩm khác với nội dung về kháng chiến “Hà Nội vùng đứng lên” (Sơn dầu - khắc gỗ), “Nữ cứu thương” (Sơn mài)... và rất nhiều tranh ký họa về bộ đội và du kích. Trong những ký họa của Tô Ngọc Vân, ông đã cho mọi người thấy những nét bình dị, mộc mạc, đơn giản của người nông dân qua hình ảnh cô gái Thái thân hình tròn lẳn, cân đối, săn sóc công việc gia đình, sự quyết tâm, vẻ đẹp cao quý, thiêng liêng của những người chiến sĩ. Xuất phát từ những tình cảm chân thật với cách mạng, Tô Ngọc Vân đã xây dựng nên một hình tượng người phụ nữ mới với sự thành công rõ rệt của hiện thực cách mạng.

Có thể nói họa sĩ Tô Ngọc Vân chính là người có công đầu trong việc sử dụng chất liệu sơn dầu ở Việt Nam, chứng minh cho Joseph Inguimberty thấy sơn dầu không chỉ thuộc về Châu Âu. Tô Ngọc Vân

không chỉ là một trong những họa sĩ lớn của nền hội họa Việt Nam mà ông còn thuộc “bộ tứ” nổi tiếng trong nền hội họa Việt Nam. Đó chính là nhất Trí, nhì Vân, tam Lân, tứ Cẩn (Trí - Nguyễn Gia Trí, Vân - Tô Ngọc Vân, Lân - Nguyễn Tường Lân, Cẩn - Trần Văn Cẩn).

Có thể thấy Tô Ngọc Vân không chỉ là một họa sĩ và ông còn là một chiến sỹ cách mạng. Ông đã hy sinh ở chân đèo Lũng Lô vào một buổi trưa ngày 17 tháng 6 năm 1954. Phải chăng tài năng của ông sẽ phát triển hơn, kho tàng tác phẩm của ông sẽ nhiều hơn nếu ông không hy sinh khi tuổi còn quá trẻ. Vào năm 1954 trong Triển lãm mỹ thuật toàn quốc các tác phẩm của Tô Ngọc Vân đã được trao tặng “Giải nhất”.

1.2.2. Một số tác phẩm tiêu biểu của họa sĩ Tô Ngọc Vân

Tô Ngọc Vân với niềm đam mê hội họa từ nhỏ nên dù chỉ sống 48 năm (1906 - 1954) nhưng ông đã cống hiến cả cuộc đời cho nền hội họa Việt Nam. Các tác phẩm của ông không chỉ được thể hiện bằng một loại chất liệu mà được thể hiện bằng nhiều chất liệu khác nhau như: lụa, sơn dầu, màu bột, sơn mài hay màu nước. Nghệ thuật của ông bao giờ cũng xuất phát từ hiện thực. Ông không phải là họa sĩ Việt Nam đầu tiên vẽ sơn dầu nhưng ông là họa sĩ thành công trong kỹ thuật sử dụng sơn dầu. Không chỉ vậy, ông còn là một người có tư chất nghệ sĩ và tấm lòng nhân hậu học thức uyên bác và chuẩn mực. Vì vậy, trong các sáng tác của mình ông luôn thể hiện được tình yêu hội họa sâu sắc, tranh ông không chỉ toát lên tâm hồn và tình cảm gắn chặt với cái đẹp mà còn thể hiện sự tư duy, khúc triết trong kỹ thuật thể hiện màu sắc, ánh sáng... Chặng đường nghệ thuật của ông được chia thành hai giai đoạn khác nhau từ khi khởi đầu với nghệ thuật hội họa.

Đầu tiên là giai đoạn trước Cách mạng tháng Tám, họa sĩ tập trung vào tìm hiểu và khai thác vẻ đẹp của người phụ nữ Hà Thành trong tà áo

dài truyền thống với vẻ đẹp lãng mạn, duyên dáng, trong sáng. Có thể thấy rằng ở giai đoạn này họa sĩ không khắc họa chân dung một nhân vật nào cụ thể mà chỉ gọi lên những hình tượng với sự thuần khiết, thanh cao của người phụ nữ Việt Nam. Những hình tượng người phụ nữ được khắc họa trong không gian yên bình, thiên nhiên tươi đẹp cùng với cỏ cây hoa lá, ánh nắng nhẹ nhàng... Trong tranh của ông những nếp gấp, đường cong của tà áo dài đã thể hiện được vẻ đẹp hình thể của người phụ nữ. Những cử chỉ của tay, chân hay dáng ngồi đều được ông khắc họa để thể hiện vẻ đẹp của người phụ nữ Việt Nam. Những thể hiện khuôn mặt người phụ nữ như hơi nghiêng nhẹ đầu hay ánh mắt nhìn hướng gọi chút gì đó buồn, sự trầm tư suy nghĩ, sự mơ màng, dịu dàng chứ không thể hiện rõ ràng cảm xúc như vui, buồn... Thông qua những nét biểu cảm được thể hiện trên khuôn mặt của người phụ nữ họa sĩ đã phản ánh được quan điểm về vẻ đẹp người phụ nữ của họa sĩ trong thời kỳ đó.

Qua màu sắc và nét bút của ông chúng ta có thể thấy đề tài trong tranh của họa sĩ đậm chất lãng mạn. Những tác phẩm sáng tác về hình tượng người phụ nữ trong tranh của họa sĩ Tô Ngọc Vân đều rất dịu dàng, đôn hậu thể hiện qua các tác phẩm tiêu biểu như: “Thiếu nữ bên hoa huệ”, “Hai thiếu nữ và em bé”, “Thiếu nữ bên hoa sen”, “Thiếu nữ bên cửa sổ”, “Dưới bóng nắng”, “Buổi trưa”, “Thiếu nữ bên tràng kỷ”, “Thiếu nữ trước tranh Tam Đa”, “Thiếu nữ bên thềm”...

Tuy các tác phẩm trong giai đoạn này của ông được thể hiện với chất liệu sơn dầu - chất liệu của các họa sĩ Châu Âu nhưng ông không bị ảnh hưởng quá nhiều mà ông đã có sự hòa trộn giữa phong cách hội họa phương Tây và cốt cách Á Đông. Sự kết hợp đó đã tạo cho họa sĩ một phong cách nghệ thuật riêng, tạo ra những tác phẩm có chiều sâu, màu sắc và ánh sáng sinh động. Sắc độ trong tranh tuy nhẹ nhàng nhưng vẫn thể hiện rõ được hình

khỏi nhờ sự tìm tòi, nghiên cứu rất chi tiết của ông từ những ký họa nhỏ. Tuy hình vẽ của ông luôn được trau chuốt nhưng nhờ bút pháp thoải mái nên hình vẽ trong tranh của ông không bị gò bó. Với bút pháp chắc chắn, tinh tế, có tính toán thể hiện đúng tính cách của người dân tộc Việt Nam đó chính là luôn điềm đạm, trầm lặng không ồn ào, không sôi nổi nhưng lại nhiệt tình và luôn khiêm tốn, không khoe khoang.

Phong cách nghệ thuật trong các tác phẩm của họa sĩ Tô Ngọc Vân có nhiều cái mới khác với các họa sĩ khác cùng thời. Dù ông đã được học và nghiên cứu nhiều tác phẩm mang phong cách nghệ thuật Châu Âu nhưng ông không hề bị ảnh hưởng mà tranh của ông cho chúng ta cảm giác rất gần gũi, chân thực, có nét gì đó rất dân tộc giống với tranh Hàng Trống - tranh truyền thống của dân tộc với lối vẽ cẩn thận, trau chuốt, màu sắc tươi sáng “...mà trái lại có những điểm còn cho thấy phảng phất, gần gũi với tranh dân gian, loại tranh Hàng Trống, trau chuốt, nuột nà, sáng sủa” [24, tr.48].

Khi quan sát bức tranh Thiếu nữ bên hoa huệ ẩn chứa điều gì đó rất gần gũi với bộ tranh Tố nữ với cô gầy đàn, cô cầm xên, cô thổi sáo, cô cầm quạt. Họa sĩ đã sử dụng nhiều đường nét lượn để thể hiện hình tượng người phụ nữ. Những nét lượn từ trên vai xuống thân đến những nếp nhăn trên tà áo dài truyền thống. Dù ở phần thân áo họa sĩ chỉ sử dụng mảng màu đơn giản nhưng bên cạnh đó những chi tiết nhỏ, những sắc màu có trong bình hoa đã khiến bức tranh ông có một phong cách riêng nhưng vẫn có gì đó phảng phất dân tộc.

Giai đoạn thứ hai là giai đoạn sau Cách mạng tháng Tám, nghệ thuật của ông gắn với lý tưởng chung của dân tộc. “Cách mạng tháng Tám bùng nổ và thắng lợi. Cuộc kháng chiến chống xâm lược Pháp đã lay động Tô Ngọc Vân đoạn tuyệt với đề tài cũ, bắt đầu giai đoạn sáng tác mới” [3, tr.11]. Sự nghiệp hội họa của họa sĩ Tô Ngọc Vân chuyển biến theo thời

gian và hoàn cảnh lịch sử. Trong thời gian kháng chiến Tô Ngọc Vân được sống với những người nông dân chất phác, được hòa chung không khí vui, buồn cùng những con người lao động, những chiến sĩ hết lòng bảo vệ Tổ quốc, đã giúp ông có nguồn cảm hứng để sáng tác và có các tác phẩm mới: “Hà Nội vùng đứng lên” (1948), “Nữ y tá” (1949) và còn nhiều tác phẩm khác đã ra đời từ đây.

Trong những ký họa của mình họa sĩ đã phát hiện ở những con người bình dị, mộc mạc, người nông dân, người chiến sĩ một vẻ đẹp cao quý, thiêng liêng. Từ tình cảm cách mạng, Tô Ngọc Vân đã xây dựng nên hình tượng con người mới, thành công rõ rệt của hiện thực cách mạng mang dáng nét của thời đại. Đó là điều ông đi trước các đồng nghiệp của mình [3, tr.12].

Những ký họa được họa sĩ vẽ trong giai đoạn sau cách mạng tháng Tám đã khắc họa nên hình tượng người phụ nữ Việt Nam với sự hiền hậu, kiên cường, tự tin, hy sinh và khẳng định được vai trò của người phụ nữ trong cuộc sống như các ký họa: “Tôi có ý kiến” (1954), “Chị cốt cán” (1954), “Nữ giáo viên người dân tộc Thái” (1954), “Thiếu nữ dân tộc đứng” (1954), “Cô gái dân tộc Mèo” (1954)...

1.3. Chương trình giáo dục phổ thông mới 2018

Trong quá trình tìm hiểu về chương trình giáo dục phổ thông mới 2018 của Bộ giáo dục và đào tạo ban hành kèm theo thông tư số 32/2018/TT - BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018 học viên được biết chương trình mỹ thuật giáo dục phổ thông mới được xây dựng với mong muốn tạo cơ hội cho học sinh được trải nghiệm và vận dụng những kiến thức mỹ thuật vào cuộc sống hằng ngày với hai nội dung chính là mỹ thuật tạo hình và mỹ thuật ứng dụng. Với nội dung chính của chương trình học sinh được tìm hiểu từ những kiến thức cơ bản để vận dụng vào cuộc sống hằng ngày đến những kiến thức cần thiết giúp học sinh hiểu và có những định hướng nghề nghiệp phù hợp với bản thân của mình.

Từ những kiến thức cơ bản và những kỹ năng được vận dụng trong từng tiết học, học sinh phát huy được sự sáng tạo, bộc lộ được năng lực mỹ thuật thông qua các bài vẽ và các sản phẩm mỹ thuật sáng tạo. Trong chương trình mỹ thuật của trường TH&THCS FPT đã thể hiện được mục tiêu của chương trình giáo dục phổ thông mới 2018 thông qua các hệ thống những phân môn: Vẽ tranh, vẽ trang trí, vẽ theo mẫu, tập nặn tạo dáng, thưởng thức mỹ thuật. Từ những mục tiêu đó GV định hướng giúp HS sáng tạo được những sản phẩm mỹ thuật, nhận thức được mối quan hệ giữa mỹ thuật với đời sống, xã hội. Học sinh có được thái độ yêu thích thiên nhiên, biết gìn giữ di sản văn hóa, nghệ thuật và khả năng ứng dụng những yếu tố thực tế ngoài tự nhiên vào các sản phẩm của mình.

Những quan điểm và mục tiêu giáo dục trên góp phần xây dựng được kế hoạch dạy học một cách linh hoạt, giáo viên trực tiếp giảng dạy có thể tự điều chỉnh để nội dung phù hợp với cơ sở vật chất của nhà trường và từng lớp học và sự chuẩn bị của từng học sinh.

Với thiết kế phân bổ nội dung ở các lớp, cấp học tiểu học nội dung giáo dục được thực hiện một cách vừa độc lập, vừa được lồng ghép trong thực hành và thảo luận mỹ thuật. Với mỗi khối lớp sẽ có những yêu cầu cần đạt riêng, trong luận văn này học viên có đưa thực nghiệm vào hai khối lớp 1 và lớp 4 nên học viên sẽ tìm hiểu kỹ và đưa ra những yêu cầu cần đạt được và nội dung cụ thể ở từng khối lớp [PL.3, tr.126].

Trong nội dung mỹ thuật tạo hình ở học sinh lớp 1 học sinh được tìm hiểu cách sử dụng các chấm, nét, hình, khối... một cách cân bằng, có nhịp điệu, có tỉ lệ để áp dụng vào thực hành sáng tạo các sản phẩm mỹ thuật. Sau khi tìm hiểu học sinh sẽ phát triển được khả năng quan sát và nhận thức thẩm mỹ; tự tin khi sáng tạo và ứng dụng thẩm mỹ; phân tích và đánh giá thẩm mỹ.

Thông qua những quan điểm, mục tiêu, nội dung giáo dục của chương trình giáo dục phổ thông mới 2018, học viên hiểu rõ được vai trò,

mục đích, nội dung của chương trình học cụ thể của từng khối lớp ở cấp Tiểu học từ đó đưa ra được kế hoạch dạy học phù hợp.

Phương pháp giáo dục mỹ thuật trong giáo dục phổ thông mới 2018 nhằm phát huy được tính tích cực, tự chủ, năng động, sáng tạo ở mỗi học sinh. Để có thể đạt được hiệu quả thì đòi hỏi giáo viên phải linh hoạt, tích hợp, lồng ghép nội dung lý thuyết vào phần thực hành; tích hợp những kiến thức của cuộc sống vào môn học. Trong chương trình mỹ thuật lớp 1 tại trường TH&THCS FPT đã đưa ra một số bài học có lồng ghép kiến thức lý thuyết vào thực hành như: Vẽ tranh theo chủ đề “Chân dung người thân của em”, “Em và bạn em”. Với chủ đề vẽ tranh như vậy, GV lựa chọn những kiến thức lý thuyết phù hợp đưa vào phần tìm hiểu giúp HS có những nhận định và vận dụng được vào thực hành vẽ được chân dung của người thân. Không chỉ thực hiện hoạt động quan sát dụng cụ trực quan dưới sự gợi ý của GV, HS liên hệ với cuộc sống nhớ lại những đặc điểm của người thân và sáng tạo một tác phẩm thể hiện rõ sự vận dụng yếu tố tạo hình trong tranh của họa sĩ vào bài.

Không chỉ vậy, GV cần sử dụng những phương pháp, kỹ thuật dạy học một cách linh hoạt.

Chú trọng dạy học trải nghiệm; vận dụng linh hoạt các phương pháp, kỹ thuật dạy học và các hình thức tổ chức, không gian hoạt động học tập nhằm huy động kiến thức, kinh nghiệm, kích thích trí tưởng tượng, tư duy hình ảnh thẩm mỹ của học sinh, tạo cơ hội để học sinh được vận dụng kiến thức, kỹ năng vào thực hành, thể nghiệm ý tưởng sáng tạo và đưa các sản phẩm sáng tạo vào đời sống [6, tr.67].

Yếu tố cơ sở vật chất cũng rất quan trọng, GV cần biết cách khai thác, sử dụng các thiết bị dạy học một cách hợp lý và tối ưu nhất. Lên kế hoạch để tận dụng những nguyên vật liệu có sẵn ở địa phương.

Vậy để hoạt động dạy học có hiệu quả GV cần phải hiểu các phương pháp và biết cách vận dụng những phương pháp đó làm tiền đề và phát huy khả năng sáng tạo của học sinh một cách hiệu quả nhất. Mỗi một hoạt động sẽ sử dụng phương pháp dạy học phù hợp, trong hoạt động quan sát, nhận thức thẩm mỹ GV cần phải tổ chức, khuyến khích HS quan sát và nêu được những đặc điểm của đối tượng.

Trong hoạt động sáng tạo và ứng dụng, GV luôn hỗ trợ và khuyến khích HS thực hành. Từ những quan sát mỗi HS sẽ hình thành những ý tưởng khác nhau, GV có nhiệm vụ hướng dẫn giúp HS phát triển ý tưởng đó để tạo ra những sản phẩm sáng tạo. Mỗi HS sẽ có những sáng tạo sản phẩm trên nhiều hình thức khác nhau với các chất liệu khác nhau. Khuyến khích HS trải nghiệm những cách làm mới, hình thức mới giúp HS tự tin hơn và từ đó HS được phát triển toàn diện hơn, phát triển các hoạt động nhóm giúp HS linh hoạt hơn khi gặp các tình huống khác nhau.

Để hình thành, phát triển hoạt động sáng tạo và ứng dụng thẩm mỹ ở học sinh, trong tổ chức dạy học, giáo viên vận dụng các yếu tố kích thích khả năng thực hành, sáng tạo của học sinh bằng những cách thức khác nhau; khuyến khích học sinh thử nghiệm và đổi mới, kích thích tư duy, khả năng giao tiếp, hợp tác, giải quyết vấn đề và liên hệ, ứng dụng thực tiễn. Đồng thời, cần có những hướng dẫn cụ thể để học sinh chủ động chuẩn bị, sẵn sàng học tập, sáng tạo nhằm tăng cường ý thức trách nhiệm, thúc đẩy sự hứng khởi ở học sinh. [6, tr.68].

Với hoạt động phân tích và đánh giá thẩm mỹ ở học sinh, giáo viên cần khích lệ HS để HS tham gia tích cực, mạnh dạn tham gia vào các hoạt động trong tiết học. GV cần quan sát và có những đánh giá chính xác về quá trình học tập của từng HS.

Với mục tiêu đánh giá kết quả giáo dục môn mỹ thuật là cung cấp thông tin chính xác, kịp thời để học sinh có thể tự đánh giá được quá trình học của mình, giáo viên theo sát và có những đánh giá chính xác về quá trình học của HS. Tại trường TH&THCS FPT, GV luôn có những đánh giá thường xuyên căn cứ vào thái độ của HS với môn học thông qua sự tích cực, chủ động, chuẩn bị đồ dùng học tập trong mỗi tiết và tình trạng học tập của HS. Để quá trình đánh giá được chính xác, khi đánh giá cần đảm bảo 5 yêu cầu khác nhau: Căn cứ vào mục tiêu giáo dục và yêu cầu giáo dục; khi đánh giá cần căn cứ vào những hành vi, thái độ và kết quả học tập của HS trong quá trình tham gia các hoạt động về mỹ thuật; đánh giá năng lực thông qua những tiến bộ của HS; sử dụng những phương pháp, công cụ đánh giá đảm bảo tính khách quan và cần kết hợp giữa đánh giá thường xuyên và đánh giá tổng kết. Với mục tiêu phụ huynh HS nắm bắt kịp thời tình trạng của HS, GV mỹ thuật sẽ có nhận xét trao đổi trực tiếp sau tiết học với giáo viên chủ nhiệm hoặc phụ huynh đối với trường hợp đặc biệt và gửi nhận xét hàng tháng gửi riêng cho từng HS.

Chính vì vậy đối với khối học sinh Tiểu học, đặc biệt là học sinh khối lớp 1 và lớp 4 GV cần lưu ý đánh giá định tính để được kết quả chính xác. Từ đó GV đưa ra được những phương pháp dạy học phù hợp để quá trình dạy và học đạt hiệu quả. GV và HS tương tác với nhau để khai thác chủ đề một cách khoa học.

1.4. Khái quát về trường Tiểu học và Trung học cơ sở FPT

1.4.1. Quá trình hình thành và phát triển

Mỗi một cơ sở giáo dục, một trường học luôn có quan điểm, tầm nhìn khác nhau. Với mong muốn đào tạo và cung cấp nguồn lực nhân sự giỏi cho nước nhà để có thể cạnh tranh với các nước bạn. Vì vậy năm 1999, tổ chức giáo dục FPT đã trở thành một tổ chức giáo dục lớn mạnh của Việt Nam. Tổ chức giáo dục FPT đã đưa các công nghệ tiên tiến vào quá trình

giảng dạy nên được mọi người biết đến với bên trường học công nghệ. Hơn thế nữa tổ chức giáo dục FPT là tổ chức đầu tiên tại Việt Nam có đủ các cấp học xuyên suốt từ cấp Tiểu học đến Đại học. Tổ chức giáo dục FPT đã đẩy mạnh phát triển và thành lập nhiều trường Đại học, Cao đẳng và Trung học phổ thông đào tạo nên nhiều thế hệ trẻ.

Trường Tiểu học và Trung học cơ sở FPT tại Cầu Giấy, Hà Nội được tổ chức giáo dục FPT thành lập ngày 11/05/2017. Khi mới thành lập, trường chỉ được xây dựng ở một tòa nhà với khuôn viên nhỏ trên đường Tôn Thất Thuyết, Cầu Giấy Hà Nội. Do số lượng học sinh tăng nhanh nên chỉ sau 1 năm, Ban lãnh đạo của tổ chức giáo dục FPT đã quyết định chuyển trường về địa chỉ mới ở 15 Đông Quan, Cầu Giấy, Hà Nội. Nơi đây có khuôn viên rộng hơn giúp HS có điều kiện học tập tốt hơn. Với không gian rộng và cơ sở vật chất đầy đủ, chỉ tiêu tuyển sinh của trường tăng dần cho tới bây giờ trường đã đạt hơn 2000 học sinh của hai cấp Tiểu học và Trung học cơ sở.

Với cơ sở vật chất hiện đại, trong các lớp học được trang bị đầy đủ đồ dùng dạy học tiên tiến giúp quá trình học tập của HS được diễn ra thuận lợi. Trường được xây dựng với thiết kế hình chữ U, ba tòa nhà được đặt tên dựa vào tên của trường tòa F, tòa P và tòa T. Ngoài các phòng học, trường còn có các phòng chức năng để phục vụ các môn học đặc thù như: Steam, Tin học, Mỹ thuật... Sân vui chơi được thiết kế ở giữa và có mái che di động phù hợp để tổ chức các hoạt động vui chơi và học tập đảm bảo tính an toàn và thuận lợi cho sự phát triển của học sinh.

TS. Lê Trường Tùng - Chủ tịch HĐQT Đại học FPT đã gửi những tâm tư của mình đến các cha mẹ học sinh đã và đang có con em học tại trường:

Trường Tiểu học và THCS FPT (FPT Schools) là một thành viên của tổ chức Giáo dục FPT (FPT Education) với hai thập kỷ đào tạo và bồi dưỡng thế hệ trẻ Việt Nam năng động, sáng tạo, sẵn sàng cho những chuyển giao vĩ đại của cuộc cách mạng 4.0. Theo

đuổi triết lý giáo dục nhất quán: “Giáo dục đào tạo là tổ chức, quản trị việc tự học của người học” [47].

Với tinh thần như vậy ông cho biết thêm:

Chúng tôi tạo ra môi trường để phát huy những động lực nghiên cứu, sáng tạo của mỗi học sinh.... Chúng tôi cũng tin rằng giáo dục chỉ mang một ý nghĩa thực sự khi nó mang tới cho học sinh tâm hồn lành mạnh, biết yêu thương, biết phấn đấu vì cuộc sống hạnh phúc, mang đến sự tốt đẹp hơn cho xã hội xung quanh. Chính bởi vậy, bên cạnh việc xây dựng một môi trường học tập tiên tiến, áp dụng các phương pháp học tập mới nhất của thế giới và các chương trình đào tạo đa dạng đáp ứng các yêu cầu thực tiễn, mỗi giáo viên của FPT School còn quan tâm theo dõi quá trình phát triển của từng học sinh, từng bước hướng dẫn các em hoàn thiện nhân cách, khỏe khoắn về thể chất và có tư duy tiên bộ thích ứng với xã hội.... [47].

Với triết lý giáo dục như vậy trường đã xây dựng một chương trình học đặc biệt kết hợp chương trình giáo dục phổ thông mới của BGD&ĐT và những đặc trưng riêng biệt của FPT ở các môn phát triển cá nhân (mỹ thuật, âm nhạc, kỹ năng sống). Với khối Tiểu học, chương trình mỹ thuật được xây dựng một cách linh hoạt và phù hợp với từng khối lớp. Các chủ đề xuyên suốt trong Syllabus như vẽ tranh, tạo hình, gấp Origami hay mỹ thuật thường thức giúp HS phát triển toàn diện. HS sẽ được tìm hiểu những kiến thức mỹ thuật cơ bản ngay từ lớp 1 và nâng cao hơn ở các lớp lớn.

Để quá trình dạy – học mỹ thuật có hiệu quả nhà trường đã trang bị các trang thiết bị và đồ dùng chuyên biệt để tiết học diễn ra hiệu quả như: Có phòng học chuyên biệt, các loại màu vẽ: sáp dầu, màu nước, chì nước, acrylic... Ngoài các nội dung chương trình chính khóa trường còn tổ chức các Câu lạc bộ mỹ thuật hoạt động trong cả năm học như: CLB handmade, CLB happy Art, CLB lọ mọ màu nước, CLB lụa, CLB vẽ truyện tranh...

1.4.2. Cơ cấu tổ chức và đội ngũ giáo viên mỹ thuật

Trường TH&THCS FPT là trường tư thục nên vấn đề trình độ giáo viên để đảm bảo chất lượng dạy học được nhà trường đặt lên hàng đầu. Toàn bộ giáo viên của trường có trình độ đạt chuẩn và trên chuẩn theo quy định của BGD&ĐT. Trường luôn tổ chức các buổi đào tạo, tập huấn giúp GV phát triển chuyên môn cũng như năng lực nghiệp vụ sư phạm giúp GV có thể giải quyết những vấn đề gặp phải trong quá trình dạy học một cách phù hợp. Trường được hoạt động với các tổ chuyên môn như tổ tiểu học, tổ xã hội, tổ tự nhiên, tổ PDP, tổ steam...; ngoài ra không thể thiếu các tổ: văn phòng, tuyển sinh, bảo vệ và công tác học sinh. Mỗi tổ sẽ có một công việc, nhiệm vụ khác nhau nhưng luôn có sự trao đổi giữa các tổ để hướng tới sự hài lòng của phụ huynh và sự phát triển toàn diện ở học sinh. Mọi công việc trong nhà trường luôn được trao đổi một cách kịp thời và nhanh chóng từ cấp quản lý đến ban giám hiệu, các tổ trưởng chuyên môn (tổ trưởng) đến từng thành viên trong tổ một cách khoa học, áp dụng công nghệ tiên tiến.

Với tổng số giáo viên trực tiếp đứng lớp và giảng dạy lên tới 128 giáo viên, trong đó có 3 giáo viên tham gia giảng dạy bộ môn mỹ thuật thuộc tổ phát triển cá nhân. Với sự nhiệt tình và năng lực chuyên môn tốt các giáo viên mỹ thuật luôn được ban giám hiệu đánh giá cao. Năng lực của giáo viên mỹ thuật không chỉ được đánh giá thông qua các tiết học mà còn được đánh giá tốt qua những tác phẩm dự thi của học sinh trong các cuộc thi: FPT Edu Color up, thiết kế Linh vật... Trong năm học vừa qua, được sự đồng ý và hỗ trợ của nhà trường GV mỹ thuật đã kết hợp cùng tổ công tác học sinh tổ chức các hoạt động trải nghiệm cho học sinh trong chương trình “Tết dân gian” và “Teach day” với những trải nghiệm thú vị mang tính dân tộc như tìm hiểu và thực hành kỹ thuật in tranh dân gian Đông Hồ và sáng tạo nghệ thuật phù điêu từ giấy bạc và dây thừng với chủ đề về Điện Biên Phủ. Những hoạt động do các thầy cô giáo mỹ thuật dạy tại trường

TH&THCS FPT tổ chức mang lại cho học sinh những hứng thú, niềm vui, khơi gợi sự sáng tạo. HS được tự do sáng tạo dưới sự hướng dẫn của GV kết hợp với những kiến thức đã được khám phá ở mỗi bài học trên lớp.

1.4.3. Đặc điểm của học sinh tiểu học trường Tiểu học và Trung học cơ sở FPT

Học sinh tiểu học tại trường Tiểu học và Trung học cơ sở FPT có độ tuổi từ 6 đến 11 tuổi. Đây là lứa tuổi rất hồn nhiên, vô tư, dễ thích nghi môi trường và tiếp cận cái mới nhanh, ham học hỏi và bộc lộ cá tính hay năng khiếu riêng của bản thân. Tuy nhiên ở lứa tuổi này các em chưa có độ tập trung cao và dễ xúc động nên hay ảnh hưởng đến tâm lý.

Học sinh tại trường TH&THCS FPT nhìn chung các em có nhiều ưu điểm như: Các em có nề nếp tốt, ngoan ngoãn, hòa đồng cùng các thầy cô (bạn bè), biết giúp đỡ bạn bè. Đặc biệt khi được học ở TH&THCS FPT các em được mạnh dạn thể hiện bản thân, tự tin thể hiện cá tính; ham học hỏi và sáng tạo trong các hoạt động nghệ thuật.

Trong năm học 2022 - 2023, học viên đã được nhà trường phân công giảng dạy bộ môn mỹ thuật của các khối cấp tiểu học từ khối lớp 1 đến khối lớp 4. Trong đó, khối lớp 1 và khối lớp 4 là hai khối lớp có tâm sinh lý, cách tiếp nhận kiến thức khá khác nhau nên học viên đã lựa chọn 2 khối lớp học này để khai thác và vận dụng hình tượng người phụ nữ trong tranh Tô Ngọc Vân vào giảng dạy mỹ thuật. Để quá trình vận dụng đạt hiệu quả học viên đã đi sâu tìm hiểu, nghiên cứu những sự giống và khác nhau giữa tâm sinh lý của học sinh lớp 1 và lớp 4 để lựa chọn những kiến thức và phương pháp dạy học phù hợp đưa vào giảng dạy.

Học viên đã từng đọc được trong một cuốn sách: “Việc hiểu rõ tâm lý của học sinh sẽ giúp ta dễ dàng hình thành được những kiến thức thẩm mỹ trong tư duy về cái đẹp” và học viên nhận thấy điều đó là hoàn toàn cần thiết. Ở mỗi đề tài khác nhau lại cho ta những giá trị về hình tượng người

phụ nữ khác nhau. Từ đó, HS sẽ có những quan điểm khác nhau về hình tượng người phụ nữ. Không chỉ dừng lại đó, thông qua điều này học sinh sẽ có những tư duy cụ thể về khái niệm hình tượng người phụ nữ, HS sẽ càng giàu cảm xúc khi được thưởng thức các tác phẩm mỹ thuật có giá trị.

1.4.4. Tình trạng dạy và học môn mỹ thuật tại trường Tiểu học và Trung học cơ sở FPT

1.4.4.1. Tình trạng giảng dạy mỹ thuật tại trường Tiểu học và Trung học cơ sở FPT

Trường TH&THCS FPT là ngôi trường luôn dành sự chăm chút đặc biệt với sự phát triển toàn diện của từng cá nhân, với mong muốn giúp học sinh hoàn thiện Chân - Thiện - Mỹ. Theo đuổi quan điểm giáo dục: “Giáo dục đào tạo là tổ chức, quản lý việc tự học của người học”, trường TH&THCS FPT đã xây dựng một môi trường thân thiện giúp HS tự tin, mạnh dạn tỏa sáng và thỏa sức sáng tạo. Tuy nhiên có thể thấy hiện nay trường Tiểu học và Trung học cơ sở FPT chưa đưa các tiết học thưởng thức mỹ thuật về các họa sĩ nổi tiếng trong nước vào chương trình học [PL.4, tr.132]. Việc giúp các em cảm thụ nghệ thuật thông qua các tác phẩm và phân tích giá trị nghệ thuật trong tranh từ nội dung và ngôn ngữ tạo hình là rất cần thiết giúp các em thêm yêu nền hội họa nước nhà và hình thành những ý tưởng sáng tạo. Các họa sĩ Việt Nam nổi tiếng Trần Văn Cẩn, Nguyễn Phan Chánh, Tô Ngọc Vân... đã vẽ về chủ đề người phụ nữ thành thị, nông thôn, cách mạng. Chủ đề này rất gần gũi với các em học sinh tiểu học, các em đã được quan sát nhiều trong cuộc sống hằng ngày hoặc được tưởng tượng thông qua các bài thơ, bài văn. Việc giúp các em cảm thụ được giá trị nghệ thuật hay hiểu được ngôn ngữ tạo hình trong các bức tranh của họa sĩ giúp các em hình thành được khả năng thẩm mỹ từ đó các em sẽ có những kiến thức về màu sắc, về bố cục, về đường nét và tự tin vận dụng vào sản phẩm của bản thân.

Từ những kiến thức HS thu được trong tiết học thường thức mỹ thuật “Xem tranh của họa sĩ Tô Ngọc Vân” học sinh đã có những sự thay đổi khi thực hiện những bài vẽ tranh theo chủ đề như chủ đề “Chân dung người thân của em” và “Em và bạn em” ở học sinh lớp 1. Học sinh đã có những vận dụng về bố cục, về màu sắc, đường nét và bút pháp giúp cho bức tranh của HS có tính nghệ thuật hơn. Đặc biệt, hình ảnh trong tranh được học sinh thể hiện đa dạng hơn, thể hiện được đặc điểm riêng của từng đối tượng.

Đối với học sinh khối lớp 4, khi được GV tổ chức cho HS tìm hiểu vài nét về họa sĩ Tô Ngọc Vân và một số tác phẩm tiêu biểu HS đã bổ sung được cho mình kiến thức về đường nét, đậm nhạt. Thông qua hoạt động tìm hiểu HS vận dụng được những đường nét trong tranh Tô Ngọc Vân khi thể hiện ký họa “Cô giáo em”. HS có thêm kiến thức về hình họa, nắm được hình dáng của con người ở các hoạt động khác nhau, bước đầu nắm được tỉ lệ cơ thể người để vận dụng vào bài “Nặn dáng người”. Vì vậy học sinh đã có nhiều sản phẩm tiến bộ hơn. Tuy nhiên kết quả đạt được chưa được như học viên mong đợi, do thời gian và phạm vi vận dụng còn hạn chế. Khi tiến hành đưa vào bài giảng và có một chương trình bài bản thì học sinh sẽ có những tiến bộ hơn trong môn mỹ thuật.

Một hạn chế nữa tồn tại ở trường TH&THCS là chỉ có một phòng học mỹ thuật cho toàn trường nên đôi khi tiết học diễn ra còn khó khăn vì giáo viên phải di chuyển các lớp và việc mang đồ dùng dạy học đi các lớp khiến giáo viên mất nhiều thời gian.

1.4.4.2. Tình trạng việc học mỹ thuật của học sinh tiểu học trường Tiểu học và Trung học cơ sở FPT

Trường Tiểu học và Trung học cơ sở FPT là một trường tư thục thuộc địa bàn Cầu Giấy nên đa số các em học sinh đều yêu thích môn Mỹ thuật và có ý thích trong giờ học. Học sinh luôn được bố mẹ quan tâm nên trước mỗi tiết học các em chuẩn bị đầy đủ đồ dùng học tập. Đặc biệt đối với trường FPT, một ngôi trường chú trọng về công nghệ thì ngoài việc tiếp

cận các kiến thức trên lớp thì HS còn chủ động nghiên cứu, khai thác thêm các kiến thức về mỹ thuật thông qua các sách, báo hay trên mạng internet.

Học sinh trường TH&THCS FPT luôn tích cực và nhanh nhẹn trong mọi hoạt động nên có thể nhanh chóng tiếp cận các phương pháp dạy học mới, các phương tiện dạy học hiện đại mà nhà trường có và thích thú khi được tiếp cận kiến thức mới. Đặc biệt, những kiến thức mỹ thuật luôn gắn liền với cuộc sống hàng ngày của các em nên các em dễ dàng ghi nhớ và liên hệ thực tiễn.

Bên cạnh những ưu điểm thì vẫn còn một số hạn chế tồn tại khiến việc học mỹ thuật ở học sinh chưa đạt kết quả tốt. Đối với học sinh lớp 1 các em mới được tiếp cận và học tập theo định hướng dạy theo chủ đề với mục tiêu học sinh phát huy được khả năng sáng tạo luôn trong các bài vẽ không dễ thực hiện. Đối với một số HS có năng khiếu thì HS có thể nhanh chóng đáp ứng được mục tiêu, còn đối với HS gặp khó khăn hay hạn chế về năng khiếu mỹ thuật thì HS chỉ thể hiện lại được hình ảnh đó ở mức độ đơn giản. Với bài thường thức mỹ thuật, HS lớp 1 đã nêu được cảm nhận của bản thân với bức tranh nhưng còn gặp khó khăn khi chỉ ra yếu tố tạo hình: chấm, nét, hình, khối, màu sắc. Từ khó khăn đó, HS chưa nắm được yếu tố tạo hình trong các tác phẩm của họa sĩ hay bức tranh của HS khóa trước để có những kiến thức vận dụng và sáng tạo vào bài vẽ của mình. Các bài vẽ của HS còn vẽ màu theo sở thích, theo cái quan sát trực tiếp chưa biết cách diễn tả đậm nhạt trong tranh thông qua màu sắc.

Đối với HS khối lớp 4 khi tâm lý của HS phát triển hơn, HS đã đưa ra được những nhận định về yếu tố tạo hình một cách cơ bản như đường nét, hình, màu, không gian như thế nào nhưng HS vẫn chưa vận dụng tốt được nét vẽ, sự linh hoạt, đa dạng nét vẽ quan sát được trong các tác phẩm vận dụng vào trong bài vẽ của mình. Các sản phẩm HS chưa thể hiện được sự kết hợp hài hòa của yếu tố tạo hình trong các ký họa bài “Ký họa cô giáo em”.

Từ những tìm hiểu về hình tượng người phụ nữ trong tranh Tô Ngọc Vân, HS có những nhận định đúng đắn về chủ đề của các tác phẩm. Từ đó HS hiểu rõ hơn về họa sĩ, về quan điểm sáng tác ảnh hưởng từ lịch sử xã hội của ông. HS có thái độ học tập tích cực, chủ động tìm hiểu những nội dung có trong chủ đề và mạnh dạn đưa ra những câu hỏi.

Khi đa số học sinh có ý thức học tốt thì vẫn còn một số học sinh chưa thực sự chú ý vào môn học, trong tiết học vẫn hiếu động, ham chơi, hay nói tự do nên ảnh hưởng đến quá trình khám phá nội dung bài học mới ở trên lớp. Dẫn đến tình trạng không nắm được đặc điểm cấu trúc của đối tượng, tỉ lệ và đưa vào thực hành.

Ngoài những học sinh chưa chú ý thì vẫn còn một số HS muốn hoàn thành bài nhanh nên bỏ qua bước phác thảo nên bài vẽ chưa thể hiện tốt về bố cục, màu sắc vẽ chưa đều chưa kín.

Tiểu kết chương 1

Những hệ thống cơ sở lí luận, khái niệm nghiên cứu cung cấp cho học viên nguồn tư liệu liên quan đến thực tiễn đề tài giúp học viên có những kiến thức giúp học sinh phát triển một cách toàn diện. Khi nghiên cứu đề tài học viên đã nắm được tình hình thực trạng học môn mỹ thuật sinh tiểu học nói chung và học sinh tiểu học trường Tiểu học và Trung học cơ sở FPT nói riêng. Học sinh chưa nắm được cách phân tích hay đơn giản là nêu được cảm nhận của mình về các bức tranh của họa sĩ thông qua đường nét, bố cục, màu sắc. Với thực trạng như vậy, học viên nhận thấy cần đưa những tác phẩm của các họa sĩ vào giảng dạy giúp học sinh có những cảm nhận cơ bản về hội họa và vận dụng được những yếu tố đó vào trong sản phẩm của mình.

Khi tìm hiểu về hình tượng người phụ nữ trong tranh Tô Ngọc Vân đã cho học viên nhiều kiến thức về mỹ thuật và đây chính là nền tảng vững chắc giúp học viên vận dụng được vào quá trình dạy học. Những ảnh hưởng của cuộc sống đến sáng tác, những kỹ thuật vẽ tranh sơn dầu, những

giá trị của tranh ký họa mang lại khi trong giai đoạn kháng chiến và đặc biệt hơn là những giá trị thẩm mỹ về hình tượng người phụ nữ. Đó là những kiến thức khá quen thuộc và cũ với tất cả những người có trải nghiệm nhiều với mỹ thuật nhưng lại là một kiến thức mới mẻ, bổ ích với các em học sinh - thế hệ măng non. Chính vì vậy việc đưa những kiến thức này vào giảng dạy mỹ thuật trong chương trình của trường TH&THCS FPT là vô cùng cần thiết. Học viên đã lựa chọn đưa những tác phẩm như: Thiếu nữ bên hoa huệ, thiếu nữ bên hoa sen, thiếu nữ bên cửa sổ hay những tác phẩm trong kháng chiến như: Hà Nội vùng đứng lên, Nữ giáo viên dân tộc Thái, Chị cốt cán... vào giảng dạy các bài vẽ tranh theo chủ đề, tập nặn tạo dáng và vẽ theo mẫu.

Chương 2

HÌNH TƯỢNG NGƯỜI PHỤ NỮ TRONG TRANH TÔ NGỌC VÂN VÀ VẬN DỤNG VÀO DẠY HỌC MỸ THUẬT CHO HỌC SINH TRƯỜNG TIỂU HỌC VÀ TRUNG HỌC SƠ SỞ FPT, CẦU GIẤY, HÀ NỘI

2.1. Hình tượng người phụ nữ trong tranh Tô Ngọc Vân

Tô Ngọc Vân là một họa sĩ tài năng trong nền mỹ thuật Việt Nam trong thời kỳ 1925 – 1945 và là người đam mê cái đẹp, không ngừng sáng tạo để vươn tới cái đẹp. “Cả cuộc đời ông đã dành cho hội họa và hội họa của ông cũng để dành cho đất nước và nhân dân” [24, tr.16, 17]. Khi khai thác những tác phẩm của Tô Ngọc Vân, học viên cảm nhận được tình yêu tha thiết của ông với hội họa, với con người và với cảnh vật thiên nhiên. Tình yêu đó được thể hiện qua bút pháp, qua nét bút và qua màu sắc trong tranh.

Quá trình nghệ thuật của ông chia làm hai giai đoạn khác nhau nhưng dù ở giai đoạn nào ông cũng thể hiện được tài năng hội họa của mình. Phong cách vẽ của Tô Ngọc Vân đã biểu đạt được tâm tư, tình cảm của người phụ nữ trong từng thời kỳ. Những bức tranh vẽ thiếu nữ đã khắc họa được nét đẹp của người phụ nữ Việt Nam qua vẻ đẹp về hình thể và tâm hồn. Nét đẹp của người thiếu nữ được ông thể hiện qua biểu cảm của khuôn mặt, cử chỉ và dáng điệu của hình thể. Mỗi tác phẩm ông đều khai thác được nét đẹp khác nhau của người phụ nữ. Với phong cách và sự sáng tạo trong nghệ thuật ông đã khắc họa nên hình tượng người phụ nữ dù ở thời bình hay thời chiến thì vẫn toát lên được vẻ đẹp hấp dẫn. Từ những người phụ nữ duyên dáng đến người phụ nữ mạnh mẽ, rắn giỏi; từ những người phụ nữ luôn e ấp, kín đáo, trầm tư, nhẹ nhàng đến người phụ nữ cảm sùng sẵn sàng ra chiến trường bảo vệ tổ quốc; từ những cô thiếu nữ thân hình mảnh mai, thục nữ với cử chỉ nhẹ nhàng, mềm mại trong bộ áo dài thướt tha đến những thân hình mạnh mẽ, rắn chắc trong bộ quần áo gọn gàng, mái tóc buộc gọn, tự tin trong cuộc sống.

2.1.1. Hình tượng người phụ nữ trong tranh Tô Ngọc Vân giai đoạn trước Cách mạng tháng Tám

Tô Ngọc Vân là một họa sĩ tài ba, có nhiều đam mê với nghệ thuật ngay từ nhỏ, khi học dưới mái trường mỹ thuật Đông Dương ông đã yêu thích và lựa chọn chất liệu sơn dầu làm chủ đạo. Bên cạnh đó ông cũng đã thể nghiệm thành công ở một số chất liệu khác như: sơn mài, khắc gỗ, lụa... Ông đã có quá trình được học tập và tiếp thu những kỹ thuật với chất liệu từ các thầy người Pháp nhưng ông đã sớm thể hiện sự sáng tạo và tư duy hướng về dân tộc Việt Nam để tạo ra những hình ảnh người phụ nữ. Từ những quan sát thực tế ông đã khẳng định tên tuổi của mình với nhiều tác phẩm mang chủ đề về hình ảnh người phụ nữ. Đặc biệt là những hình ảnh người phụ nữ Hà Thành đã được ông thể hiện bằng tất cả những đam mê những khao khát đi tìm vẻ đẹp của nghệ thuật.

Từ hoàn cảnh của cuộc sống, ông sinh ra và lớn lên ở Hà Nội nên ông đã dành nhiều tình cảm, cảm xúc của mình cho những con người nơi đây. Ông đã quan sát kỹ và đã có những bản ký họa khái thác chi tiết các dáng hoạt động, biểu cảm khuôn mặt, cấu trúc hình thể của hình tượng người phụ nữ. Từ những ký họa đó ông đã sáng tác những tác phẩm vẽ thiếu nữ Hà Thành. Chính vì vậy từ năm 1938 - 1943 là giai đoạn mà hầu hết các bức tranh của Tô Ngọc Vân đều dành cho những phụ nữ thành thị, những người phụ nữ mang trong mình nét đẹp dịu dàng. Những nét, màu đậm thắm được họa sĩ Tô Ngọc Vân gửi gắm vào con người, cảnh vật trong tranh. Những nét vẽ cong lượn, mềm mại; màu sắc tươi sáng thể hiện sự sống chan hòa, những nét màu ông vẽ đều có sự tính toán kỹ lưỡng.

Trong cuốn “Bình luận mỹ thuật, Tập 2” có viết:

Tranh ông vẽ nhiều về phụ nữ Hà Thành, là những bức sơn dầu lộng lẫy óng chuốt, nổi bật trong các triển lãm mỹ thuật Hà Nội. Nghệ thuật của Tô Ngọc Vân lấy hiện thực để phản ánh, con người trong tranh ông trước cách mạng là những thiếu nữ. Cô

Sáu, cô Mai Chi là người mẫu cho ông vẽ các tranh sơn dầu nổi tiếng như “Thiếu nữ bên hoa huệ”, “Thiếu nữ bên hoa sen”, “Hai thiếu nữ và em bé”. Đề tài ấy bộc lộ tư tưởng và quan điểm thẩm mỹ của ông trên những tranh sơn dầu nổi tiếng, đặt dấu ấn nghệ thuật mà ông từng yêu say khó dứt [9, tr.173].

Chiêm ngưỡng những bức tranh của họa sĩ Tô Ngọc Vân, người xem không thể thoát khỏi sự ngưỡng mộ trước khả năng khai thác nghệ thuật sơn dầu một cách tài ba. Hình tượng người phụ nữ trong tranh của ông luôn thể hiện được sự vững vàng và tinh tế vì ông không chỉ chú trọng đến hình khối và màu sắc mà ông còn thể hiện sự hài hòa, sáng tối lung linh.

Họa sĩ Tô Ngọc Vân đã thể hiện sự tài tình của mình trong cách thể hiện hình, nét, cách diễn tả ánh sáng, đậm nhạt trong tranh và cách thể hiện không gian trong tranh.

Bức tranh “*Thiếu nữ bên hoa huệ*” được họa sĩ Tô Ngọc Vân sáng tác năm 1943 với chất liệu sơn dầu có kích thước (60 x 45) cm, hình ảnh của một thiếu nữ trẻ trung xinh đẹp, dáng vẻ nhẹ nhàng, e thẹn được xây dựng bằng màu sắc vui tươi nhẹ nhàng, xanh ngọc, hồng tươi, trắng phớt bên bình hoa đang nở gợi lên điều gì đó thanh cao, bình lặng của người thiếu nữ Hà Thành. Tấm áo dài trắng tinh khiết cùng cánh hoa trắng hoà hợp trong một bảng màu đơn sắc mà vẫn quyến rũ, khối hình căng đầy và đường cong mềm mại. Một vẻ đẹp hình dáng người thiếu nữ thuần Việt chốn kinh kỳ được Tô Ngọc Vân trân trọng thể hiện từ thẩm mỹ phương Đông hiện lên hài hoà trong đường nét, đậm nhạt. Ông đã đem vào hội hoạ thời Cận đại cái nhìn mới và hợp lý về hình vẽ, màu sắc theo tinh thần viễn cận duy lý khoa học châu Âu từ thời Phục hưng Italia thế kỷ XVI. Cái nhìn đó giúp chúng ta nhận ra cách tạo hình nhân vật, một thiếu nữ e lệ trước hoa như đã gặp đâu đó trong cuộc sống thực. Với những nét cong, nếp gấp trên tà áo dài, hình tượng người phụ nữ trong tranh của Tô Ngọc Vân được

diễn tả với đường lượn từ tay trái phía trên qua vai chuyển sang tay phải, vòng xuống ngang thân, nhịp theo vòng tay có các nếp nhăn tà áo dài phụ họa. Đối lập với cả một mảng màu trắng đơn giản của thân áo là những màu sắc phong phú dịu dàng tươi tắn của lọ hoa có họa tiết hoa lam thời Lê trên gốm cổ truyền. Cảnh hoa huệ xanh ngọc hoa trắng tinh khôi như trò chuyện với người thiếu nữ. Bàn tay trái với những ngón dài búp măng đặt hờ hững nhẹ nhàng trên mái tóc đen mềm mại, e ấp khuôn mặt trái xoan với đôi má phớt hồng thanh tú. Nâng niu cánh hoa là tình cảm của bàn tay phải thiếu nữ, khép lại một vòng chuyển động trong cử chỉ đôi chút điệu đà thơ mộng, lãng mạn của người con gái Hà Nội kiêu sa.

Các tác phẩm của họa sĩ Tô Ngọc Vân đại diện cho một thời kỳ mỹ thuật Đông Dương mà ông từng vẽ và nghiên cứu về những thiếu nữ Hà Thành nhàn tản, yếu điệu, thơ mộng lãng mạn nhưng không kém phần mạnh bạo trong bút pháp của chất liệu sơn dầu. Có thể thấy trong bức tranh *“Thiếu nữ bên hoa huệ”* gam màu chủ đạo được họa sĩ sử dụng chính là màu lạnh. Với sự kết hợp của màu xanh với các màu như trắng, hồng, vàng để tạo ra nhiều sắc độ khác nhau. Sự kết hợp giữa những nét lượn trên cơ thể người thiếu nữ và những bông hoa đã tạo nhịp điệu uyển chuyển cho bức tranh. Những nét màu được kết hợp và hòa quyện vào với nhau tạo nên sự chuyển động, kết hợp hài hòa trong màu sắc.

Sự kết hợp nhuần nhuyễn hòa sắc nhẹ nhàng với các màu tươi sáng khiến người thiếu nữ trong tranh mang nét đẹp dịu dàng, nhẹ nhàng, và luôn tràn đầy sức sống. Các mảng màu, hình nét đã thể hiện sự mềm mại của đường cong hình thể thông qua những nét bút. Ông đã khéo léo khi đặt những nét bút tạo ra các mảng và ánh sáng, bóng tối trong tranh. Ông sử dụng sự tương quan giữa đậm nhạt để làm rõ hình chứ không sử dụng viền nét để tạo sự mềm mại, mượt mà cho hình dáng người thiếu nữ Hà Thành.

Ở bức tranh *“Thiếu nữ bên tràng ky”* họa sĩ Tô Ngọc Vân đã sử dụng kỹ thuật sơn dầu nhưng với tone màu vàng nhẹ nhàng như tranh lụa.

Ông đã biết sử dụng triệt để những ưu điểm của màu sắc đến ấn tượng, như được gợi ý từ màu sắc của tự nhiên cuộc sống hòa nhập với hình, nét tạo ra không gian hoài cổ mà nhẹ nhàng. Những mảng màu tương phản tạo cảm giác về sáng tối được ông xử lý tinh tế theo phong cách riêng biệt gắn với lối nhìn phương Đông truyền thống. Những phong cách sáng tác này không phải tồn tại cố hữu trong quá trình sáng tác của ông, bởi ông luôn biết linh hoạt xử lý ở từng cung bậc của cảm xúc. Những hình ảnh trong tranh về đề tài chiến tranh là những gam màu khác biệt với những gam màu tươi mới được ông sử dụng trong những tác phẩm về đề tài phụ nữ.

Còn trong bức tranh “*Buổi trưa*” họa sĩ khắc họa hình tượng hai thiếu nữ đang trong khoảnh khắc tập trung vào điểm nhìn xuống, một người từ cánh cửa bước ra, một người đang ngồi trên ghế với tư thế vững trãi. Chiếc áo dài màu vàng của cô gái như làm đại diện cho nhân vật chính của bức tranh. Khi vẽ bức tranh này họa sĩ đã sử dụng hình thức lý tưởng hóa cái đẹp từ hình tượng người phụ nữ Hà Thành đài các để miêu tả thành tác phẩm nghệ thuật thật sống động. Có lẽ trong tranh về phụ nữ của ông luôn thể hiện cái tinh thần và tâm thức của con người đã được ông cảm thấy và điển hình, màu, nét, không gian, chất cảm bằng khả năng và tình cảm rất riêng. Chính đề tài về hình tượng người phụ nữ cũng chính là đối tượng tạo sự say mê sáng tác trong ông và sự thành công cũng được kết nối từ quá trình sáng tạo nghệ thuật.

Ông say mê cái đẹp, một cái đẹp thuần túy, lý tưởng thẩm mỹ đã đưa cho ông đến một phương pháp sáng tác hoàn toàn đối lập giữa nghệ thuật và cuộc sống. Ở ông cảm xúc bao giờ cũng mạnh mẽ, màu sắc tươi vui chói lọi, tranh của ông là bản giao hưởng màu sắc. Tính chất lãng mạn trong nội dung từng tác phẩm được thể hiện bằng màu sắc huy hoàng bay bướm nồng nàn cái thành công trong sáng tạo nghệ thuật của ông [3, tr.131].

Bức tranh “*Buổi trưa*” cũng được xây dựng theo tinh thần đó, một tinh thần đầy chất lãng mạn gắn chặt với đời sống văn hóa đương thời. Khi sử dụng những ưu điểm của kỹ thuật sơn dầu ông đã chuyển hóa mang nhiều màu sắc Á đông mà không phải họa sĩ nào cũng có thể thành công trong những thử nghiệm sáng tác của mình. Họa sĩ Tô Ngọc Vân đã biết vận dụng những thế mạnh của kỹ thuật vẽ sơn dầu để chuyển hóa thành ngôn ngữ tạo hình trong tranh của ông một cách tự nhiên và đầy sự hấp dẫn, tươi mới. Sự thành công của tác phẩm còn phụ thuộc vào khả năng điều khiển màu sắc của nghệ sĩ. Người nghệ sĩ phải biết truy tìm vẻ đẹp của màu sắc thông qua chất liệu để phản ánh lên vẻ đẹp tinh tế như chính cuộc sống và sự vận động của nó.

Tô Ngọc Vân là một họa sĩ chú trọng về hình và ông là một trong những họa sĩ vẽ hình rất tinh tế. Nhưng ông cũng đam mê màu sắc nên trong tranh ông luôn kết hợp hài hòa giữa hình họa và màu sắc. Thông qua màu sắc, qua cái cách ông sử dụng những hòa sắc mạnh mẽ, táo bạo nhưng ông luôn làm chủ và điều khiển được màu sắc khi thì rắn chắc nhưng khi lại mềm mại... Điều đó mang lại một phong cách riêng biệt của Tô Ngọc Vân. Với ông vẽ là một quá trình tìm tòi, nghiên cứu, đi từ những bao quát đến chi tiết, từ những phức tạp đi đến chất lọc. Khi vẽ ông nghiên cứu về đối tượng rất kỹ từ những phần nhỏ nhất nên khi sáng tác tranh thì hình vẽ luôn tạo sự thanh thoát, đơn giản để người xem dễ dàng cảm nhận nhưng lại rất chính xác.

Khi ông sáng tác những bức tranh về hình tượng người phụ nữ ông đã có thời gian nghiên cứu rất kỹ, ông kí họa từng chi tiết nhỏ như bàn tay để nhận ra đặc điểm. Khi khai thác hình tượng người phụ nữ, Tô Ngọc Vân đã có những quan điểm riêng và ông khai thác các yếu tố của nghệ thuật tạo hình như: đường nét hình thể qua chất liệu nhằm tạo ra sự óng mượt của vải lụa. Khi vẽ những nhân khối trong tranh, ông đã thể hiện thông qua các

mảng sáng tối tương phản rõ ràng, những nét nhấn trong tranh giúp cho phần nổi của khối có độ sâu nhưng vẫn nằm trong khuôn khổ của sự giản lược một cách tinh tế. Sự cống hiến hết mình cho nghệ thuật, sự say mê tìm tòi, khám phá và thể hiện hình - sắc của những hình tượng để tạo cảm giác cho người xem cảm thấy thật thân quen là những gì người xem cảm nhận được thông qua các bức tranh của Tô Ngọc Vân. Tất cả những sự cực nhọc, vất vả mà ông đã trải qua luôn ẩn dấu chứ không hề phô diễn ra nhưng chính những thứ đó đã khiến ông trở thành cánh chim đầu đàn của nền mỹ thuật Việt Nam hiện đại.

Bức tranh *“Thiếu nữ bên hoa sen”* được họa sĩ Tô Ngọc Vân vẽ năm 1944 với chất liệu sơn dầu, ông đã xây dựng hình tượng nhân vật là một thiếu nữ yêu kiều trong dáng đứng hơi cúi ngửi mùi thơm của bông sen. Có thể thấy hình tượng người phụ nữ trong tranh được họa sĩ thể hiện khác với hình tượng người phụ nữ trong tranh *“Thiếu nữ bên hoa huệ”*. Không phải dáng ngồi e ấp nữa mà ở đây họa sĩ thể hiện nhân vật với dáng đứng chân thẳng nhưng họa sĩ đã sử dụng đường cong của cơ thể để thể hiện vẻ đẹp của người phụ nữ Việt Nam. Những nét cong đó giúp người xem cảm nhận được sự thướt tha, thùy mị và nhẹ nhàng của người phụ nữ Hà Thành. Tạo hình cánh tay một cái để sau lưng còn một cái đặt nhẹ trên tủ và cánh tay được thả nhẹ tạo sự cân đối. Với gam màu vàng, hồng ấm áp tạo sự hấp dẫn cho toàn bộ không gian bức tranh. Họa sĩ đã miêu tả được cái khoảnh khắc tập trung và lịch lãm của người thiếu nữ khi cúi ngửi hương sen. Những hình tròn của chiếc bàn màu đỏ và lọ gốm có trang trí các hoa văn làm cho bức tranh thêm sinh động và tương phản với bộ áo dài trơn trên thân người thiếu nữ. Tất cả tạo ra một bức tranh có chiều sâu không gian và thể hiện sự khỏe khoắn trong bút pháp.

Tranh của ông có sự hấp dẫn của cấu trúc hội họa bác học, tạo nên một vẻ đẹp mới, vừa được quan sát tinh tường, vừa buông

thả xa vời trong tưởng tượng, như một câu văn hay, một ý thơ đẹp, màu sắc luôn ngọt ngào, rung cảm. Sáng tác của ông thể hiện tâm hồn và nhu cầu thẩm mỹ của tầng lớp thị dân mới trong xã hội Việt Nam bấy giờ [20, tr.39].

Hình tượng người phụ nữ trong tranh “*Thiếu nữ bên hoa sen*” của họa sĩ Tô Ngọc Vân đã thể hiện rõ cái thanh lịch của tầng lớp thị dân, thể hiện tâm hồn của tư chất người nghệ sĩ nặng lòng với cái đẹp nghệ thuật. Bảng màu chủ đạo là ấm nóng vàng, đỏ, hồng, nâu họa sĩ đã biết sắp xếp bố cục và không gian bức tranh có lớp lang để làm nổi bật hình ảnh người thiếu nữ. Màu sắc ấy như thể hiện những thế mạnh của chất liệu sơn dầu từng được ông nghiên cứu và khám phá. Điều này khác hẳn với những màu sắc trong tranh lụa của họa sĩ Nguyễn Phan Chánh khi thể hiện hình ảnh những thiếu nữ trong trang phục nâu song đậm chất thôn quê. Cách mà họa sĩ Tô Ngọc Vân thể hiện sự mạnh mẽ trong bút pháp và thế mạnh của chất liệu sơn dầu, từ nét ngang bằng, sỗ thẳng trong tranh được ông tính toán để tạo ra các thế mạnh, vững chãi của trục tung trục hoành nhưng đầy chất hiện thực. Đó cũng là kết quả của quá trình nghiên cứu và học tập từ những kiến thức của các bậc thầy phương Tây V.Tardiau, Inguimberty. Tính trữ tình được thể hiện rất rõ trong bức tranh này, sự hài hòa về màu sắc, đường nét và không gian ánh sáng được ghi nhận trong bức tranh này. Qua tranh này và những bức tranh sơn dầu khác của họa sĩ Tô Ngọc Vân đã khẳng định nghệ thuật vẽ sơn dầu của ông ở đỉnh cao mang đến cho người xem vẻ đẹp của các thiếu nữ, phụ nữ Việt Nam đài các nhưng đầy hấp dẫn theo tinh thần duy mỹ.

Bố cục trong tranh họa sĩ Tô Ngọc Vân là sự đơn giản khi vẽ một nhân vật, tập trung vào diễn tả hành động của đối tượng một cách tự nhiên nhất. Ông đã có những nghiên cứu kỹ về hình, dáng và có sự cân nhắc kỹ lưỡng khi xây dựng bố cục nhân vật trong tranh. Sự kết nối giữa ba nhân vật trong tranh đã tạo cho người xem cảm giác cân bằng, chắc chắn gợi sự

thanh cao và bình lặng của người thiếu nữ Hà Thành. Ông thể hiện đối tượng ở các mảng lớn, nổi bật là mảng hình trang phục áo dài và quan trọng nhất đó chính là biểu cảm khuôn mặt. Ông luôn tập trung vào đối tượng là chính, không gian nền và cảnh phụ được họa sĩ xử lý khéo léo bằng những mảng màu.

Năm 1944 họa sĩ Tô Ngọc Vân đã sáng tác bức tranh “*Hai thiếu nữ và em bé*” với chất liệu sơn dầu có kích thước (60 x 90) cm. Họa sĩ diễn tả cảnh hai thiếu nữ và một em bé đang ngồi ở một không gian yên bình ở hiên nhà. Trong tranh có diễn tả ba nhân vật, cậu bé mặc áo đỏ ngồi chơi ở góc dưới bên phải bức tranh đó chính là con trai của Tô Ngọc Vân lúc đó mới 4 tuổi. Hai thiếu nữ trong tranh chính là bà Mai Thị Chì - chị gái của Tô Ngọc Vân với chiếc áo dài trắng và bạn của bà là bà tên là Mai mặc áo dài vàng. Bức tranh được họa sĩ Tô Ngọc Vân thể hiện với màu hòa sắc nóng với màu chủ đạo là màu vàng tươi, tạo cho người xem cảm giác ấm áp. Bức tranh diễn tả ba nhân vật trong bố cục dạng hình tam giác trong khổ tranh dọc - một bố cục cổ điển của Phương Tây. Trong không gian ấm cúng, khung cảnh yên bình đón ánh nắng của thiên nhiên hai thiếu nữ ngồi tâm sự với nhau. Thiếu nữ mặc áo dài vàng có dáng ngồi đoan trang, nhẹ nhàng trên chiếc chõng tre, những đường nét cong lượn thể hiện tà áo dài rủ xuống mềm mại. Hình ảnh thiếu nữ thứ hai trong tà áo dài màu trắng tinh khiết, dáng ngồi kín đáo với những nếp xô lệch của tà áo dài. Với cách tạo hình thể hiện mảng hình lớn dần giúp người xem cảm nhận được sự thay đổi trong hình khối từ bé đến lớn. Song song với hình mảng họa sĩ cũng thể hiện ánh sáng mạnh dần và tạo điểm nhấn ở gương mặt tròn trịa, phúc hậu và cơ thể đầy đặn của người thiếu nữ có tà áo dài màu vàng. Tranh diễn tả ba nhân vật ở ba độ tuổi khác nhau có các dáng ngồi khác nhau theo từng đặc trưng của mỗi độ tuổi. Bằng những nét thẳng, nét cong họa sĩ Tô Ngọc Vân đã thể hiện cho người xem những vẻ đẹp trong

sáng, hồn nhiên của em bé và vẻ đẹp dịu dàng, đầm thắm của cô thiếu nữ qua chiếc áo dài tinh khôi và vẻ đẹp đầy quyến rũ và dịu dàng, duyên dáng của người thiếu nữ trong tà áo dài màu vàng dáng ngời vũng vàng và tràn đầy sức sống.

Sự kết hợp giữa những mảng màu trắng, xanh và vàng theo các đường cong uốn lượn uyển chuyển đã tạo nên nhịp điệu cho bức tranh. Khi kết hợp những mảng màu đậm (vàng, đỏ và cam) với những mảng màu nhạt (xanh lá cây, xanh da trời) cùng mảng màu trắng trên trang phục của người thiếu nữ cùng với hoạ hoa phù dung sau nhà đã tạo được sự phối hợp hài hoà về màu sắc. Phải chăng, ông đã luôn lấy màu sắc của thiên nhiên cuộc sống đan cài vào việc sử dụng thủ pháp phân giải nét bút, mảng màu theo phong cách của chủ nghĩa Ấn tượng. Tất cả các đường nét cùng màu sắc được dùng trong tranh đã thể hiện được nét duyên dáng của người thiếu nữ Hà Nội nói riêng và quan niệm về cái đẹp của người phụ nữ Hà Thành nói chung. Nét đẹp luôn gắn liền với trang phục áo dài truyền thống kín đáo, mái tóc búi gọn phía sau và tính cách nhẹ nhàng, đoan trang.

Họa sĩ Tô Ngọc Vân là người luôn chú ý về hình nên ở mỗi tạo hình cho đối tượng trong tranh luôn được ông cân nhắc kỹ lưỡng. Những nét cong, lượn mềm mại diễn tả thân hình của cô thiếu nữ trong tà áo dài đối lập với những nét thẳng ở mảnh, chõng tre hay tường nhà. Với phong cách sử dụng sự hòa sắc nhẹ nhàng tạo sự kết hợp màu sắc tự nhiên, gợi các hình khối đơn giản toát lên vẻ đẹp của người thiếu nữ vô cùng duyên dáng, dịu dàng và kín đáo. Sự năng động của cậu bé khi sử dụng màu đỏ rực rỡ. Toàn bộ hình tượng trong tranh được họa sĩ Tô Ngọc Vân thể hiện bằng lối vẽ sơn dầu mỏng, không đắp gò ghề để tạo sự nhẹ nhàng và mang đậm phong cách vẽ của người Á Đông.

Với mong muốn nghiên cứu và phát triển nghệ thuật truyền thống dân tộc, họa sĩ Tô Ngọc Vân luôn thể nghiệm các tác phẩm của mình một cách chân thực, giản dị, màu sắc tươi sáng dựa vào màu sắc của thiên nhiên. Ông luôn chú trọng lột tả giá trị nội dung của bức tranh, các tác phẩm của ông thể hiện được tình cảm của ông với con người, cảnh vật ở mọi hoàn cảnh của cuộc sống. Trong tranh ông phát huy đặc tính ước lệ, khi ông diễn tả không gian một cách khéo léo bằng những mảng màu đơn giản. Không gian trong tranh thường là không gian hai chiều, từ những hình ảnh thực ông đã đơn giản và lược bỏ những chi tiết không cần thiết chỉ để lại những mảng màu cần thiết để sáng tạo nên những tác phẩm mang tính cô đọng.

Bức tranh “*Thiếu nữ bên hoa huệ*” là bức tranh chân dung được họa sĩ Tô Ngọc Vân chú trọng khai thác về các đặc điểm của nhân vật, phần không gian được ông xử lý khéo léo bằng các mảng màu nhẹ nhàng để làm nổi bật lên được nhân vật chính trong tranh. Bức tranh thể hiện một góc nhìn cận cảnh khiến người xem tập trung vào nhân vật trong tranh đó chính là người phụ nữ.

Trong bức tranh “*Hai thiếu nữ và em bé*” họa sĩ đã diễn tả không gian yên bình có tấm màn che lơ lửng làm lộ ra cành cây phù dung trắng muốt ở ngoài vườn tạo cảm giác kín đáo nhưng không gò bó. Mỗi nét bút, nét màu được họa sĩ đặt xuống tranh đều có sự tính toán, ông thể hiện nguồn ánh nắng tươi sáng phản chiếu lên cây hoa phù dung trắng để làm nổi bật được khuôn mặt đôn hậu, căng tròn của hai thiếu nữ. Với kỹ thuật sơn dầu tài ba họa sĩ đã diễn tả những không gian yên bình, xung quanh điểm nhẹ hình ảnh cây cỏ hoa lá bằng các mảng màu chứ không vẽ quá chi tiết tạo cho bức tranh có chiều sâu hơn. Không gian trong tranh được họa sĩ khai thác một cách khéo léo, thông qua những hình ảnh quen thuộc như chõng che, tấm màn buông lơ... họa sĩ đã thể hiện được sự lãng mạn, sự

trong sáng và sự khát khao về một cuộc sống bình yên của những người phụ nữ Việt Nam.

2.1.2. Hình tượng người phụ nữ trong tranh Tô Ngọc Vân giai đoạn sau Cách mạng tháng Tám

Tô Ngọc Vân là một họa sĩ thành công với các bức tranh vẽ những thiếu nữ Hà Thành nhưng từ sau Cách mạng tháng Tám đối tượng trong tranh ông đã có những thay đổi rõ rệt. Dù ở thời kỳ đầu kháng chiến họa sĩ Tô Ngọc Vân đã phải suy nghĩ rất nhiều khi phải tạm dừng những những quan điểm nghệ thuật hiện tại nhưng vì lòng chân thành với nghệ thuật dân tộc và lợi ích chung của tất cả mọi người họa sĩ Tô Ngọc Vân đã vừa cầm súng, vừa cầm bút vẽ tranh. Họa sĩ luôn muốn đưa nghệ thuật lại gần với cuộc sống hàng ngày và sử dụng nghệ thuật để tuyên truyền cho kháng chiến. Cũng vì hoàn cảnh chiến tranh trong thời gian này họa sĩ Tô Ngọc Vân làm nhiều công việc một lúc nên ông đã lựa chọn thể loại ký họa để tiếp tục con đường hội sáng tác nghệ thuật. Có thể với các họa sĩ khác ký họa chỉ là cách ghi nhanh lại một hình ảnh nhưng với họa sĩ Tô Ngọc Vân những bức ký họa đã trở thành những bức tranh trong thời kỳ kháng chiến. Chỉ với các chất liệu nhỏ gọn, dễ mang theo khi di chuyển như: bột màu, màu nước, chì, bút sắt, than... ông đã nhanh chóng lưu giữ lại được những nét đẹp của người phụ nữ trong cuộc sống hàng ngày. Chính vì thế Tô Ngọc Vân đã khai thác vẻ đẹp của người phụ nữ trong hai bối cảnh xã hội khác nhau. Những vẻ đẹp của người thiếu nữ thành thị với nét đẹp đài các, thùy mị ở thời bình đã dừng lại thay vào đó là vẻ đẹp quyết đoán, mạnh mẽ của những chiến sĩ vệ quốc đoàn, những bà bủ chất phác, đôn hậu hay những cô gái dân tộc với thân hình tròn lẳn, chăm chút cho công việc gia đình. Trong thời kỳ này ông đã vẽ nhiều bức ký họa đánh dấu những giá trị độc đáo của một giai đoạn lịch sử và mọi người hay gọi là ký họa kháng chiến. Các tác phẩm Bù đường đi học, Tôi có ý kiến, Chị cốt cán, Con trâu quả thực, Ba cô gái

Thái, Cô gái dân tộc Mèo... lần lượt được đưa ra đời báo hiệu những biến chuyển ban đầu của ông về chủ đề và đối tượng như: nhịp điệu sôi động, rộn rã và hướng đi sâu vào khai thác tính cách con người.

Với những nét ký họa linh hoạt và thoải mái, những người thiếu nữ trong cuộc sống hằng ngày, trong thời kỳ kháng chiến được Tô Ngọc Vân khắc họa hình tượng người phụ nữ với vẻ đẹp bình dị, kiên cường, đảm đang. Việc cân đối bố cục trong giấy và sử dụng nhiều nét cong, lượn, thẳng trong tác phẩm giúp ông diễn tả những cử chỉ, hành động của những bà bủ, bà bầm, giáo viên vùng cao, bộ đội... Nếu ở những người phụ nữ thời kỳ trước ông khắc họa những cô thiếu nữ với dáng vẻ dịu dàng, e ấp; cử chỉ nhẹ nhàng, thể hiện được những đường cong của hình thể qua các dáng ngồi nghiêng đầu hay dáng đứng bên hoa thì ở thời kỳ kháng chiến ông khắc họa những người phụ nữ với dáng đứng thẳng, mạnh mẽ, khuôn mặt trầm tư suy nghĩ nhưng vẫn toát lên sự tươi tắn, rạng ngời.

Những bức tranh khắc họa chân dung của những người dân lao động trong cuộc kháng chiến, những chiến sĩ, những cán bộ hay những thanh niên nam nữ phấn khởi học hành, hăng say công tác, xây dựng cuộc đời mới một cách chân thực. Người phụ nữ trong thời kỳ này mang vẻ đẹp của người phụ nữ mới với khao khát được giải phóng, được làm chủ vận mệnh của mình. Không còn những hình ảnh người phụ nữ dịu dàng, thướt tha trong tà áo dài hay chỉ đảm đương việc nhà mà là những người phụ nữ mạnh mẽ, vừa quán xuyến việc nhà vừa tham gia công tác xã hội, tham gia kháng chiến.

Sống giữa lòng nhân dân, cùng chung với những vui buồn với con người bình thường, chất phác, những chiến sĩ, những người lao động cần mẫn, đã đưa lại cho Tô Ngọc Vân cảm hứng sáng tác đề tài mới: “Hà Nội vùng đứng lên”(1948), “Tản cư trong rừng”, “Giặc đến giặc đi”(1949), “Nữ y tá”(1949)... làm trong

mấy năm đó đã báo hiệu sự chuyển biến bước đầu của anh. Đề tài, đối tượng vẽ đã đổi khác, tiết tấu năng động rộn ràng, chiều hướng đi vào khắc họa tính cách, động dung nhân vật... là những nét mới mẻ [24, tr.27].

Trong bối cảnh xã hội, họa sĩ Tô Ngọc Vân phải rời bỏ xưởng vẽ ở Hà Nội, rời bảng màu với những gam màu giàu sang, những nét bút mềm mại, nhẹ nhàng như muốn vuốt ve trên hình tượng người phụ nữ. Cùng chiếc balo và cặp vẽ họa sĩ Tô Ngọc Vân hòa nhập vào làn sóng cách mạng và gắn bó với ông là những tập ký họa vô cùng quý giá. Ông muốn nhanh chóng khắc họa lại được nhiều sắc thái của cuộc sống “Cứ lúc nào hơi rảnh là anh lại luôn tay với mẫu chì, cuốn sổ con thường xuyên mang theo trong xác - cốt ghi chép người, cảnh vật trong sinh hoạt hằng ngày” [24, tr.27]. Những ký họa được ông thể hiện rất kỹ, chi tiết và mang lại những tác phẩm giá trị như một bức tranh chứ không còn thuần túy là ghi chép. Ông thể hiện rõ những nếp nhăn của áo, những nếp buộc bỏ múi sau lưng, những nếp khăn chít đầu duyên dáng làm toát lên vẻ đẹp kỳ thực của những người dân đi chợ với màu áo chàm. Đối với ký họa, ông thể hiện một cách triu mến, vuốt ve và đầy sự âu yếm dù đối tượng đó là những người nông dân trong đấu tranh hay những người dân công phục vụ chiến trường hay chỉ là người dân đi học. “Thầy vẽ một loáng đã xong. Sau đó hai thầy trò đi tiếp xuống bản vẽ các cô gái Thái xinh đẹp bên bếp lửa, vai để trần với các tấm đen bao quanh.” [24, tr.37]. Các tác phẩm của ông trong giai đoạn kháng chiến chống Pháp thể hiện vẻ đẹp của sự mạnh mẽ, sự kiên cường, sự hồi sinh của những con người mới trên một đất nước mới, sâu thẳm trong đó ông cảm thấy bản thân mình cũng được hồi sinh với chính cuộc cách mạng nghệ thuật của mình.

Trong cuốn *Nhớ Tô Ngọc Vân* (2004) của Nhà xuất bản mỹ thuật Tô Ngọc Thành có viết:

Những bức tranh vẽ cảnh sinh hoạt của người nhân dân Tây Bắc, những cô gái Thái thân hình trong lẳn, cân đối, săn sóc công việc gia đình, nhà sàn to lớn rộng rãi, bên dưới có ngựa ăn trong máng, lợn gà quanh sân; núi mây, suối nước, cây cỏ thụ; những hòn đá nhiều hình thù kỳ lạ; những con đường dẫn từng đoàn bộ đội, dân công, người, ngựa, gồng gánh, thồ vác, rầm rập phục vụ chiến trường Điện Biên Phủ. Về hội họa, đó là các vẽ đẹp với cốt cách tao nhã, được tạo nên bằng hình và nét, dưới con mắt tinh tường, biết khám phá những cái bí ẩn gợi cảm, mà dưới con mắt tinh tường, biết khám phá những cái bí ẩn gợi cảm, mà không phải họa sĩ nào cũng có. Những điều bí ẩn chủ yếu của sự thành công ở đây lại là: tâm hồn ông lúc ấy đã thuộc về nhân dân [24, tr.54].

Với những nét bút thoải mái, linh hoạt, ông đã khắc họa được hình tượng những người phụ nữ mạnh mẽ, kiên cường, anh dũng, đảm đang nhưng không mất đi sự dịu dàng, nữ tính của người phụ nữ Việt Nam. Có thể thấy các tác phẩm của Tô Ngọc Vân không chỉ mang đậm hơi thở của cách mạng mà còn thể hiện được vẻ đẹp của người phụ nữ Việt Nam trong bối cảnh xã hội lúc đó. Ông đã khắc họa nên hình tượng những người phụ nữ kiên cường trước bối cảnh xã hội, đảm đang việc nước việc nhà và tràn đầy sức sống đúng với câu nói “đảm việc nước, giỏi việc nhà”.

Đền với tác phẩm “*Hà Nội vùng đứng lên*” là một bức tranh cổ động được họa sĩ Tô Ngọc Vân sáng tác năm 1948 với chất liệu khắc gỗ màu. Bức tranh được họa sĩ vẽ khi trong lòng ông cảm xúc vẫn đang lặn lội. Dù trong ông vẫn luôn day dứt với đề tài cũ nhưng khi sống giữa lòng dân, sống chung với những niềm vui, nỗi buồn của những người dân lao động,

những chiến sĩ miệt mài vì Tổ quốc ông đã sáng tác chủ đề mới. Những đường nét, chất liệu trong tranh có sự thay đổi nhưng vẫn lưu giữ được chút gì đó quen thuộc, chút gì đó của người phụ nữ thành thị.

Với chất liệu khắc gỗ họa sĩ khắc họa một cô gái thành thị với tà áo dài truyền thống tung bay thướt tha với các nếp gấp rất dứt khoát. Khuôn mặt của cô gái được ông thể hiện nghiêm nghị nhưng cũng không kém phần duyên dáng. Từ dáng người đến những chi tiết nhỏ như mái tóc dài thướt tha tung bay đã khắc họa một cô gái có nét gì đấy thật dịu dàng nhưng cũng rất mạnh mẽ, vững vàng trước quân địch. Trước cuộc kháng chiến những người phụ nữ chân yếu tay mềm đã mạnh mẽ, sẵn sàng tham gia kháng chiến để bảo vệ Tổ quốc với hy vọng được làm chủ cuộc sống của mình với tinh thần “giặc đến nhà đàn bà cũng đánh”. Bằng những nét cong họa sĩ đã khắc họa hình ảnh mái tóc bay trong gió như muốn thể hiện ý chí kiên cường, lòng nhiệt huyết đang dâng trào trong lòng mỗi người dân Hà Nội nói riêng và người dân cả nước nói chung. Hình tượng người phụ nữ trong bức tranh đã diễn tả được nét đẹp thơ mộng nhưng rất đỗi hào hùng của một thiếu nữ Hà Thành trong thời kỳ đầu của cuộc kháng chiến trường kỳ gian khổ.

Chính bài hát Người Hà Nội đã cho họa sĩ Tô Ngọc Vân đề vẽ tranh Hà Nội vùng đứng lên vào những năm đầu kháng chiến... sống giữa lòng nhân dân, cùng chung những vui buồn, với con người bình thường, chất phác, những chiến sĩ, những người lao động cần mẫn, đã đưa lại cho Tô Ngọc Vân cảm hứng sáng tác đề tài mới” [7, tr.49].

Bức tranh cổ động “*Hà Nội vùng đứng lên*” diễn tả chân dung một người phụ nữ hoà hợp một cách hữu cơ với bầu không khí cách mạng và tiêu biểu cho những biến chuyển to lớn về tư tưởng của các họa sĩ lúc bấy

giờ. Từ đây những hình ảnh về phụ nữ thị thành cùng được chuyển dịch thành những hình ảnh của những người phụ nữ thôn quê khỏe mạnh gắn bó với ruộng đồng, những cô dân công hay những cô gái dân tộc vùng cao. Trong bối cảnh cuộc sống khi ông được sinh sống và làm việc tình cảm với những con người khát khao về một cuộc sống tự chủ và ông đã mong muốn lưu giữ lại những hình ảnh đẹp về những con người lao động chân chính. Đó cũng chính là hình tượng được ông lựa chọn đưa vào sáng tác các tác phẩm của mình.

Năm 1954 họa sĩ Tô Ngọc Vân đã thể hiện ký họa “*Tôi có ý kiến*” với chất liệu chì than. Trong tranh họa sĩ vẽ một người phụ nữ tuổi đã cao, sức khỏe kém, tay phải chống gậy và tay trái đưa thẳng tay nhằm bày tỏ ý kiến. Đường nét khỏe khoắn dứt khoát, thể hiện tư thế đứng thẳng vững vàng và gương mặt rạng ngời sức sống. Thời kì này Tô Ngọc Vân đi nhiều nên cũng tạo ra nhiều ký họa. Song hình ảnh cụ bà giờ tay phát biểu ý kiến thể hiện tâm nhìn mới, tư duy chuyển biến thể hiện trước mọi người và thể hiện tinh thần người phụ nữ Việt Nam đã hoà mình với ý chí nhân dân thế giới tham gia kháng chiến chống Pháp.

Bằng nét vẽ thoáng đạt, phóng khoáng, các độ đậm nhạt được diễn tả hết sức tinh tế. Họa sĩ sử dụng những mảng đậm nhạt rõ ràng để diễn tả rõ khuôn mặt của người phụ nữ nhưng trong mảng đậm đó họa sĩ vẫn có những độ đậm nhạt khác nhau để thể hiện được ánh sáng và tạo được khối của khuôn mặt. Diễn tả chân dung một người phụ nữ có tuổi, trán đã nhiều nếp nhăn nhưng trên khuôn mặt vẫn toát lên điều gì đó rạng ngời. Vẫn lối vẽ tỉ mỉ, chi tiết họa sĩ thể hiện chi tiết từng những nếp nhăn của quần áo, những nét thẳng được kết hợp với các mảng đậm nhạt tạo nên sự tự nhiên trong tranh. Ở đây họa sĩ còn khắc họa rõ được trang phục người phụ nữ lúc bấy giờ. Với áo yếm mặc bên trong áo cánh, váy đụp với cặp váy dài buộc tạo điểm nhấn trong bộ trang phục của phụ nữ Việt.

Những nét thẳng và mảng đậm nhạt tạo sự khỏe khoắn làm nổi bật được dáng đứng thẳng vững chãi, những mảng sáng được họa sĩ sử dụng bằng độ sáng của giấy. Thân hình tròn đầy sức sống. Chiếc gậy được họa sĩ vẽ bằng nét nhẹ, buông lơ để tập trung vào khắc họa khuôn mặt thể hiện tính cách người phụ nữ.

Có thể nói họa sĩ Tô Ngọc Vân là một họa sĩ tài ba, ông thể hiện sự tài ba của mình không chỉ ở những bức tranh sơn dầu, lụa, khắc gỗ mà còn ở chính những bức ký họa. Những bức ký họa thời kỳ này đã thể hiện rõ khuynh hướng nghệ thuật hiện thực xã hội trong các tác phẩm của ông. Sự quan sát nhanh và chính xác của ông đã xác nhanh chóng giúp ông thể hiện được những đường nét tạo dáng của hình tượng người phụ nữ dù hình tượng đó luôn di chuyển.

Chỉ với kích thước nhỏ (48.2 x 35.2) cm bức tranh “*Chị cốt cán*” đã lột tả chân dung một người phụ nữ có dáng người đứng vững, khỏe khoắn, tay giơ lên xin phát biểu ý kiến và trên vai đeo túi dệt. Với gương mặt trầm lắng đang suy nghĩ, đôi mắt nhìn xa xăm, đôi môi hơi mím lại của chị toát lên sự tự tin, mạnh mẽ và cương trực của người phụ nữ. Với tinh thần xây dựng hình tượng nhân vật thông qua đức tính tốt đẹp của con người một cách chân thực họa sĩ đã thành công diễn tả hình ảnh những người phụ nữ “giỏi việc nước, đảm việc nhà”. Khi được chứng kiến những nỗ lực của chị em phụ nữ trên chiến trường và những nỗi vất vả trong cuộc sống lao động, trải qua cải cách ruộng đất cùng nhân dân thì tình cảm của ông dần lớn hơn và từ đó ông đã lưu giữ lại những hình ảnh đẹp trong các ký họa của mình.

Thâm nhập đời sống người nông dân lao động qua “ba cùng”, hiểu thấu những nỗi cơ cực của người dân cày không có ruộng, đồng thời cũng có khám phá ra những đức tính tốt đẹp của họ, đã đưa lại cho họa sĩ ấn tượng sâu sắc về kết quả thu được trong nghệ thuật... Tuy chỉ là ký họa, nghiên cứu ghi chép nhưng anh

đã truyền vào trong đó cảm xúc chân thật của mình đối với đối tượng sáng tác mới [8, tr.51].

Bức ký họa Chì cốt cán được họa sĩ Tô Ngọc Vân bắt được khoảnh khắc, thần thái và phẩm chất cao đẹp của những người nông dân lao động, cán bộ địa phương đang vươn lên, nỗ lực làm chủ cuộc sống mới. Một nét đẹp mộc mạc, giản dị với khuôn mặt tươi tắn báo hiệu một tương lai tươi sáng đang chờ ở phía trước. Đó là cách sử dụng thuần thực nét, cách diễn hình dứt khoát, mạch lạc mà đầy tính trữ tình của cảm xúc thăng hoa. Một phong cách nghệ thuật hiện thực Tô Ngọc Vân vững vàng trong nghề nghiệp và sự từng trải cuộc đời.

Tác phẩm “*Nữ giáo viên dân tộc Thái*” là một ký họa của họa sĩ Tô Ngọc Vân được thể hiện bằng chất liệu màu nước. Hiện tại bức tranh được lưu giữ tại Bảo tàng Mỹ thuật Việt Nam. Khi quan sát bức họa học viên đã cảm nhận được sự rung động đặc biệt mà họa sĩ Tô Ngọc Vân dành cho những người dân nơi đây. Dù chỉ sử dụng những nét vẽ đơn giản nhưng họa sĩ Tô Ngọc Vân đã làm toát lên được vẻ đẹp của người phụ nữ với vai trò là giáo viên và đặc biệt hơn là trong thời kỳ kháng chiến. Với những nét vẽ tạo được độ đậm nhạt họa sĩ đã diễn tả đúng sắc thái của nhân vật giúp bức họa có hồn và để lại những ấn tượng sâu lắng trong tâm trí mỗi người xem. Họa sĩ đã áp dụng lối diễn hình theo phương pháp lược hóa, và cả trong cách thể hiện màu sắc cũng thể hiện vai trò của nét một cách tự nhiên. Ông đã sử dụng nét vẽ thoải mái và phóng khoáng bên cạnh đó ông có sử dụng thêm các mảng hình đậm nhạt khác nhau để thể hiện rõ hình tượng chính trong tranh. Những mảng đậm nhạt của ông khi nhìn trông rất đơn giản nhưng thực ra những mảng đậm nhạt đó phải được ông tính toán kỹ để làm nổi bật được nhân vật chính mà bức họa vẫn giữ được độ mềm mại. Đối với ký họa nét vẽ là một yếu tố quan trọng nhưng quan trọng hơn

đó chính là cách cảm nhận về đối tượng, cách họa sĩ nhanh chóng bắt và thể hiện được cái thần thái của nhân vật và dáng vẻ của nhân vật.

Ông đã vẽ rất nhiều ký họa, trực họa sinh động về hiện thực kháng chiến 9 năm. Ông đã vẽ những cảnh, những sinh hoạt vùng cao kháng chiến, vẽ nông dân trong cải cách ruộng đất. Tính cách nhân vật được thể hiện sinh động, diễn tả dưới hình thức thoải mái, với những bức: Bù Kiêu, Bù Đường, chất phác đôn hậu. Những thanh niên là cán bộ cốt cán trong binh dân học vụ, trong công tác xây dựng nông thôn mới [9, tr.175].

Từ tình yêu chân thành với những con người nơi ông đã đặt chân đến mà ông đã vẽ nên những bức ký họa chân thực và đầy xúc động. Những hình ảnh trong cuộc sống, những chân dung của con người trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp khó khăn gian khổ đã được ông khắc họa một cách chi tiết. Hình tượng người phụ nữ vẫn là đề tài mà được ông khai thác tuy nhiên họ mang một vẻ đẹp khác. Trong bối cảnh xã hội, toàn dân tham gia vào kháng chiến vì vậy những người phụ nữ không phải là ngoại lệ. Họ luôn hiên ngang, sẵn sàng hy sinh để đấu tranh mong ngày được làm chủ cuộc sống của mình. Những vẻ đẹp đó đã được họa sĩ Tô Ngọc Vân khám phá và khắc họa trong các ký họa của mình. Có thể thấy trong các tác phẩm của ông không còn xuất hiện hình ảnh những người phụ nữ đài các, thùy mị và thướt tha nữa mà thay vào đó là hình ảnh những chiến sĩ, những chị em cốt cán, những cô gái dân tộc đảm đang. Dù đối tượng trong tranh của ông có thay đổi nhưng tình yêu của ông dành cho đối tượng trong tranh không hề giảm. Hình tượng người phụ nữ vẫn được ông khắc họa bằng những nét, hình khối và màu sắc một cách linh hoạt, phù hợp để diễn tả được vẻ đẹp của họ. Vẻ đẹp của những người phụ nữ vừa kiên cường vừa duyên dáng khi tham gia kháng chiến, đi học hay ở nhà lo cho gia đình.

Họa sĩ Tô Ngọc Vân đã được học và nghiên cứu nhiều tác phẩm hội họa của châu Âu nhưng ông đã phát huy khả năng sáng tạo của mình khi

các bức tranh của ông luôn đề cao tính dân tộc. Ánh sáng trong tranh của ông được thể hiện nhẹ nhàng nhưng vẫn tả rõ được hình khối. Những mảng hình, nền, bút pháp được thể hiện lúc đậm lúc nhạt một cách có cân nhắc, đường nét khi cong mềm mại, khi khúc khuỷu trên tà áo thể hiện được hình thể của người phụ nữ. Trong bức tranh “*Chị cốt cán*” độ đậm nhạt, sáng tối thay đổi một cách nhẹ nhàng, thể hiện rõ hơn chính là những nếp gấp trên quần áo, nét biểu cảm trên khuôn mặt hay trong chính cử chỉ của tay. Độ đậm nhạt trên hình ảnh chính đối lập với mảng nền sáng nhẹ với thấp thoáng bóng những cành cây mỏng manh đằng sau giúp ta có cảm giác hòa quyện với khung cảnh thiên nhiên. Tô Ngọc Vân đã sử dụng ánh sáng ước lệ một cách sáng tạo giúp ông diễn tả được trạng thái của người phụ nữ trong tác phẩm của mình.

** Thông qua phân tích và khái quát hình tượng người phụ nữ trong tranh họa sĩ Tô Ngọc Vân, học viên rút ra được các nhận định về sự giống và khác nhau giữa hình tượng người phụ nữ trước cách mạng tháng Tám và sau cách mạng tháng Tám trong tranh họa sĩ Tô Ngọc Vân.*

Dù họa sĩ Tô Ngọc Vân có phong cách vẽ phóng khoáng, thoáng đạt nhưng với ước mơ xây dựng một nền mỹ thuật có tính dân tộc và sự ảnh hưởng của quan điểm xã hội, của cuộc kháng chiến nên những hình tượng người phụ nữ trong tranh ông luôn mang đậm tính dân tộc. Đối tượng trong các tác phẩm của ông đều tập trung vào hình tượng người phụ nữ Việt Nam nhưng trong thời kỳ trước cách mạng tháng Tám mang nhiều điểm chung: Người phụ nữ với tà áo dài đơn giản, kín đáo nhưng lại thể hiện rõ được vẻ đẹp của người phụ nữ một cách mềm mại và thướt tha. Mái tóc dài thường được búi gọn phía sau hoặc vuốt gọn sang một bên để lộ rõ khuôn mặt trái xoan, đoan trang của những người phụ nữ. Những nét đẹp đó đã khắc họa một cách rõ nét hình tượng người phụ nữ Việt Nam; bộc lộ rõ sự tinh tế trong quan sát và sự cẩn thận tỉ mỉ trong kỹ thuật vẽ sơn dầu của ông. Đến

thời kỳ kháng chiến tranh ông không còn hình ảnh người phụ nữ nhẹ nhàng trong tà áo dài nữa mà thay vào đó là hình ảnh những người phụ nữ mạnh mẽ, kiên cường, luôn khao khát được làm chủ cuộc sống của mình. Với chất liệu sơn dầu hay màu nước hay chì thì Tô Ngọc Vân đã thể hiện được kỹ thuật vẽ đa dạng và đạt được những hiệu quả cao, thể hiện được tâm tư tình cảm của người phụ nữ.

Những giá trị tạo hình hình tượng người phụ nữ trong tranh Tô Ngọc Vân đã ảnh hưởng đến thế hệ sau và cả thế hệ hôm nay. Từ những nghiên cứu, học viên đã có một cái nhìn toàn diện hơn trong việc nghiên cứu và lựa chọn những giá trị quý báu trong kho tàng hội họa nước nhà. Hệ thống hóa những cơ sở lý luận và giá trị nghệ thuật trong tranh của các họa sĩ đưa vào chương trình giảng dạy của nhà trường một cách chính thức và bài bản giúp định hướng thẩm mỹ cho học sinh, những mầm non của tương lai.

2.2. Vận dụng hình tượng người phụ nữ vào giảng dạy Mỹ thuật tại lớp 1, 4 trường Tiểu học và THCS FPT

2.2.1. Biện pháp vận dụng

Trong quá trình đưa ra những cách thức, phương pháp vận dụng hình tượng người phụ nữ trong tranh Tô Ngọc Vân vào dạy học mỹ thuật tại Trường Tiểu học và Trung học cơ sở FPT, Cầu Giấy, Hà Nội ngoài việc dựa vào những nghiên cứu về cơ sở lý luận và thực tiễn của đề tài thì cần phải thông qua một số nguyên tắc vận dụng cơ bản sau:

*** Đảm bảo tính thực tiễn**

Từ những thực tiễn khai thác sử dụng hình tượng người phụ nữ trong tranh Tô Ngọc Vân chưa được đưa vào giảng dạy mỹ thuật tại trường Tiểu học và Trung học cơ sở FPT nên khi học viên lựa chọn bài vận dụng và phương pháp vận dụng cần lưu ý. Đứng trên cương vị là một GV học viên cần lựa chọn những biện pháp vận dụng phù hợp với thực tiễn nhà trường, thực tiễn môn học, bài học sao cho phù hợp với trình độ của GV, thực trạng học mỹ thuật của HS.

* Đảm bảo tính khả thi

Tính khả thi của biện pháp, hình thức vận dụng chính là thước đo quan trọng đánh giá mức độ hiệu quả của các biện pháp đã được lên kế hoạch. Chính vì vậy, để các biện pháp, hình thức vận dụng cần được sự hỗ trợ của nhà trường, của cán bộ quản lý và đặc biệt cần sự tìm tòi, học hỏi, nghiên cứu của GV mỹ thuật để quá trình vận dụng được diễn ra một cách thuận lợi. Để thực hiện được điều đó thì khi lên kế hoạch khai thác vận dụng hình tượng người phụ nữ trong tranh Tô Ngọc Vân vào dạy học tại trường TH&THCS FPT cần dựa vào chương trình học của nhà trường, tình hình thực tế của trường và đặc điểm dạy - học môn mỹ thuật của HS.

* Đảm bảo tính khoa học

Để nghiên cứu những lý luận về khai thác hình tượng người phụ nữ trong tranh Tô Ngọc Vân và có thể vận dụng vào dạy học đảm bảo tính khoa học đòi hỏi GV cần phải lên kế hoạch bài giảng, hệ thống những câu hỏi phù hợp với thực trạng dạy và học mỹ thuật ở trường TH&THCS FPT. Để thực hiện các biện pháp đảm bảo được tính khoa học cần xây dựng kế hoạch rõ ràng xác định rõ mục tiêu, thời gian, không gian thực hiện. Đặc biệt lưu ý khi đã đưa ra những biện pháp cần thực hiện theo đúng kế hoạch để đảm bảo tính khả thi của quá trình thực nghiệm.

* Đảm bảo tính đồng bộ, hệ thống

Những kế hoạch, biện pháp khai thác vận dụng hình tượng người phụ nữ trong tranh Tô Ngọc Vân vào chương trình dạy học mỹ thuật lớp 1, 4 cần phải được thống nhất của tổ chuyên môn, nhất trí của ban giám hiệu. Khi thực hiện được như vậy sẽ phát huy được những khía cạnh tốt mang hương sắc của cái mới và đảm bảo được hiệu quả nhất định cho mục tiêu đề ra.

* Đảm bảo tính hiệu quả

Để đảm bảo tính hiệu quả khi thực hiện những biện pháp vận dụng đưa vào luận văn học viên cần lựa chọn những biện pháp phù hợp với đề tài

với đặc điểm học và dạy mỹ thuật khối lớp 1, 4 trường TH&THCS FPT. Khi triển khai cần thực hiện đồng bộ để đem lại những hiệu quả thực cho quá trình khai thác vận dụng hình tượng người phụ nữ trong tranh Tô Ngọc Vân vào dạy học. Tất cả những biện pháp đưa ra mục đích chính hướng tới là chất lượng dạy học mỹ thuật của khối lớp 1, 4 của nhà trường nói riêng và Tổ chức giáo dục FPT nói chung.

2.2.2. Vận dụng bố cục trong tranh Tô Ngọc Vân vào giảng dạy phân môn vẽ tranh và tập nặn tạo dáng

Mỗi một họa sĩ lại có một cách sắp xếp bố cục khác nhau tùy thuộc vào nội dung của bức tranh nhưng khi sắp xếp bố cục tranh cần cấu trúc cân đối mảng hình chính, phụ. Khi vẽ cần kết hợp cân đối giữa mảng chính và mảng phụ khiến bức tranh trở nên cân đối, sinh động hơn, thể hiện được hoạt động của đối tượng. Các mảng chính phụ ngoài thể hiện thông qua hình còn được thể hiện qua yếu tố đậm nhạt.

Hiện nay với lứa tuổi học sinh tiểu học, các em vẫn còn lúng túng trong cách sắp xếp mảng chính, mảng phụ, chưa biết cách xây dựng mảng đậm, mảng nhạt giúp bức tranh có kết cấu vững chắc hơn. Sự kết hợp đa dạng về bố cục trong tranh giúp tranh có một giá trị nhất định, thể hiện rõ nội dung ý nghĩa tranh. Khi nghiên cứu đề tài, học viên nghiên cứu và lựa chọn những bố cục độc đáo đưa vào từng bài giảng để HS quan sát, nhận định và vận dụng cho từng bài vẽ khác nhau.

Có thể thấy trong các tác phẩm của họa sĩ Tô Ngọc Vân, ông cũng đã có những tính toán, xây dựng bố cục một cách độc đáo. Trong bức tranh “Hai thiếu nữ và em bé” (1944) họa sĩ Tô Ngọc Vân đã thể hiện một bố cục cân đối khi kết hợp hài hòa hình ảnh ba nhân vật với khung cảnh xung quanh tạo cảm giác chặt chẽ, khỏe khoắn, hài hòa. Với bố cục hình vững chắc kết hợp với sắc vàng úa, gương mặt của cô thiếu nữ phía trên chính là mang nét gì đó buồn nhìn xuống cô thiếu nữ áo trắng và cậu bé áo đỏ. Trên tay cô thiếu nữ đang cầm đóa hoa phù dung thể hiện thời gian. Trong tranh

hình ảnh cây hoa phù dung ngoài vườn với chiếc màn che lửng là hai hình ảnh phụ làm nổi bật được nội dung của bức tranh.

Trong các bức tranh họa sĩ Tô Ngọc Vân đã thể hiện tác phẩm của mình qua những nhịp điệu uyển chuyển có thể thấy điển hình trong bức tranh “*Thiếu nữ bên hoa huệ*”. Trong hình ảnh thiếu nữ ngồi vén tóc bên bình hoa có gì đó rất yên bình nhưng sâu trong đó họa sĩ vẫn gọi lên sự nhịp nhàng. Đường lượn của hai cánh tay, một tay vén tóc, một tay nâng bông hoa huệ. Với hoạt động nghiêng đầu làm dáng nhẹ nhàng của thiếu nữ đã tạo cho bức tranh có một bố cục chắc chắn.

Hình tượng người phụ nữ trong tranh họa sĩ Tô Ngọc Vân được thể hiện với bố cục vững chãi, yếu tố chuyển động, mềm mại. Phù hợp lứa tuổi và cần thiết ứng dụng đưa vào dạy học mỹ thuật tiểu học khối 1 và 4.

2.3.3. Vận dụng hòa sắc (đậm nhạt) trong tranh Tô Ngọc Vân vào giảng dạy vẽ theo chủ đề

Đối với học sinh khối tiểu học việc quan sát tranh để tìm hiểu về màu sắc (đậm nhạt) trong tranh khá là quan trọng. Khi quan sát và đưa ra được những nhận xét về đậm nhạt thì HS sẽ có những cảm nhận về hình khối và từ đó sẽ dễ vận dụng vào vẽ hơn. Đối với HS khối lớp 1, học viên cho vận dụng nhiều về màu sắc và cho tìm hiểu đề hình thành khái niệm về đậm nhạt. Còn đối với HS khối lớp 4 thì học viên yêu cầu quan sát và nêu nhận xét về đậm nhạt nhiều hơn, vì ở lứa tuổi này HS đã được tìm hiểu về đậm nhạt ở bài trước đó (Bài: Vẽ khối lập phương và quả). Từ việc hướng dẫn HS quan sát và nhận xét kỹ về đậm nhạt HS sẽ vẽ hình tốt hơn, ít bị những lỗi sai về tỉ lệ và hình dáng của đối tượng.

Tô Ngọc Vân là một họa sĩ đam mê hình nhưng ông còn đam mê màu sắc hơn.

Ông quan tâm nhiều về hình và là người vẽ hình tinh tế nhưng còn say mê màu sắc hơn, tự buông thả tâm hồn trước hết cho

màu sắc lôi cuốn. Ông đem lại cho hội họa Việt Nam những hòa sắc mạnh mẽ, táo bạo khác hẳn những hòa sắc dịu dàng, nhũn nhặn mà phần lớn các họa sĩ đương thời ưa dùng [24, tr.50, 51].

Các tác phẩm nghệ thuật của ông là sự chuyên biến sắc độ tinh tế đã định rõ một tài năng trong lĩnh vực nghệ thuật tạo hình “Sắc độ tuy nhẹ nhàng nhưng vẫn tỏ rõ hình khối đã được giản đơn trên cơ sở hiểu biết sâu sắc, chủ động diễn tả thoải mái” [23, tr.48]. Trong bức tranh “*Thiếu nữ bên hoa huệ*” ông sử dụng gam màu trắng là chủ đạo nhưng ông đã khéo léo sử dụng những màu xanh trên bình hoa và trên lá để gợi đậm nhạt, tạo khối cho tác phẩm. Những chi tiết trong bức tranh được họa sĩ diễn tả một cách chất lọc, giản lược, qua những nét bút để tạo ra các mảng và ánh sáng, sắc độ sáng tối trong tranh.

Khi cho HS quan sát tranh của họa sĩ GV sẽ sử dụng một số phương pháp dạy học đặc thù của bộ môn như trực quan, vấn đáp để giúp HS tiếp thu được nội dung một cách hiệu quả. GV sẽ đặt những câu hỏi theo mức độ từ dễ đến khó để HS tìm được đâu là phần đậm nhạt, đâu là phần sáng nhạt, giữa độ đậm và độ sáng thì là độ đậm gì?

Từ những gợi ý tìm hiểu của GV, HS sẽ nhận biết được đậm nhạt trong các bức tranh khác. Từ đó GV giúp HS tìm hiểu về nguyên nhân và tại sao có độ đậm nhạt bằng câu hỏi: Đậm nhạt do đâu? (Do ánh sáng chiếu vào đối tượng, phần được ánh sáng chiếu vào trực tiếp sẽ có độ sáng nhất, phần không có ánh sáng chiếu vào trực tiếp sẽ có độ đậm tối nhất và phần có ít ánh sáng chiếu vào hoặc chiếu vào gián tiếp sẽ cho độ trung gian). Thông qua những gợi ý của GV, HS sẽ hiểu được vai trò của đậm nhạt trong tranh: Diễn tả được không gian của tranh, diễn tả được đặc điểm của hình tượng người phụ nữ. Khi vẽ đậm nhạt hình ảnh trong tranh sẽ tạo được chiều sâu, tạo được khối và hình vẽ sẽ chân thực hơn.

Để HS dễ dàng vận dụng đậm nhạt trong tranh của họa sĩ Tô Ngọc Vân vào bài của mình, Ngoài bước hướng dẫn HS khám phá tìm hiểu về

đậm nhạt trong tranh ở hoạt động 1 thì đến hoạt động 2 khi hướng dẫn HS vẽ ở bước cuối cùng GV sẽ hướng dẫn HS vẽ đậm nhạt.

Ở hoạt động này GV vẫn sẽ tiếp tục sử dụng phương pháp vấn đáp để gợi mở cho HS. Cuối cùng GV sẽ nhấn mạnh cho HS nhớ được: Muốn thể hiện tốt được đậm nhạt thì phải đảm bảo được 3 sắc độ: Sáng nhất, tối nhất và trung gian.

Theo những phương pháp học viên đưa ra khi GV chuẩn bị tốt kiến thức và phương pháp dạy học và HS tích cực hoạt động thì HS vận dụng tốt vào bài vẽ của mình.

2.3.4. Vận dụng đường nét trong tranh Tô Ngọc Vân vào giảng dạy phân môn vẽ theo mẫu

Ngôn ngữ của mỹ thuật được diễn tả thông qua bố cục, đường nét và màu sắc, đặc biệt đường nét ngoài công dụng là thể hiện được cấu tạo của hình thì còn diễn tả được tình cảm, cảm xúc của họa sĩ khi vẽ tranh. Những nét vẽ thẳng, nét cong, nét gấp khúc sẽ tạo cho người xem những cảm nhận khác nhau. Những yếu tố tạo hình đó tạo nên nét đặc trưng trong tranh vẽ của họa sĩ Tô Ngọc Vân. Với những nét bút tự nhiên trong tranh ông đã khắc họa thành công vẻ đẹp của người phụ nữ Việt Nam.

Tô Ngọc Vân với nét vẽ trau chuốt, nuột nà, giản dị, chân thực dễ hiểu nhưng không hề gò bó mà phóng khoáng và rất chính xác. Những nét cong dài và đơn giản gợi lên đường cong của cơ thể người phụ nữ. với người xem nhất là với các em học sinh lứa tuổi tiểu học. Xem tranh Tô Ngọc Vân các em nhìn thấy hình ảnh những người bà, người mẹ, người chị giúp các em thấy sự gần gũi với mục đích để hiện cái đẹp.

Trong tranh “*Thiếu nữ bên hoa huệ*” hình ảnh cô thiếu nữ mặc áo dài, nghiêng đầu nhẹ nhàng vuốt tóc bên lọ hoa huệ. Qua cách vẽ chân thực họa sĩ đã diễn tả đặc điểm của người thiếu nữ Hà Thành. Với đường nét lượn từ tay trái phía trên qua vai chuyển sang tay phải vòng xuống ngang

thân, dù là vô tình hay có sự tính toán ở đây thì họa sĩ đã thể hiện được sự dịu dàng, nhẹ nhàng của người thiếu nữ.

Khi xem bức tranh “*Hai thiếu nữ và em bé*” cùng với những nét vẽ cong, mềm mại, linh hoạt, các nhân vật trong tranh tạo thành bố cục tam giác mang tính chất chắc chắn. Mỗi người có một tư thế, một động tác khác nhau. Hình ảnh ba nhân vật được sắp xếp cân đối trong bức tranh tạo cảm giác chuyển động như một vũ điệu của hình. Bức tranh cho người xem đặc biệt HS lứa tuổi tiểu học một cảm xúc gần gũi, chân thực. Không hẳn hình mảng nào cũng được viền lại hình bằng các nét mà chỉ là các mảng đặt cạnh nhau để khẳng định hình. Khi tiếp cận đường nét trong tranh của Tô Ngọc Vân, giáo viên đưa những đặc điểm đó vào dạy học, giúp cho HS vận dụng được phong cách sử dụng nét trong tranh để ứng dụng vào bài học. Nét vẽ trong tranh Tô Ngọc Vân uốn lượn, tự nhiên có gì đó trau chuốt, tỉ mỉ nhưng không hề gò bó. Với cách vẽ giản dị nhưng với ông đó chính là đỉnh cao của nghệ thuật. Trong quá trình dạy học họa sĩ Tô Ngọc Vân đã dạy học trò của mình “giản dị là tính chất của thời đại ngày nay, là đỉnh cao của nghệ thuật, vì giản dị bao nhiêu thì càng khó bấy nhiêu, bởi nó đòi hỏi nhiều công phu, nhiều tìm tòi mới đi tới đích được” [24, tr.83]. Họa sĩ Tô Ngọc Vân còn đưa ra những ví dụ thực tế để học trò của mình hiểu giản đơn đi không có nghĩa là tước bỏ đi.

Sau khi thường thức các bức tranh của Tô Ngọc Vân học sinh hiểu hơn về hoàn cảnh sáng tác của các họa sĩ Việt Nam nói chung và họa sĩ Tô Ngọc Vân nói riêng, nắm được phong cách nghệ thuật của họa sĩ thông qua bố cục, đường nét, đậm nhạt. GV khuyến khích các em vận dụng sáng tạo vào bài vẽ của mình từ đó chất lượng giảng dạy sẽ tốt hơn. Với lối vẽ chân thực học sinh được thỏa sức thể hiện đề tài hình tượng phụ nữ mà các em vẫn được quan sát, ngắm nhìn hằng ngày. Các em được vẽ theo cảm xúc của bản thân, thoải mái thể hiện những đường nét trong tranh một cách giản

dị. Với phương pháp dạy học phù hợp giáo viên sẽ giúp các em vận dụng tốt yếu tố bố cục, đường nét hay hòa sắc một cách linh hoạt vào trong tranh của mình.

Tiểu kết chương 2

Qua nội dung tìm hiểu và khai thác ở chương 2 học viên đã đưa ra những nhận định về quan điểm sáng tác nghệ thuật của Tô Ngọc Vân. Ông đã gửi gắm quan điểm sáng tác nghệ thuật của riêng mình vào các tác phẩm. Họa sĩ Tô Ngọc Vân không phải là họa sĩ Việt Nam đầu tiên học tập và thể hiện thành công chất liệu sơn dầu, nhưng ông đã trở thành họa sĩ có tên tuổi gắn bó với nhiều tác phẩm sơn dầu có giá trị nghệ thuật, trong đó có những tác phẩm về chủ đề phụ nữ. Những đề tài trong sáng tác của ông luôn bị ảnh hưởng của bối cảnh xã hội. Nghệ thuật nói chung và mỹ thuật nói riêng luôn bị ảnh hưởng bởi những quan điểm của xã hội. Đã xuất hiện sự đấu tranh giữa những quan điểm nghệ thuật hay xu hướng nghệ thuật trong những họa sĩ. Những xu hướng hiện thực và lãng mạn hay nghệ thuật vị nghệ thuật và nghệ thuật vị nhân sinh. Nhiều phong cách nghệ thuật đa dạng cùng nhiều họa sĩ đã khám phá được sở trường của mình về chủ đề hay chất liệu cho riêng mình đã được khám phá trong thời gian từ 1930 – 1945. Họ biết lựa chọn đề tài, sử dụng chất liệu phù hợp để xây dựng nên một nền hội họa cận đại Việt Nam. Họa sĩ Tô Ngọc Vân đã có những tác phẩm mang đậm bản sắc văn hóa dân tộc với xu hướng lãng mạn và ấn tượng đã giúp ông trở thành họa sĩ cách mạng. Thực tế, những bức tranh của họa sĩ Tô Ngọc Vân giai đoạn 1930 - 1945 đã đạt đến đỉnh cao của nghệ thuật sáng tác, gắn liền với sự phát triển của mỹ thuật Việt Nam hiện đại. Với các tác phẩm tiêu biểu trong giai đoạn này như: “Hai thiếu nữ và em bé” (Sơn dầu, 1944). "Thiếu nữ bên hoa huệ” (Sơn dầu, 1943), "Thiếu nữ bên hoa sen” (Sơn dầu, 1944). Đây cũng chính là một trong những tác phẩm cuối được ông vẽ theo xu hướng lãng mạn.

Bước qua giai đoạn sau cách mạng tháng 8 năm 1945, họa sĩ Tô Ngọc Vân đã đấu tranh tư tưởng khi ông không thể tiếp tục sáng tác những bức tranh theo xu hướng lãng mạn. Đề tài những người phụ nữ Hà thành dài các, thùy mị được thay vào đó là hình ảnh những chiến sĩ, những bà bù hay những cô gái dân tộc với thân hình tròn lẳn. Chính những hình ảnh gần gũi đó đã giúp Tô Ngọc Vân khắc họa được một cách chân thực nhất. Ông đã mở ra một giai đoạn nghệ thuật mới cho mình đồng thời cũng mở ra một trang sử mới cho nền mỹ thuật Việt Nam.

Họa sĩ Tô Ngọc Vân đã đánh dấu tên tuổi, tài năng và nhân cách của mình thông qua những tác phẩm của mình. Ông đã góp phần giúp nền mỹ thuật Việt Nam hiện đại phát triển.

Chương 3

THỰC NGHIỆM KHAI THÁC HÌNH TƯỢNG NGƯỜI PHỤ NỮ TRONG TRANH CỦA TÔ NGỌC VÂN VÀO KHỐI 1; 4 Ở TRƯỜNG TIỂU HỌC VÀ TRUNG HỌC CƠ SỞ FPT, CẦU GIẤY, HÀ NỘI

3.1. Mục đích và nội dung thực nghiệm

3.1.1. Mục đích thực nghiệm

Thực nghiệm được tiến hành với mục đích đánh giá, khẳng định tính khoa học, tính đúng đắn của việc khai thác hình tượng người phụ nữ trong tranh Tô Ngọc Vân vào dạy học mỹ thuật cho học sinh tại trường Tiểu học và Trung học cơ sở FPT, Cầu Giấy, Hà Nội, đồng thời khẳng định hiệu quả và tính khả thi của các phương pháp đã được đề xuất trong nội dung trình bày ở trên.

Khi thực nghiệm và HS được vận dụng vào một bài thực tế giúp HS có hứng thú hơn với môn học mỹ thuật. Với sự phát triển của xã hội và những thay đổi suy nghĩ về mỹ thuật, GV và nhà trường luôn chú trọng đề cao chất lượng dạy học môn mỹ thuật giúp HS phát triển toàn diện các mặt Chân - Thiện - Mỹ. Để thực hiện được thì GV cần nhìn rõ những ưu, nhược điểm để rút kinh nghiệm và sửa bổ sung vào luận văn đưa được nghiên cứu.

3.1.2. Nội dung thực nghiệm

Bảng 3.1. Nội dung các bài áp dụng vào chương trình dạy học, năm học 2022 – 2023

Lớp	Thường thức mỹ thuật	Bài áp dụng
Lớp 1 (4 tiết)	Xem tranh của họa sĩ Tô Ngọc Vân	- Vẽ tranh chân dung người thân của em - Chủ đề: Em và bạn em
Lớp 4 (4 tiết)	Vài nét về họa sĩ Tô Ngọc Vân và một số tác phẩm tiêu biểu	- Ký họa cô giáo em - Tập nặn tạo dáng

Nguồn: Tác giả (2023)

3.2. Phương pháp thực nghiệm

3.2.1. Đối tượng thực nghiệm

Đối tượng thực nghiệm là học sinh khối lớp 1 và khối lớp 4 đang học tập tại trường Tiểu học và Trung học cơ sở FPT, Cầu Giấy, Hà Nội.

Chọn lớp thực nghiệm:

- Lớp thực nghiệm 1A1 có 30 HS
- Lớp đối chứng 1A2 có 30 HS
- Lớp thực nghiệm 4A2 có 30 HS
- Lớp đối chứng 4A3 có 30 HS

Sau khi tiến hành khảo sát học viên nhận ra: Lớp thực nghiệm và lớp đối chứng có sĩ số bằng nhau, đặc điểm dạy - học giống nhau, khả năng vận dụng tương đương nhau.

3.2.2. Tổ chức thực nghiệm

3.2.2.1. Các bước thực nghiệm

Bước 1: Tiến hành chọn lớp thực nghiệm và lớp đối chứng

Bước 2: Xây dựng kế hoạch thực nghiệm

Bước 3: Thực nghiệm giảng dạy

3.2.2.2. Quá trình tiến hành

** Bước 1: Tiến hành chọn lớp thực nghiệm và lớp đối chứng*

Trong quá trình dạy học, học viên đã tiến hành khảo sát kết quả học tập của các lớp trong hai khối 1 và khối 4 để từ đó lập được bảng thống kê. Dựa vào những số liệu đã thu được ở bảng thống kê, học viên lựa chọn mỗi khối hai lớp có kết quả khảo sát tương đồng nhau về kỹ năng, kiến thức mỹ thuật. Khảo sát mang tính chất đánh giá kết quả thực nghiệm của đề tài luận văn.

Bảng 3.2. Kết quả mức độ đánh giá khảo sát của hai lớp 1A1 và 1A2 trước khi kiểm chứng

Đối tượng	Số lượng	Kết quả khảo sát					
		Hoàn thành tốt		Hoàn thành		Chưa hoàn thành	
		Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %
Lớp thực nghiệm 1A1	30	10	33.3%	20	66.7 %	0	0
Lớp đối chứng 1A2	30	11	63.7%	19	33.3 %	0	0

Nguồn: Tác giả (2023)

Bảng 3.3. Kết quả mức độ đánh giá khảo sát của hai lớp 4A2 và 4A3 trước khi kiểm chứng

Đối tượng	Số lượng	Kết quả khảo sát					
		Hoàn thành tốt		Hoàn thành		Chưa hoàn thành	
		Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %
Lớp thực nghiệm 4A2	30	8	26.7%	22	73.3 %	0	0
Lớp đối chứng 4A3	30	9	30%	21	70 %	0	0

Nguồn: Tác giả (2023)

** Kế hoạch thực nghiệm*

Do sự phân công của ban giám hiệu nhà trường cùng tổ chuyên môn, học viên được thực hiện tham gia giảng dạy cả hai khối 1 và khối 4. Sau khi đã lựa chọn được lớp đối chứng và lớp thực nghiệm, học viên có lên kế hoạch thực hiện giảng bài. Lớp đối chứng là lớp học viên sẽ dạy theo đúng chương trình học mỹ thuật của nhà trường kết hợp sách giáo khoa lớp 1 (Vì sự bình đẳng và phát triển dân chủ); lớp 4 (Phát triển năng lực). Đối với lớp thực nghiệm học viên đưa khám phá hình tượng người phụ nữ trong tranh Tô Ngọc Vân vào dạy học mỹ thuật: Khối 1: Vẽ tranh “Chân dung người thân của em” và vẽ tranh “ Em và bạn”; Khối 4: “Ký họa cô giáo em” và “Tập nặn tạo dáng”.

** Thực nghiệm giảng dạy*

- Thực nghiệm giảng dạy cho học sinh lớp 1A1 và 1A2 bài: “Chân dung người thân của em”.

1. Ổn định tổ chức, điểm danh, kiểm tra đồ dùng học tập.
2. Bài mới

Khởi động: Để HS hứng thú với tiết học GV tổ chức cho HS khởi động bằng 1 trò chơi: “Những mảnh ghép thú vị”.

Nội dung trò chơi: Giáo viên chuẩn bị 3 bức tranh được cắt thành các mảnh ghép, chia lớp thành ba đội tương đương với ba tổ. Mỗi đội cử 5 bạn lên tham gia chơi trong thời gian 2 phút. Sau 2 phút các đội về chỗ, các thành viên ở dưới sẽ nhận xét xem đội nào ghép đúng và nhanh nhất.

Khi trò chơi kết thúc, GV dẫn dắt vào bài:

Các mảnh ghép đã tạo nên những bức tranh gì?

Trong bài học ngày hôm nay, cô và các em sẽ cùng nhau xem tranh và nêu cảm nghĩ của mình về một số bức tranh của họa sĩ Tô Ngọc Vân. Học cách phân tích các bức tranh dưới góc độ mỹ thuật và vận dụng vào bài vẽ của mình.

Nêu được các tác phẩm nổi tiếng của ông và chỉ ra được một số đặc điểm trong tranh của Tô Ngọc Vân về nội dung, hình, màu sắc. Biết cách vận dụng những đặc điểm tạo hình trong tranh của họa sĩ Tô Ngọc Vân trong học tập và sáng tạo mỹ thuật. GV gọi mở để đưa HS đến hoạt động khám phá.

HOẠT ĐỘNG 1: KHÁM PHÁ - Xem tranh họa sĩ Tô Ngọc Vân.

GV giới thiệu tác phẩm của họa sĩ Tô Ngọc Vân. Tác phẩm Thiếu nữ bên hoa huệ (1943), tác phẩm Thiếu nữ bên hoa sen (1944), tác phẩm Hai thiếu nữ và em bé (1944) và tác phẩm Thiếu phụ bên tràng kỷ

- GV tổ chức cho HS thảo luận nhóm 4.

- GV khuyến khích HS cùng khám phá đường nét, màu sắc, bố cục trong tranh của họa sĩ Tô Ngọc Vân bằng những câu hỏi:

- + Bức tranh của họa sĩ vẽ nội dung gì?
- + Em hãy nêu hình ảnh chính trong bức tranh?
- + Họa sĩ đã sử dụng những nét cong, nét thẳng như thế nào?
- + Kể tên một số màu xuất hiện trong bức tranh?

- + Kể tên một số hình ảnh thể hiện trong bức tranh, hình ảnh nào rõ nhất?
- + Khuôn mặt có hình dạng gì?
- + Các xúc của em khi ngắm bức tranh?

- HS thảo luận và tìm hiểu hình ảnh, đường nét, màu sắc trong tranh của họa sĩ.

GV tổng hợp kiến thức giúp HS ghi nhớ được nội dung chính trong các tranh của họa sĩ Tô Ngọc Vân về đẹp về hình, về màu sắc. Tranh của họa sĩ Tô Ngọc Vân chủ yếu vẽ về người phụ. Hình ảnh người phụ nữ Hà thành được họa sĩ Tô Ngọc Vân thể hiện với chất liệu sơn dầu. Với bút pháp tự nhiên, táo bạo cùng bố cục đơn giản, nét vẽ mềm mại, các nét cong làm nổi bật hình ảnh người thiếu nữ thành thị duyên dáng. Với màu sắc hài hòa, hòa sắc nhẹ nhàng, tươi sáng làm nổi bật hình ảnh người thiếu nữ duyên dáng, dịu dàng.

- HS chú ý lắng nghe

GV dẫn dắt HS đến với hoạt động kiến tạo kỹ thức - kỹ năng: Cách vẽ tranh chân dung người thân trong gia đình.

HOẠT ĐỘNG 2: KIẾN TẠO KIẾN THỨC - KỸ NĂNG

- Vận dụng hình tượng người phụ nữ trong tranh Tô Ngọc Vân vào vẽ tranh chân dung người thân trong gia đình.

- Yêu cầu HS quan sát hình trên slide và nhận biết cách vẽ tranh chân dung

GV khuyến khích HS thảo luận nhóm đôi và trả lời câu hỏi:

Tranh chân dung là gì?

Vẽ tranh chân dung được thực hiện như nào?

Sử dụng những nét gì vào vẽ tranh chân dung?

Kết hợp màu như nào để bức tranh có nhịp điệu và có sự hài hòa?

GV chốt: Tranh chân dung chủ yếu vẽ khuôn mặt người. Mỗi người có khuôn mặt và đặc điểm riêng giúp chúng ta phân biệt được người này với người khác.

- Gọi ý để HS nhắc lại và ghi nhớ các bước vẽ một bức tranh chân dung.
- Nhận xét câu trả lời của HS.
- GV chốt các bước tạo bức tranh chân dung người thân của em:

Bước 1: Vẽ dạng khuôn mặt lên giấy.

Bước 2: Vẽ thêm các nét chi tiết: Mắt, mũi, miệng, tai, áo.

Bước 3: Vẽ màu cho bức tranh.

Lưu ý: HS sử dụng các nét cong để thể hiện hình dáng chân dung người thân trong gia đình. Kết hợp màu hài hòa để hoàn thiện tranh.

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP SÁNG TẠO - Vẽ bức tranh chân dung người thân của em.

GV khuyến khích HS sử dụng những nét cong mềm mại để vẽ chân dung người thân trong gia đình.

GV hướng dẫn HS thực hành vẽ tranh chân dung và phối hợp màu sắc hài hòa, vận dụng đường nét, màu sắc trong tranh họa sĩ Tô Ngọc Vân, theo gợi ý:

Em sẽ vẽ hình ảnh ai?

Người đó có đặc điểm gì? Tóc? Khuôn mặt?

Ngoài hình ảnh người em còn vẽ gì?

Em sẽ sử dụng những nét gì trong bài vẽ của mình?

Màu sắc em lựa chọn để vẽ?

HS thực hành cá nhân. HS nhớ và tưởng tượng lại hình ảnh người thân để vẽ. Có ý tưởng cho bức tranh để sắp xếp bố cục hợp lý. Có thể sử dụng các chất liệu màu sáp, chì hay màu nước để thể hiện tranh.

GV bao quát lớp và kịp thời hỗ trợ những HS còn lúng túng trong quá trình thực hiện.

Lưu ý: Sử dụng những nét mềm mại, nét cong để vẽ nét. Sử dụng màu sắc trong sáng. Sự chuyển sắc nhẹ nhàng nhưng vẫn tạo được các khối.

Sau khi thực hành xong, GV tổ chức nhận xét đánh giá để HS được quan sát sản phẩm của mình và của bạn.

HOẠT ĐỘNG 4: NHẬN XÉT ĐÁNH GIÁ

GV hướng dẫn HS trưng bày sản phẩm theo tổ.

Động viên, khuyến khích HS giới thiệu, chia sẻ tác phẩm của mình theo gợi ý:

Bức tranh em yêu thích nhất?

Bố cục, hình, nét, màu trong tranh được thể hiện như nào?

Cảm xúc của em khi vẽ chủ đề về người thân trong gia đình?

Em thích chi tiết nào trong bài vẽ của mình, của bạn?

Em có muốn điều chỉnh gì ở tranh của mình, của bạn không?

Đánh giá kết quả của bài học.

HOẠT ĐỘNG 5: VẬN DỤNG

Khuyến khích HS quan sát tranh GV chuẩn bị để phân biệt tranh chân dung và tranh bố cục. HS phân tích một số tranh khác của họa sĩ Tô Ngọc Vân và họa sĩ khác.

Nêu câu hỏi gợi mở để HS thảo luận, tìm hiểu thêm các tranh khác của họa sĩ Tô Ngọc Vân và từ bài này vận dụng để có kiến thức vẽ các bài khác.

Em thích tác phẩm nào?

Nhịp điệu của hình, nét, đậm nhạt trong bức tranh được sắp xếp thế nào?

Các bức tranh mang cho em cảm giác gì?

GV chốt lại kiến thức trong toàn bài học: Vận dụng bố cục, đường nét, hình khối, màu sắc trong tranh họa sĩ Tô Ngọc Vân vận dụng vào bài vẽ để tạo ra những sản phẩm mỹ thuật, nâng cao giá trị cho sản phẩm.

Dặn dò: Đọc và chuẩn bị đồ dùng cho bài học sau.

- Thực nghiệm giảng dạy cho học sinh lớp 1A1 và 1A2 bài: “Em và bạn em”.

1. Ôn định tổ chức, điểm danh, kiểm tra đồ dùng học tập.

2. Bài mới

Khởi động: Để HS hứng thú với tiết học GV tổ chức cho HS khởi động bằng 1 trò chơi: “Đây là ai?”.

Nội dung trò chơi: Giáo viên chuẩn bị 5 hình ảnh là bóng các bạn trong lớp với các dáng vẽ khác nhau và cho HS đoán xem bóng đó là của bạn nào.

Khi trò chơi kết thúc, GV dẫn dắt vào bài.

Trong bài học ngày hôm nay, cô và các em sẽ cùng nhau khám phá chủ đề Em và bạn em. Cùng nhau sáng tạo những sản phẩm để trang trí lớp học trong tuần này nhé!

GV gợi mở để đưa HS đến hoạt động khám phá.

HOẠT ĐỘNG 1: KHÁM PHÁ - Xem tranh họa sĩ Tô Ngọc Vân.

GV giới thiệu tác phẩm của họa sĩ Tô Ngọc Vân. Tác phẩm Hai thiếu nữ và em bé (1944) và tác phẩm Buổi trưa (1936).

- GV tổ chức cho HS thảo luận nhóm đôi.

- GV khuyến khích HS cùng khám phá hình ảnh, đường nét, màu sắc, bố cục trong tranh của họa sĩ Tô Ngọc Vân bằng những câu hỏi:

- + Hình ảnh chính trong bức tranh là gì?
- + Cơ thể người có các bộ phận chính nào?
- + Trên khuôn mặt người có những bộ phận nào?
- + Kể tên một số màu xuất hiện trong bức tranh?
- + Người trong tranh có những hoạt động gì?
- + Các xúc của em khi ngắm bức tranh?

- HS thảo luận và tìm hiểu hình ảnh, đường nét, màu sắc trong tranh của họa sĩ.

GV tổng hợp kiến thức giúp HS ghi nhớ được nội dung chính trong các tranh của họa sĩ Tô Ngọc Vân về đẹp về hình, về màu sắc. Hình vẽ sử dụng nhiều nét cong lượn, màu sắc nhẹ nhàng, tươi sáng, phần nền thể hiện hình ảnh từ mảng màu đơn giản chứ không quá chi tiết.

- HS chú ý lắng nghe

GV dẫn dắt HS đến với hoạt động kiến tạo kỹ thức - kỹ năng: Cách thực hiện sản phẩm chủ đề Em và bạn em.

HOẠT ĐỘNG 2: KIẾN TẠO KIẾN THỨC - KỸ NĂNG

- Vận dụng hình tượng người phụ nữ trong tranh Tô Ngọc Vân vào chủ đề “Em và bạn em”.

- Yêu cầu HS quan sát hình trên slide và nhận biết cách tạo hình từ vẽ hoặc xé dán.

GV khuyến khích HS thảo luận nhóm đôi và trả lời câu hỏi:

Các bức tranh được thể hiện bằng chất liệu gì?

Bức tranh nào thể hiện nửa người, bức tranh nào thể hiện cả người?

Em thấy màu sắc trong tranh như thế nào?

Đặc điểm của mỗi người khác nhau không?

GV chốt: Chủ đề “Em và bạn em” có thể được thực hiện bằng cách vẽ hoặc xé dán. Có thể vẽ nửa người hoặc vẽ cả người. Mỗi người sẽ có đặc điểm, hoạt động khác nhau nên cần thể hiện rõ đặc điểm của từng người.

- Gợi ý để HS nhắc lại và ghi nhớ các bước vẽ hoặc xé dán một bức tranh.

- Nhận xét câu trả lời của HS.

- GV chốt các bước tạo bức tranh chủ đề “Em và bạn em”:

Cách vẽ tranh:

+ Bước 1: Vẽ các bộ phận chính của cơ thể người.

+ Bước 2: Vẽ thêm các nét chi tiết: Mắt, mũi, miệng, tai, áo.

+ Bước 3: Vẽ màu cho bức tranh.

Cách xé dán:

Bước 1: Vẽ các bộ phận chính cơ thể con người ra giấy màu

Bước 2: Xé rời các bộ phận ra khỏi tờ giấy màu.

Bước 3: Ghép các bộ phận thành cơ thể người hoàn chỉnh

Bước 4: Xé dán các chi tiết phụ.

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP SÁNG TẠO – Sáng tạo chủ đề “Em và bạn em”

GV khuyến khích HS sử dụng những nét cong mềm mại để vẽ tranh.

GV hướng dẫn HS thực hành vẽ tranh hoặc xé dán và phối hợp màu sắc hài hòa, vận dụng đường nét, màu sắc trong tranh họa sĩ Tô Ngọc Vân, theo gợi ý:

- + Em thực hiện sản phẩm bằng chất liệu gì?
- + Em sẽ vẽ hình ảnh em và bạn đang làm gì?
- + Em vẽ cả người hay nửa người?
- + Ngoài hình ảnh người em còn vẽ gì?
- + Màu sắc em lựa chọn để vẽ?

HS thực hành cá nhân. Có ý tưởng cho bức tranh để sắp xếp bố cục hợp lý. Có thể sử dụng các chất liệu màu sáp, giấy màu để thể hiện tranh.

GV bao quát lớp và kịp thời hỗ trợ những HS còn lúng túng trong quá trình thực hiện.

Lưu ý: Sử dụng những nét mềm mại, nét cong để vẽ nét. Sử dụng màu sắc trong sáng. Sự chuyển sắc nhẹ nhàng nhưng vẫn tạo được các khối.

Sau khi thực hành xong, GV tổ chức nhận xét đánh giá để HS được quan sát sản phẩm của mình và của bạn.

HOẠT ĐỘNG 4: NHẬN XÉT ĐÁNH GIÁ

GV hướng dẫn HS trưng bày sản phẩm.

Động viên, khuyến khích HS giới thiệu, chia sẻ tác phẩm của mình theo gợi ý:

Sản phẩm em yêu thích nhất?

Chất liệu thể hiện bức tranh?

Bố cục, hình, nét, màu trong tranh được thể hiện như nào?

Em thích chi tiết nào trong bài vẽ của mình, của bạn?

Em có muốn điều chỉnh gì ở tranh của mình, của bạn không?

Đánh giá kết quả của bài học.

GV chốt lại kiến thức trong toàn bài học: Vận dụng bố cục, đường nét, hình khối, màu sắc trong tranh họa sĩ Tô Ngọc Vân vận dụng vào bài vẽ để tạo ra những sản phẩm mỹ thuật, nâng cao giá trị cho sản phẩm.

HOẠT ĐỘNG 5: VẬN DỤNG

Khuyến khích HS hoàn thiện sản phẩm, kết hợp với bạn tạo thành sản phẩm lớn để trang trí lớp học.

Dặn dò: Đọc và chuẩn bị đồ dùng cho bài học sau.

- Thực nghiệm giảng dạy cho học sinh lớp 4A2 và 4A3 bài: “Ký họa cô giáo em”.

1. Điểm danh và kiểm tra đồ dùng.

2. Bài mới

Khởi động: Nhằm tạo hứng thú cho HS trước tiết học, GV giới thiệu dẫn dắt vào bài mới bằng trò chơi. GV chiếu bức vẽ chân dung họa sĩ Tô Ngọc Vân lên màn hình, chuẩn bị 3 tờ giấy trắng cho ba đội thi đua nhau. Các đội tham gia vẽ tranh tiếp sức, minh họa lại chân dung của họa sĩ Tô Ngọc Vân.

Luật chơi: Mỗi tổ chuẩn bị đồ dùng: Tổ 1 chuẩn bị bút chì, tổ 2 chuẩn bị màu dạ, tổ 3 chuẩn bị màu sáp. Lần lượt các bạn lên vẽ chân dung Tô Ngọc Vân bằng các nét. Bạn thứ nhất thực hiện xong đi về cuối hàng để bạn tiếp theo lên thực hiện. Trò chơi diễn ra trong 2 phút.

Khi trò chơi kết thúc các đội về chỗ, cùng nhận xét các sản phẩm của các nhóm để tìm ra đội chiến thắng. Sau đó GV dẫn dắt vào bài.

HOẠT ĐỘNG 1: KHÁM PHÁ - Vài nét về họa sĩ Tô Ngọc Vân và các tác phẩm tiêu biểu.

GV tổ chức cho HS thảo luận nhóm

GV khuyến khích HS tìm hiểu về họa sĩ Tô Ngọc Vân bằng các câu hỏi gợi mở:

+ Nhóm 1 và 2: Hãy nêu một vài nét về tiểu sử của họa sĩ Tô Ngọc Vân?

+ Nhóm 3 và 4: Nãy nêu một vài giai đoạn có ảnh hưởng đến sự nghiệp sáng tác của họa sĩ?

+ Nhóm 4 và 6: Kể tên các tác phẩm tiêu biểu của họa sĩ Tô Ngọc Vân?

HS thảo luận, lựa chọn những ý kiến đúng viết ra giấy. Sau khi thảo luận, mỗi nhóm 1 bạn đại diện lên thuyết trình về những tìm hiểu được về họa sĩ Tô Ngọc Vân.

GV tổng hợp kiến thức: Họa sĩ Tô Ngọc Vân sinh năm 1906 ở Hà Nội, ông mất năm 1954. Ông có bút danh khác là Ái Mỹ, Tô Tử. Ông là một họa sĩ tài ba với chất liệu Sơn dầu. Sự nghiệp nghệ thuật của ông chia làm hai giai đoạn :Trước cách mạng tháng 8 và sau cách mạng tháng 8. Chủ đề vẽ đẹp của người phụ nữ Hà thành được ông khai thác ở nhiều bức tranh khác nhau. Ông có nhiều tác phẩm nổi tiếng: Thiếu nữ bên hoa huệ(1943), Thiếu nữ bên hoa sen (1944), Hai thiếu nữ và em bé (1944), Hà Nội vùng đứng lên, Nữ giáo viên dân tộc Thái... Năm 1996, họa sĩ Tô Ngọc Vân đã được nhà nước trao tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh về Văn học - Nghệ thuật.

HS chú ý lắng nghe.

GV tổ chức cho HS quan sát tranh của họa sĩ Tô Ngọc Vân tìm hiểu về bố cục, hình mảng, nét, đậm nhạt trong tranh.

+ Nhóm 1: Thiếu nữ bên hoa huệ

+ Nhóm 2: Hai thiếu nữ và em bé

+ Nhóm 3: Thiếu nữ bên hoa sen

+ Nhóm 4: Hà Nội vùng đứng lên

+ Nhóm 5: Nữ giáo viên dân tộc Thái

+ Nhóm 6: Chị cốt cán

Để HS nhận biết được vẻ đẹp, giá trị trong tranh họa sĩ Tô Ngọc Vân, cảm nhận được đậm nhạt trong tranh, cách làm chủ nét bút và lựa chọn bố cục trong tranh của họa sĩ Tô Ngọc Vân qua những gợi ý.

- + Hình ảnh chính trong bức tranh là gì?
- + Hình ảnh được vẽ như nào? (Hình mảng, đường nét).
- + Bức tranh còn có những hình ảnh nào là phụ?
- + Màu sắc của bức tranh như thế nào?
- + Tranh vẽ bằng chất liệu gì?
- + Cảm nhận của em về bức tranh này như thế nào?

HS quan sát tranh và nhận biết thể loại kí họa, nhận biết vẻ đẹp của người phụ nữ Việt Nam trong mỗi thời kì thông qua những tác phẩm nghệ thuật của họa sĩ Tô Ngọc Vân.

GV trình chiếu các tác phẩm kí họa của Tô Ngọc Vân ở giai đoạn sau cách mạng tháng 8 để HS nhận biết cách kí họa, cách thể hiện sao cho bố cục hợp lý.

Khuyến khích HS quan sát hình ảnh GV chuẩn bị, gợi ý cho HS những câu hỏi mở để thảo luận;

Thế nào là tranh kí họa?

Tranh kí họa nhằm mục đích là gì?

Có thể sử dụng những chất liệu gì để kí họa?

Nội dung các bức kí họa của họa sĩ Tô Ngọc Vân?

Các nét kí họa trong tranh của họa sĩ Tô Ngọc Vân?

Em có cảm nhận gì về cách thể hiện đậm nhạt trong tranh?

HS tìm hiểu theo các gợi ý của GV để nắm được đặc điểm của tranh kí họa.

GV chốt kiến thức: Kí họa, hay tốc họa là quan sát và vẽ, ghi lại một khoảnh khắc ấn tượng trong đời sống. Nhưng điều đặc biệt nằm ở chỗ người vẽ phải vẽ lại thật nhanh để lưu giữ cái hồn của đối tượng, nếu không thì sẽ bị vụt mất khoảnh khắc đáng quý đó.

Đối tượng của tranh ký họa thường là con người, phong cảnh, sự vật, hiện tượng... Thường sẽ là những đối tượng đang chuyển động, nên họa sĩ

phải vẽ thật nhanh để mô phỏng lại hình dáng, điệu bộ... của đối tượng đó. Một ký họa xuất sắc là một tác phẩm có tư tưởng chủ đề sáng tạo, nét vẽ sinh động, truyền tải được suy nghĩ của người vẽ và có khả năng khơi dậy cảm xúc của người xem.

Đối tượng ký họa trong tranh Tô Ngọc Vân là những người phụ nữ trong cuộc sống hằng ngày với những con người chất phác, đôn hậu, thân hình trong lẻo, cân đối thấy sự vất vả vừa chăm lo việc nước vừa chu đáo việc nhà. Trong tác phẩm họa sĩ đã thành công trong việc ký họa người vì ông đã có kiến thức về hình họa rất tốt.

Để HS biết cách ký họa GV dẫn dắt HS đến hoạt động tiếp theo.

HOẠT ĐỘNG 2: KIẾN TẠO KIẾN THỨC - KỸ NĂNG - Khai thác hình tượng người phụ nữ trong tranh Tô Ngọc Vân vận dụng vào ký họa cô giáo em.

GV cho HS xem video ký họa dáng người để HS thảo luận nhóm đôi để nhận biết cách ký họa dáng người. Từ đó HS sẽ nắm được phương pháp và kỹ thuật vẽ ký họa từ đó vận dụng một cách sáng tạo, linh hoạt các nét, đậm nhạt trong tranh của họa sĩ vào bài vẽ của mình.

Gv tóm tắt cách vẽ ký họa dáng người:

Bước 1: Dựng hình

Bước 2: Phân mảng

Bước 3: Nhấn nét

Bước 4: Vẽ đậm nhạt

Để HS có thêm sự sáng tạo trong ký họa, từ chất liệu đến cách ký họa, GV cho HS xem thêm cách ký họa từ bút sắt hay màu nước. Để HS có nhiều tưởng tượng GV chiếu thêm những hình ảnh của các cô giáo lên màn hình HS quan sát thêm để thực hiện ký họa của mình.

HOẠT ĐỘNG 3: THỰC HÀNH SÁNG TẠO

Yêu cầu HS chọn một hình ảnh cô giáo để thể hiện ký họa. Có thể ký họa từ ảnh hoặc ký họa trực tiếp theo phong cách của họa sĩ Tô Ngọc Vân.

HS làm bài cá nhân

- + HS chọn chất liệu kí họa phù hợp với bản thân.
- + Luôn bao quát, hỗ trợ HS thực hành .
- + Nhắc nhở HS chú ý nét vẽ, đậm nhạt trong khi thực hành.

HOẠT ĐỘNG 4: ĐÁNH GIÁ NHẬN XÉT

GV tổ chức, hướng dẫn HS trưng bày sản phẩm.

HS nhận xét bài của mình, của bạn theo gợi ý của GV:

- + Bố cục
- + Đường nét
- + Đậm nhạt

GV tổng hợp, bổ sung ý kiến, đánh giá các bài.

GV cho HS quan sát tranh kí họa của họa sĩ Tô Ngọc Vân: Nữ giáo viên người Thái, Chị cốt cán, Bù Đường đi học, Tôi có ý kiến, Ba cô gái Thái để HS cảm nhận và so sánh bài của mình với tranh của họa sĩ.

Dặn dò: HS hoàn thiện bài.

Xem và chuẩn bị đồ dùng cho bài sau.

- Thực nghiệm giảng dạy cho học sinh lớp 4A2 và 4A3 bài: Tập nặn tạo dáng.

1. Điểm danh và kiểm tra đồ dùng.
2. Bài mới

Khởi động: Nhằm tạo hứng thú cho HS trước tiết học, GV giới thiệu dẫn dắt vào bài mới bằng trò chơi “Thi tạo dáng”. GV tổ chức cho 3 bạn lên nhún nhảy theo nhạc, khi nhạc kết thúc 3 bạn sẽ tạo một dáng bất kỳ và các bạn ở dưới đoán xem dáng đó đang thực hiện hoạt động gì.

Khi trò chơi kết thúc các bạn về chỗ, cùng nhận xét dáng mà các bạn đã tạo, ai tạo được nhiều dáng đẹp sẽ là bạn chiến thắng. Sau đó GV dẫn dắt vào bài.

HOẠT ĐỘNG 1: KHÁM PHÁ – Đặc điểm dáng người trong tranh Tô Ngọc Vân

GV tổ chức cho HS quan sát tranh của họa sĩ Tô Ngọc Vân và thảo luận:

- + Nhóm 1: Nêu các bộ phận của cơ thể người?
- + Nhóm 2: Mỗi bộ phận người có dạng hình gì?

+ Nhóm 3: Mỗi hoạt động sẽ có tư thế chân tay giống nhau hay khác nhau? Kể tên một số hoạt động của con người?

HS thảo luận, lựa chọn những ý kiến đúng viết ra giấy. Sau khi thảo luận, mỗi nhóm 1 bạn đại diện lên trả lời câu hỏi.

GV tổng hợp kiến thức: Cơ thể con người gồm các bộ phận đầu, thân, chân tay... Đầu có dạng hình tròn còn chân tay thì dài dạng hình trụ. Mỗi một hoạt động sẽ tạo ra dáng người khác nhau.

HS chú ý lắng nghe.

GV tổ chức cho HS quan sát sản phẩm nặn dáng người và đặt câu hỏi gợi mở:

- + Sản phẩm được thể hiện bằng chất liệu gì?
- + Dáng người được nặn từ các hình khối nào?
- + Nhắc lại cách tạo khối cầu, khối trụ, khối dẹt?
- + Cảm nhận của em về sản phẩm tạo dáng này như thế nào?

GV tổng hợp kiến thức:

Mỗi một bộ phận sẽ được tạo từ các khối khác nhau. Đầu dạng khối cầu; chân, tay có dạng khối trụ.

Để HS biết cách nặn tạo dáng GV dẫn dắt HS đến hoạt động tiếp theo.

HOẠT ĐỘNG 2: KIẾN TẠO KIẾN THỨC - KỸ NĂNG - Khai thác hình tượng người phụ nữ trong tranh Tô Ngọc Vân vận dụng vào nặn tạo dáng.

GV cho HS xem nặn dáng người để HS thảo luận nhóm đôi để nhận biết cách nặn dáng người. Từ đó HS sẽ nắm được cách nặn dáng người và vận dụng một cách sáng tạo, linh hoạt yếu tố hình vào sản phẩm nặn của mình.

Gv tóm tắt cách nặn dáng người:

Bước 1: Nặn các bộ phận chính

Bước 2: Nặn chi tiết

Bước 3: Ghép dính các bộ phận

Bước 4: Tạo dáng và sắp xếp bố cục

Để HS có thêm sự sáng tạo trong tập nặn GV cho HS xem thêm cách nặn từ các loại đất nặn khác nhau: đất nặn xốp, đất sét, đất nặn thủ công.

Để HS có nhiều tưởng tượng GV chiếu thêm những hình ảnh thể hiện hoạt động của bố, mẹ, cô giáo...

- Gợi ý để HS chọn được chủ đề nặn tạo dáng: hoạt động của bạn, của cô, của bố mẹ...

+ Các nhân vật trong các tranh đang có hoạt động gì?

+ Khi hoạt động tư thế tay, chân sẽ như thế nào?

- GV nhận xét câu trả lời và dẫn dắt vào hoạt động thực hành.

HOẠT ĐỘNG 3: THỰC HÀNH SÁNG TẠO

Yêu cầu HS tập nặn tạo sáng, mỗi tổ nặn theo một chủ đề: Gia đình, nhà trường, hoạt động trong xã hội.

- Hỗ trợ HS cách xác định dáng tay, chân, đầu đối tượng ở mỗi hoạt động khác nhau.

+ Em nặn ai?

+ Đang thực hiện hoạt động gì?

HOẠT ĐỘNG 4: ĐÁNH GIÁ NHẬN XÉT

GV tổ chức, hướng dẫn HS trưng bày sản phẩm.

HS sắp xếp sản phẩm theo tổ và giới thiệu theo gợi ý của GV:

+ Chủ đề

+ Hình khối

+ Màu sắc

GV tổng hợp, bổ sung ý kiến, đánh giá các bài.

GV cho HS quan sát một số sản phẩm điều khắc của các họa sĩ để HS hiểu hơn về cách tạo hình các hình khối.

Dặn dò: HS hoàn thiện bài.

Xem và chuẩn bị đồ dùng cho bài sau.

3.3. Tổng kết và đánh giá thực nghiệm

3.3.1. Tổng kết thực nghiệm

3.3.1.1. Kết quả thực nghiệm

** Kết quả khảo sát trước thực nghiệm*

- Khảo sát trước khi thực nghiệm ở hai lớp 1A1 và 1A2 bằng bài vẽ tranh “Chân dung người thân của em”, kết quả cho thấy mức độ nhận thức và năng lực của HS trong hai lớp là tương đương nhau. Trong quá trình tổ chức thực nghiệm và đánh giá kết quả, bài vẽ của HS được đánh giá theo 3 mức cơ bản: Hoàn thành tốt, hoàn thành và chưa hoàn thành. Sau khi đánh giá xong học viên dễ dàng thống kê số liệu những HS hoàn thành tốt bài mỹ thuật.

- Khảo sát kết quả học và vẽ trước thực nghiệm của hai lớp trên cơ sở so sánh sẽ cho thấy nhiều thông tin có giá trị. Kết quả đó được khái quát bằng bảng tổng hợp dưới đây:

Bảng 3.4. Kết quả mức độ đánh giá kiểm tra của 2 lớp 1A1 và 1A2 trước khi thực nghiệm

Đối tượng	Số lượng	Kết quả kiểm tra					
		Hoàn thành tốt		Hoàn thành		Chưa hoàn thành	
		Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %
Lớp thực nghiệm 1A1	30	10	33.3%	20	66.7 %	0	0
Lớp đối chứng 1A2	30	11	63.7%	19	33.3 %	0	0

Nguồn: Tác giả (2023)

** Kết quả thực nghiệm*

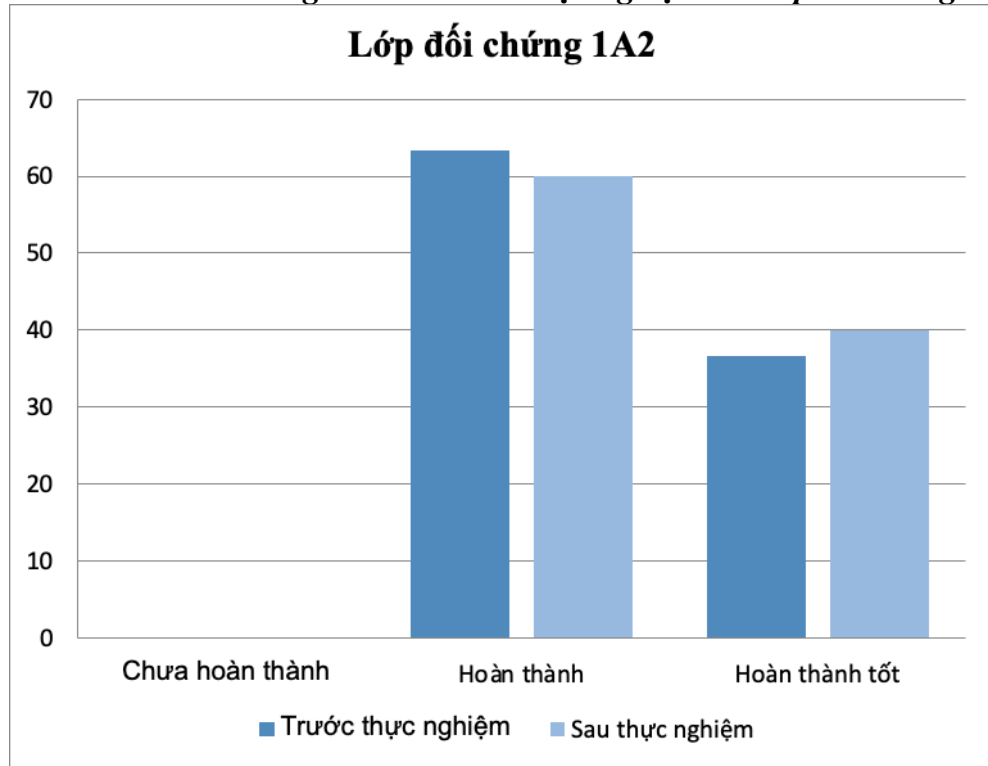
Sau khi thực nghiệm học viên thống kê số liệu so sánh kết quả lớp thực nghiệm và lớp đối chứng như sau:

Bảng 3.5. Kết quả mức độ đánh giá bài vẽ tranh của 2 lớp 1A1 và 1A2 sau thực nghiệm

Đối tượng	Số lượng	Kết quả thực nghiệm					
		Hoàn thành tốt		Hoàn thành		Chưa hoàn thành	
		Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %
Lớp thực nghiệm 1A1	30	17	56.7%	13	43.3 %	0	0
Lớp đối chứng 1A2	30	12	40%	18	60 %	0	0

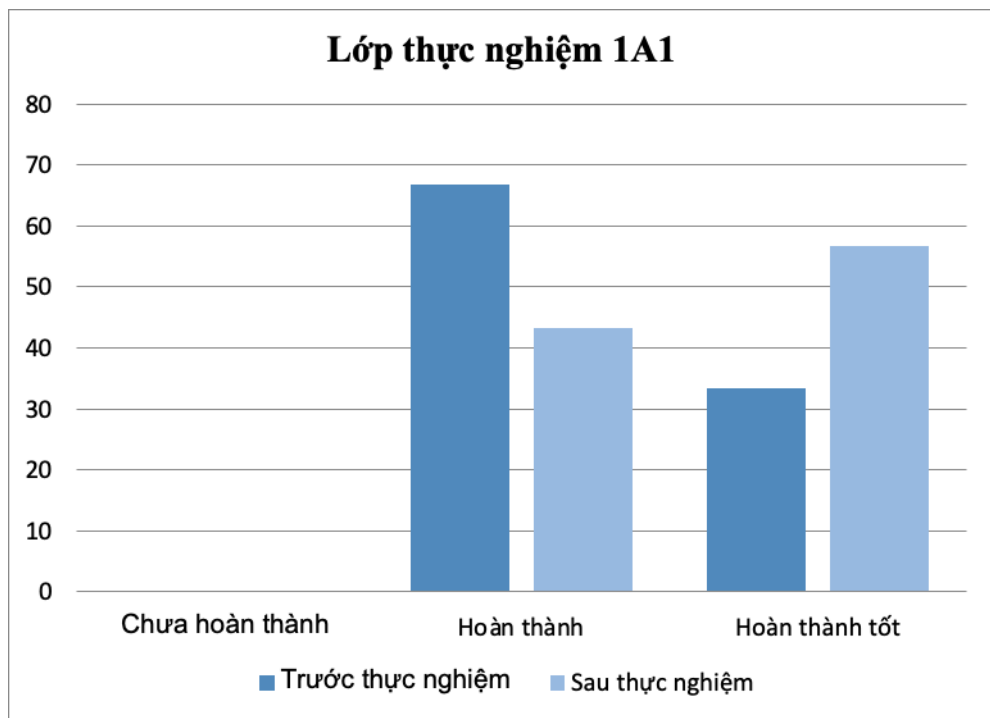
Nguồn: Tác giả (2023)

Biểu đồ 3.1. Mức đánh giá trước và sau thực nghiệm của lớp đối chứng 1A2



Nguồn: Tác giả (2023)

Biểu đồ 3.2. Mức đánh giá trước và sau thực nghiệm của lớp thực nghiệm 1A1



Nguồn: Tác giả (2023)

Tiến hành khảo sát kết quả học tập của 2 lớp 4A2 và 4A3 trước khi thực nghiệm.

Bảng 3.6. Kết quả mức độ đánh giá khảo sát của 2 lớp 4A2 và 4A3 trước khi thực nghiệm

Đối tượng	Số lượng	Kết quả khảo sát					
		Hoàn thành tốt		Hoàn thành		Chưa hoàn thành	
		Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %
Lớp thực nghiệm 4A2	30	8	26.7%	22	73.3 %	0	0
Lớp đối chứng 4A3	30	9	30%	21	70 %	0	0

Nguồn: Tác giả (2023)

Thông qua những số liệu học viên khảo sát và thu được ở bảng trên thấy khả năng học mỹ thuật, kỹ năng thực hành của HS hai lớp là tương đương nhau.

** Kết quả thực nghiệm*

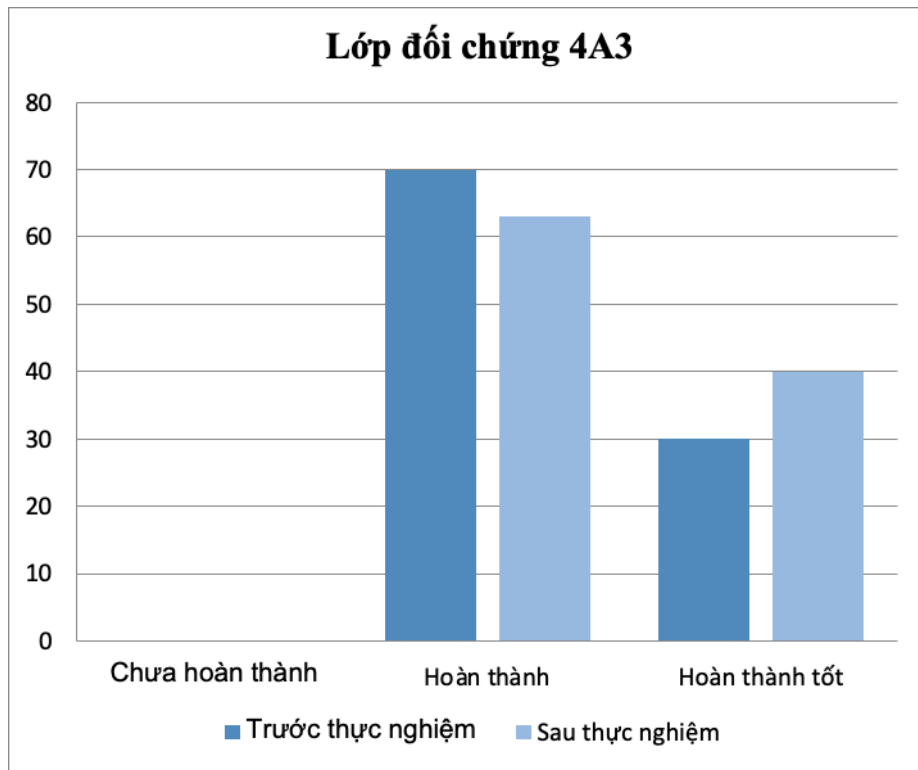
Sau khi thực nghiệm học viên thống kê số liệu so sánh kết quả lớp thực nghiệm và lớp đối chứng như sau:

Bảng 3.7. Kết quả mức độ đánh giá bài kí họa của 2 lớp 4A2 và 4A3 sau thực nghiệm

Đối tượng	Số lượng	Kết quả thực nghiệm					
		Hoàn thành tốt		Hoàn thành		Chưa hoàn thành	
		Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %
Lớp thực nghiệm 4A2	30	20	66.7%	10	33.3 %	0	0
Lớp đối chứng 4A3	30	11	36.7%	19	63.3 %	0	0

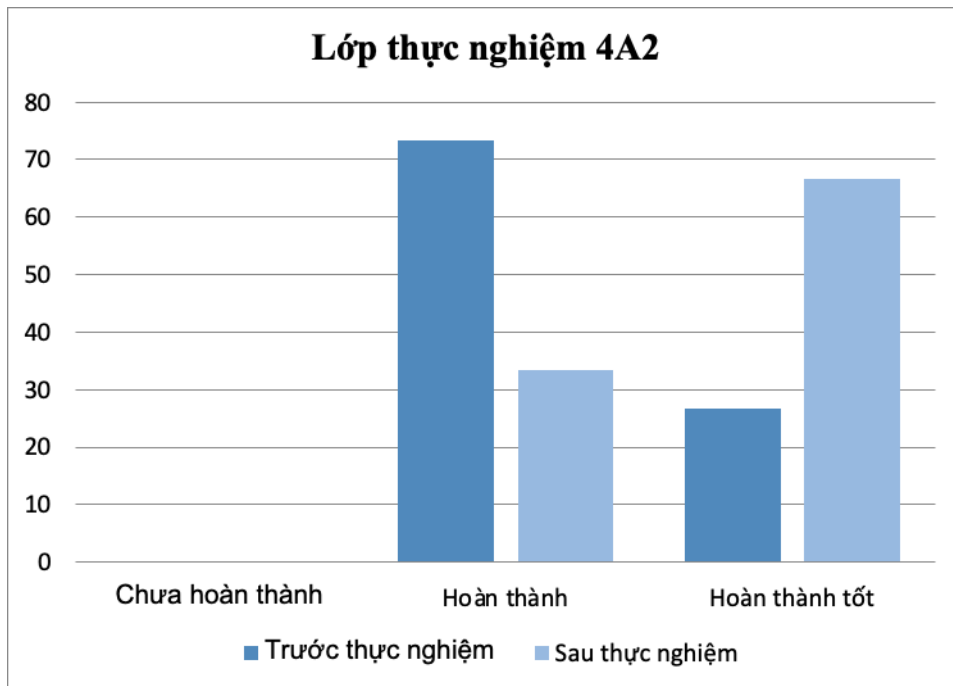
Nguồn: Tác giả (2023)

Biểu đồ 3.3. Mức đánh giá trước và sau thực nghiệm của lớp đối chứng 4A3



Nguồn: Tác giả (2023)

Biểu đồ 3.4. Mức đánh giá trước và sau thực nghiệm của lớp thực nghiệm 4A2



Nguồn: Tác giả (2023)

3.3.1.2. Phân tích kết quả thực nghiệm

Sau khi tổ chức thực nghiệm học viên thống kê kết quả thực nghiệm bài vẽ tranh và thái độ trong các tiết học cho thấy:

Dựa vào kết quả bài vẽ, kết quả chung của lớp thực nghiệm cao hơn so với lớp đối chứng, thể hiện ở số HS đạt mức hoàn thành thấp hơn hẳn so với lớp đối chứng.

Lớp 1:

+ Sản phẩm thể hiện Hoàn thành tốt: Số lượng tăng từ 33.3% lên 56.7%.

+ Sản phẩm thể hiện Hoàn thành: Số lượng giảm từ 66.7% xuống 43.3%.

+ Sản phẩm chưa hoàn thành: Không có.

Lớp 4:

+ Sản phẩm thể hiện Hoàn thành tốt: Số lượng tăng từ 26.7% lên 66.7%.

+ Sản phẩm thể hiện Hoàn thành: Số lượng giảm từ 73.3% xuống 33.3%.

+ Sản phẩm chưa hoàn thành: Không có.

Qua những số liệu thu được từ kết quả thực nghiệm học viên nhận thấy bước đầu đã có những hiệu quả nhất định. Tỷ lệ HS có những sản phẩm tốt đạt hoàn thành tốt cao hơn. Thông qua đó học viên cảm thấy đề tài nghiên cứu “Khai thác hình tượng người phụ nữ trong tranh Tô Ngọc Vân vào dạy học bộ môn mỹ thuật ở trường Tiểu học và Trung học cơ sở FPT” có nhiều khả quan. Và đây chính là động lực giúp học viên nghiên cứu và phát triển đề tài ở những khía cạnh sâu hơn để đưa vào chương trình dạy học.

Ở lớp thực nghiệm, sự thay đổi toàn diện về mọi mặt:

+ GV lên kế hoạch bài dạy chi tiết; chuẩn bị đồ dùng chu đáo, đầy đủ, phù hợp với nội dung bài và lứa tuổi HS; linh hoạt trọng mọi hoạt động trong tiết học; kết hợp các phương pháp dạy học phù hợp.

+ Trong quá trình tiến hành thực nghiệm, GV đã đưa ra phiếu khảo sát để HS thực hiện nhằm đánh giá sự tích cực, hứng thú của học sinh đối với bài học. Kết quả thu được HS tự đánh giá mức độ yêu thích đối với môn học cao hơn trước. HS hứng thú và tích cực tham gia các hoạt động và có sự vận dụng vào bài vẽ đạt hiệu quả cao hơn (thể hiện qua các bài vẽ của học sinh). Chính vì vậy kết quả GV thu được là kết quả học tập của lớp thực nghiệm đạt hiệu quả hơn lớp đối chứng.

Kết quả này được thể hiện rõ nhất ở trong bài vẽ của HS. Cụ thể hơn là ở kết quả đánh giá mức độ đạt được (hoàn thành, hoàn thành tốt) trước và sau thực nghiệm ở các lớp thực nghiệm và lớp đối chứng.

Bảng 3.8. Kết quả hoàn thành tốt trước và sau thực nghiệm

Lớp (Số bài)		Thời gian đánh giá	Hoàn thành tốt
Lớp thực nghiệm (60 bài)	1A1	Đánh giá trước thực nghiệm	10 bài
		Đánh giá sau thực nghiệm	17 bài
	4A2	Đánh giá trước thực nghiệm	8 bài
		Đánh giá sau thực nghiệm	20 bài
Lớp đối chứng (60 bài)	1A2	Đánh giá trước thực nghiệm	11 bài
		Đánh giá sau thực nghiệm	12 bài
	4A3	Đánh giá trước thực nghiệm	9 bài
		Đánh giá sau thực nghiệm	11 bài

Nguồn: Tác giả (2023)

3.3.2. Đánh giá thực nghiệm

Sau khi tổng hợp được kết quả thực nghiệm, học viên tổ chức đánh giá thực nghiệm, đưa ra những thuận lợi hay bất lợi để rút kinh nghiệm. Học viên nhận thấy:

- Khi thực hiện tiết học thực nghiệm GV đã dạy theo đúng nội dung và tiến trình dự kiến trong kế hoạch bài giảng. Thông qua các phương tiện dạy học và phương pháp dạy học tích cực GV giúp HS phát huy được khả

năng sáng tạo, tự do thể hiện ý tưởng. Những phương pháp dạy học linh hoạt thể hiện được ý tưởng, phát huy năng lực tự chủ sáng tạo của HS. Sau tiết học GV nhận thấy được sự tiến bộ của HS trong cả hai khía cạnh là thái độ và kiến thức. HS có thái độ tích cực hơn trong mọi hoạt động, hăng hái, tự tin trình bày ý kiến và khả năng tổng hợp kiến thức tốt hơn.

- Trong các tiết thực nghiệm, GV khẳng định được bản thân hơn khi giải quyết tốt các tình huống sự phạm xảy ra trong tiết học. GV thể hiện được chuyên môn tốt qua cách thực hiện tiến trình giảng dạy và cách truyền đạt kiến thức đến HS, gợi ý giúp HS có những ý tưởng sáng tạo. Trong cả quá trình diễn ra tiết học GV đóng vai trò là người định hướng, nắm rõ được các bước dạy học từ đó giúp HS chủ động, tích cực tìm hiểu bài để nắm chắc được kiến thức và phát huy tính sáng tạo ở hoạt động thực hành.

- Khi chính bản thân được tham gia vào dạy thực nghiệm, học viên nhận ra rằng mục tiêu bài học có hoàn thành tốt hay không phụ thuộc rất nhiều vào HS. Chính vì vậy để tiết học có được kết quả như mong đợi GV cần đầu tư thời gian để quan sát và làm quen với HS. Sau đó GV sẽ lựa chọn ra những phương pháp dạy học phù hợp với HS.

Thứ nhất, ở trong một lớp sẽ có những nhóm HS có năng lực nhận thức và sự tưởng tượng, sáng tạo về một chủ đề khác nhau. Sự khác nhau đó cần GV phải đưa ra những cách thức tiếp cận bài học khác nhau. Một phương pháp dạy học tích cực cũng chưa thể đảm bảo phù hợp và gây hứng thú tới toàn bộ học sinh trong lớp. Chính vì vậy khi hướng dẫn GV cần hướng dẫn từ đơn giản đến nâng cao giúp những HS còn hạn chế không cảm thấy chán nản hay tự ti.

Thứ hai, đôi khi sự bất cập không phải bắt nguồn từ giáo viên mà do chính ý thức học tập ở mỗi HS. HS chưa có thái độ tôn trọng môn học, còn chủ quan. Một số HS chưa chú ý vào giờ học còn làm việc riêng hoặc nói chuyện riêng trong giờ khiến không tiếp thu được kiến thức một cách đầy đủ. Đặc biệt khi thực hành HS làm bài chưa cẩn thận, chưa có sự đầu tư về

thời gian hoặc đơn giản là chưa suy nghĩ để có những ý tưởng sáng tạo. Để sự đổi mới về phương pháp dạy và học môn mỹ thuật tại trường Tiểu học và Trung học cơ sở FPT, Cầu Giấy, Hà Nội trong thời gian tới đạt hiệu quả GV cần lưu ý những hạn chế còn tồn tại để hoàn thiện kế hoạch bài giảng.

Trong quá trình thực nghiệm vẫn còn những hạn chế nhưng khi đánh giá kết quả thực nghiệm (thông qua phiếu đánh giá của HS và sản phẩm của HS) học viên có thể khẳng định quá trình thực nghiệm tại trường Tiểu học và Trung học cơ sở FPT, Cầu Giấy, Hà Nội trong năm học 2022 - 2023 đã thể hiện rõ tính ưu việt:

- Về sự chuẩn bị bài của GV và HS

+ GV: Tích cực chuẩn bị kế hoạch bài dạy cụ thể, chi tiết để có thể lên kế hoạch chuẩn bị đồ dùng dạy học như tranh, ảnh... phương pháp dạy học và GV phải tìm hiểu nghiên cứu kỹ lưỡng về họa sĩ Tô Ngọc Vân, những bút pháp, yếu tố nghệ thuật trong tranh của ông. Theo sát HS trong cả quá trình thực hiện bài để có những gợi ý, hướng dẫn học sinh vận dụng đặc điểm nghệ thuật của ông vào bài vẽ.

+ HS: Chủ động, hào hứng chuẩn bị đầy đủ đồ dùng học tập, tìm hiểu thêm tài liệu ở nhà.

- Về kết quả học tập của HS

Sau tiết học thực nghiệm GV thấy sự thay đổi rõ về kết quả học tập của HS. HS lớp thực nghiệm đã có nhiều bài vẽ tốt hơn, vẽ hình cân đối và màu sắc tươi sáng, biết cách kết hợp màu sắc. Tổng số bài vẽ hoàn thành tốt ở lớp thực nghiệm tăng vượt trội hơn so với lớp đối chứng.

Kiến thức của các em HS lớp thực nghiệm tiếp thu được tốt hơn so với lớp đối chứng. Ngoài kiến thức cơ bản về bố cục, đường nét, màu sắc các em còn biết cách phân tích tranh và nêu cảm nghĩ của mình trước những cái đẹp. Điều đó nếu dạy theo phương pháp truyền thống sẽ không tổng hợp được.

Về thái độ học tập giữa hai lớp thực nghiệm và đối chứng cũng có sự khác nhau. HS lớp thực nghiệm có thái độ tích cực, hứng thú hơn so với lớp đối chứng. Khi nắm được kiến thức HS tự tin thể hiện và phát huy khả năng sáng tạo của mình. HS thích thú khi được thấy những bức tranh của mình được treo trang trí quanh trường như hành lang, phòng học mỹ thuật hay trang trí ngay trong lớp của mình.

3.3.3. Bài học và những kiến nghị

Ngay từ trong quá trình thực nghiệm đến khi kết thúc thực nghiệm giáo viên, tổ trưởng chuyên môn và ban giám hiệu nhà trường đã nhận thấy sự thay đổi tích cực trong kết quả học tập của học sinh trường Tiểu học và Trung học cơ sở FPT, Cầu Giấy, Hà Nội. Đặc biệt Ban giám hiệu nhà trường nhận thấy việc vận dụng và khai thác những tác phẩm của họa sĩ Việt Nam đưa vào giảng dạy có tính ưu việt hơn giúp chất lượng dạy và học môn mỹ thuật vượt trội hơn. Giáo viên mỹ thuật đã phát huy được năng lực chuyên môn của mình giúp khẳng định được giá trị của bản thân. Ban giám hiệu nhà trường đã đưa chủ trương xuống tổ khối chuyên môn để xây dựng kế hoạch dạy học môn mỹ thuật cho năm học tiếp theo 2023 – 2024. Ban giám hiệu nhà trường đã đề xuất bổ sung thêm phòng học, đồ dùng dạy học phục vụ cho tiết học để GV và HS có điều kiện tốt nhất để phát huy khả năng sáng tạo.

Sự thay đổi tích cực của Ban giám hiệu nhà trường cho thấy đề tài thực nghiệm có tính khả thi cao khi thực hiện rộng ở toàn bộ các lớp.

Tiểu kết chương 3

Trong thời gian nghiên cứu thực nghiệm khai thác hình tượng người phụ nữ trong tranh Tô Ngọc Vân vào dạy học mỹ thuật tại trường Tiểu học và Trung học cơ sở FPT đã đưa ra được những mục tiêu, nội dung hay biện pháp thực nghiệm. Dựa vào những kết quả thu được học viên nhận thấy chất lượng dạy và học môn mỹ thuật được nâng cao hơn. Không chỉ thay

đôi tích cực trong các bài vẽ mà GV nhận thấy sự hứng thú, tích cực và chủ động của HS trong từng tiết học. HS nắm được các kiến thức cơ bản về mỹ thuật và thêm hiểu về lịch sử xã hội, bối cảnh xã hội của mỗi thời kỳ. HS hào hứng khi được khám phá những kiến thức mới về đặc điểm của yếu tố tạo hình trong các bức tranh của họa sĩ và vận dụng một cách linh hoạt những kiến thức tìm hiểu được vào bài vẽ của mình.

Việc khai thác và vận dụng các đặc điểm tạo hình người phụ nữ và những giá trị nghệ thuật hình tượng người phụ nữ trong tranh của họa sĩ Tô Ngọc Vân vào chương trình giảng dạy từ lớp 1 là phù hợp vì đối tượng học sinh ở lứa tuổi này dễ nhớ và đề tài của những bức tranh hoàn toàn gần gũi và phù hợp với học sinh. Họa sĩ Tô Ngọc Vân có phong cách nghệ thuật đặc trưng và những tác phẩm của ông đã để lại những giá trị nghệ thuật, giá trị về cái đẹp. Những nét đẹp dịu dàng, uyển chuyển qua những nét cong lượn, những hòa sắc đơn sắc tạo cảm giác chân thực. Những bức ký họa đi sâu vào lòng người xem bút pháp linh hoạt tạo cảm giác mạnh khỏe nhưng vẫn chứa đựng nét dịu dàng.

Thực nghiệm ở Trường Tiểu học và Trung học cơ sở FPT được thực hiện với quy mô nhỏ trong thời gian ngắn nhưng GV đã nhận thấy dự thay đổi tích cực hơn. GV đã tạo được sự cuốn hút và thích thú ở mỗi học sinh trong quá trình học tập và khám phá kiến thức mới. Nhờ sự tương tác giữa GV với HS, giữa HS với HS trong các hoạt động đã tạo nên một lớp học tích cực, chủ động và HS hăng hái. Khi HS tích cực và chủ động trong các hoạt động, HS sẽ hiểu và nhớ kiến thức tốt hơn để khi cần vận dụng các em sẽ dễ dàng sáng tạo. Từ những thực nghiệm học viên đã rút ra được những kiến thức, kỹ năng và phương pháp dạy học mỹ thuật phù hợp. Khai thác hình tượng người phụ nữ trong tranh Tô Ngọc Vân và đưa vào một số bài giảng phù hợp.

KẾT LUẬN

Sau quá trình nghiên cứu học viên đã tổng hợp được những kiến thức chuyên môn và xây dựng được hệ thống tài liệu tham khảo phục vụ cho công việc giảng dạy bộ môn mỹ thuật tại trường Tiểu học và Trung học cơ sở FPT.

Qua việc quan sát và phân tích những yếu tố tạo hình ở một số tác phẩm về hình tượng người phụ nữ trong tranh của Tô Ngọc Vân, học viên nhận thấy hình tượng người phụ nữ trong tranh ông đã để lại nhiều giá trị nghệ thuật cao. Thông qua các tác phẩm học sinh hiểu được quan niệm nghệ thuật của ông luôn gắn liền với tâm tư tình cảm, cảm xúc của bản thân. Ông là một họa sĩ tài ba, giàu tình cảm, có niềm say mê hội họa và một trái tim đầy rung động.

Thông qua bút pháp tả thực mang phong cách lãng mạn họa sĩ Tô Ngọc Vân đã diễn tả thành công trạng thái của người phụ nữ, nét e ấp kín đáo, trầm tư, thanh lịch của người thiếu nữ Hà Thành. Những cử chỉ nhẹ nhàng, dáng điệu mềm mại thướt tha với tà áo dài, biểu cảm khuôn mặt trầm tư có chút man mát buồn... toát lên được vẻ đẹp thanh cao, dịu dàng, nhẹ nhàng, duyên dáng, trong sáng của người phụ nữ trong giai đoạn trước Cách mạng tháng Tám. Với cách sử dụng màu một cách khoa học, sắc độ nhẹ nhàng họa sĩ Tô Ngọc Vân đã sử dụng ánh sáng ước lệ như một thủ pháp nghệ thuật chính trong các tác phẩm của mình. Thông qua những mảng hình, không gian, bút pháp lúc đậm lúc nhạt, đường nét lúc thẳng lúc cong lượn, lúc rõ ràng lúc mềm mại tạo độ sâu cho bức tranh. Trong các tác phẩm của Tô Ngọc Vân ông đã khéo léo tạo những mảng không gian thoáng phía sau với độ sáng nhẹ nhàng, êm dịu. Độ sáng tối dường như không thay đổi nhiều chỉ dừng lại ở những nếp gấp của trang phục, dáng ngồi nghiêng hay cử chỉ nét mặt nhưng lại đạt hiệu quả cao. Từ những nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn học viên đưa ra những phương pháp vận dụng vào giảng dạy cho HS tiểu học đã giúp học sinh có thêm hiểu

được cuộc đời sự nghiệp của họa sĩ Tô Ngọc Vân, hiểu những quan điểm nghệ thuật của ông trong từng bối cảnh xã hội đặc biệt là nắm được đặc trưng và giá trị nghệ thuật hình tượng người phụ nữ trong tranh. Từ đó học sinh sẽ rút ra được những bài học bổ ích cho bản thân, tự tin và thêm yêu nền hội họa Việt Nam, vận dụng được những giá trị nghệ thuật vào các bài vẽ của mình và hiệu quả của việc vận dụng được minh chứng bằng các bài của học sinh. HS đã vận dụng được cả yếu tố bố cục, hòa sắc và đường nét hình tượng người phụ nữ thể hiện những bức tranh vẽ theo chủ đề với màu sắc tươi sáng, bố cục chắc chắn hay những nét vẽ linh hoạt trong bài ký họa.

Qua những kiểm chứng, thực nghiệm học viên nhận thấy số HS hiểu bài có khả năng sáng tạo cao, HS có lượng kiến thức phong phú hơn và chất lượng học tập của HS tăng lên rõ rệt. Chính vì vậy hướng nghiên cứu của đề tài “*Khai thác hình tượng người phụ nữ trong tranh Tô Ngọc Vân vào dạy học môn Mỹ thuật ở trường Tiểu học và Trung học cơ sở FPT, Cầu Giấy, Hà Nội*” đạt hiệu quả cao.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đặng Quốc Bảo, Nguyễn Đắc Hưng (2004), *Giáo dục Việt Nam hướng tới tương lai vấn đề và giải pháp*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
2. Đặng Quốc Bảo (2007), *Cẩm nang nâng cao năng lực và phẩm chất đội ngũ giáo viên*, Nxb Lý luận Chính trị, Hà Nội.
3. Bậc thầy hội họa Việt Nam (1994), *Tô Ngọc Vân, Nguyễn Gia Trí, Nguyễn Sáng, Bùi Xuân Phái*, Nxb Mỹ thuật, Hà Nội.
4. Bộ Giáo Dục và Đào tạo (2011), *Tài liệu tập huấn các kỹ thuật dạy học tích cực*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
5. Bộ giáo dục và Đào tạo (2015), *Dự án hỗ trợ giáo dục mỹ thuật tiểu học, Tài liệu dạy học mỹ thuật dành cho giáo viên tiểu học*.
6. Bộ Giáo dục và đào tạo (2018), *Chương trình giáo dục phổ thông môn mỹ thuật*.
7. Trần Văn Cẩn (2004), “Tô Ngọc Vân những năm trường mỹ thuật khóa kháng chiến”, *Tạp chí Mỹ thuật* số 329 & 320.
8. Trần Văn Cẩn (1983), *Họa sĩ Tô Ngọc Vân*, Nxb Văn hóa.
9. Nguyễn Văn Chiến (2004), *Bình luận Mỹ thuật – Tập 2*, Nxb Mỹ thuật, Hà Nội.
10. Bernd Meier, Nguyễn Văn Cường (2005), *Phát triển năng lực thông qua phương pháp và phương tiện dạy học mới*, Tài liệu hội thảo tập huấn về phương pháp dạy học, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Hà Nội.
11. Hội Liên hiệp Văn học Nghệ thuật Hà Nội (2010), *Một thời Hà Nội*, NXb Mỹ thuật, Hà Nội.
12. Dương Hải Hưng (2016), *Tâm lý học nghệ thuật*, Tài liệu giảng dạy các lớp cao học chuyên ngành Lý luận và phương pháp giảng dạy bộ môn Mỹ thuật, ĐH Quốc gia Hà Nội.
13. Đặng Thành Hưng (1994), *Quan niệm và xu thế phát triển phương pháp dạy học trên thế giới*, Viện khoa học giáo dục Việt Nam, Hà Nội.

14. Mai Quốc Khánh (2016), *Lý luận dạy học hiện đại*, Tài liệu giảng dạy các lớp cao học chuyên ngành Lý luận và phương pháp giảng dạy bộ môn Mỹ thuật, ĐH Quốc gia Hà Nội.
15. Kỷ yếu Hội thảo khoa học (7/2005), *Đổi mới tư duy Giáo dục*, Hội khoa học tâm lý – Giáo dục Việt Nam, Hội nghị Ban chấp hành Trung ương, Kỳ 8 – khóa III – Nha Trang , Khánh Hòa.
16. Đặng Bá Lãm (2010), *Chiến lược phát triển giáo dục đào tạo Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
17. Đặng Thị Bích Ngân (2002), *Từ điển thuật Ngữ Mỹ thuật phổ thông*, Nxb Giáo dục 2002.
18. Đặng Thị Bích Ngân (2007), *Phương pháp dạy mỹ thuật cho thiếu nhi*, Nxb Văn hóa Thông tin.
19. Hà Thế Ngữ (2001), *Giáo dục học. Một số vấn đề lý luận và thực tiễn*, Nxb ĐH Quốc gia, Hà Nội.
20. Nhiều tác giả (1996), *Mỹ thuật Việt Nam hiện đại*, Nxb Mỹ thuật.
21. Nhiều tác giả (2022), *Giáo trình lý luận và phương pháp dạy học Mỹ thuật*, Nxb Đại học Sư phạm.
22. Hoàng Phê (2007), *Từ điển tiếng Việt*, Nxb Đà Nẵng.
23. Nguyễn Hải Phong, Nguyễn Đức Bình, Trần Thị Biển, Tạ Xuân Bắc (2002), *Hình tượng con người trong chạm khắc cổ Việt Nam*, Trường Đại học Mỹ thuật Hà Nội, Viện mỹ thuật.
24. Tô Ngọc Thành (2004), *Nhớ Tô Ngọc Vân*, Nxb Mỹ thuật.
25. Đỗ Lai Thúy (Chủ biên - 2004), *Sự đồng đánh của phương pháp*, Nxb văn hóa thông tin, tạp chí văn hóa nghệ thuật, Hà Nội.
26. Hồ Văn Thùy (2008), *Phương pháp giảng dạy mỹ thuật*, Nxb Đại học Sư phạm.
27. Phan Cẩm Thượng (2011), *Văn minh vật chất của người Việt*, Nxb Tri Thức.

28. Phan Cẩm Thượng (2013), *Tô Ngọc Vân: Tám gương phản chiếu xã hội Việt Nam 1906 - 1954*, Nxb Tri Thức.
29. Nguyễn Quốc Toàn (2007), *Mỹ thuật và phương pháp dạy học mỹ thuật*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
30. Nguyễn Quốc Toàn, Triệu Khắc Lễ (1988) *Mỹ thuật và phương pháp giảng dạy – Tập II*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
31. Nguyễn Quốc Toàn (1999), *Phương pháp giảng dạy mỹ thuật*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
32. Đào Mai Trang (2017), *Họa sĩ khóa kháng chiến (1950-1954)*, Nxb Mỹ thuật.
33. Mạc Văn Trang (2021), *Tâm lý học lứa tuổi và giáo dục*, Nxb Tổng hợp TP HCM.
34. Nguyễn Trân (2005), *Các thể loại và loại hình mỹ thuật*, Nxb Mỹ thuật.
35. Trường Đại học Mỹ thuật Hà Nội (2006), *Giáo trình Mỹ thuật*, Hà Nội.
36. Nguyễn Thu Tuấn (2011), *Phương pháp dạy học Mỹ thuật (Tập 1)*, Nxb Đại học Sư phạm Hà Nội.
37. Nguyễn Thị Ánh Tuyết (1998), *Tâm lý học trẻ em*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
38. Tô Ngọc Vân (1994), *Tiểu sử và tranh danh họa Tô Ngọc Vân*, Nxb Văn hóa, Hà Nội
39. Quang Việt - Tô Ngọc Thành (2006), *Tô Ngọc Vân, cuộc đời và sự nghiệp*, Nxb Mỹ thuật.
40. Phạm Quốc Vượng (1996), *Giáo dục đại cương*, Nxb ĐH Quốc gia Hà Nội.
41. Nguyễn Như Ý (1999), *Đại từ điển tiếng Việt*, Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội.
42. Kim Ngọc Bảo Ninh (dịch) (2002), *A World Transformed: The Politics of Culture in Revolutionary Vietnam, 1945-1965 (2002)*. Nxb University of Michigan Press.

43. Michel Beaud (2014), *Nghệ thuật viết luận văn*, (Nguyễn Phán Khanh dịch, Hà Dương Tường hiệu đính), Nhà xuất bản Trí thức, Hà Nội.
44. M.I. Kônđakôp (1984), *Cơ sở lý luận khoa học quản lý Giáo dục*, Trường CBQL Giáo dục và viên khoa học Giáo dục.
45. Fuyubi Nakamura, Morgan Perkins, Olivier, Krischer (2020), *Asia Through Art and Anthropology: Cultural Translation Across Borders*, Nxb Taylor & Francis.
46. Geoffrey Petty (2000), *Dạy học ngày nay*, Nxb Stanley Thornes.

Internet:

47. Tuấn Nguyên Bình, Võ Quốc Thạch, Nguyễn Thị Ngọc Bích (2007), *Giáo trình mỹ thuật và phương pháp dạy học mỹ thuật*, Ebook. moet.gov.vn.
48. TS. Lê Trường Tùng, Chủ tịch hội đồng quản trị Đại học FPT (2017), *Thư ngỏ*, <https://hanoi-school.fpt.edu.vn/thu-ngo-3>.

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM NGHỆ THUẬT TRUNG ƯƠNG

ĐẶNG THỊ HỒNG NHUNG

KHAI THÁC HÌNH TƯỢNG NGƯỜI PHỤ NỮ TRONG
TRANH TÔ NGỌC VÂN VÀO DẠY HỌC MÔN MỸ
THUẬT Ở TRƯỜNG TIỂU HỌC VÀ TRUNG HỌC CƠ SỞ
FPT, CẦU GIẤY, HÀ NỘI

PHỤ LỤC LUẬN VĂN THẠC SĨ

Hà Nội, 2023

MỤC LỤC PHỤ LỤC

Phụ lục 1: HÌNH ẢNH CHÂN DUNG VÀ TÁC PHẨM PHỤ NỮ CỦA HỌA SĨ TÔ NGỌC VÂN	105
Phụ lục 2: PHIẾU TRỪNG CẦU Ý KIẾN.....	124
Phụ lục 3: YÊU CẦU CẦN ĐẠT VÀ NỘI DUNG CỤ THỂ CHƯƠNG TRÌNH 2018.....	126
Phụ lục 4: CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC MỸ THUẬT NĂM HỌC 2022 - 2023.....	132
Phụ lục 5: GIÁO ÁN THỰC NGHIỆM.....	167
Phụ lục 6: GIÁO ÁN ĐANG DẠY (ĐỀ ĐỐI CHỨNG).....	136
Phụ lục 7: HÌNH ẢNH TRONG TIẾT DẠY	186
Phụ lục 8: SẢN PHẨM CỦA HỌC SINH.....	190
Phụ lục 9: KẾT QUẢ THỰC NGHIỆM.....	208

Phụ lục 1

**HÌNH ẢNH CHÂN DUNG VÀ TÁC PHẨM PHỤ NỮ CỦA HỌA SĨ
TÔ NGỌC VÂN**

1.1. Hình ảnh chân dung Họa sĩ Tô Ngọc Vân



Hình 1.1: Chân dung Tô Ngọc Vân (1931)

Nguồn: [24]



Hình 1.2: Tô Ngọc Vân đi công tác ở chiến khu Việt Bắc

Nguồn: [39]



Hình 1.3: Tô Ngọc Vân cùng gia đình (1954) trước khi hy sinh

Nguồn: [24]



Hình 1.4: Hiệu trưởng Tô Ngọc Vân (Người cầm gậy cùng các giảng viên và sinh viên Trường Mỹ thuật Việt Nam khóa kháng chiến (1950 – 1954)

Nguồn: [24]

1.2. Các Tác phẩm tiêu biểu Mỹ thuật giai đoạn trước Cách mạng tháng Tám



Hình 2.1: Thiếu nữ bên hoa huệ (1943).
Chất liệu: sơn dầu. Kích thước (60x45) cm.

Nguồn: [39]



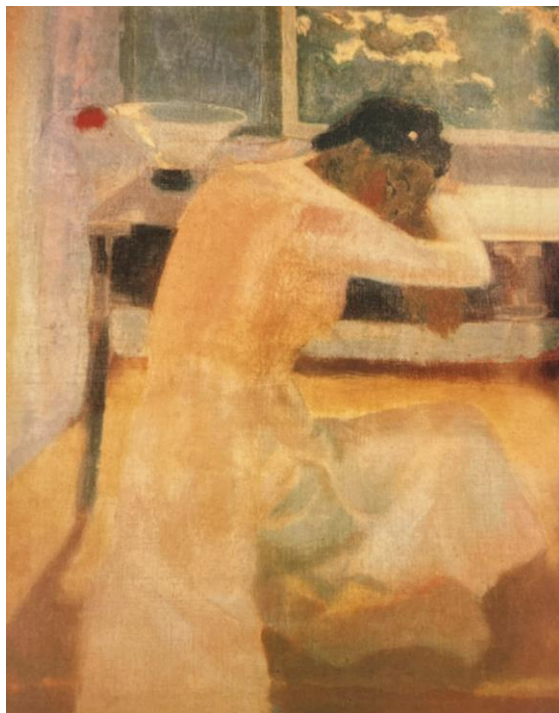
Hình 2.2: Hai thiếu nữ và em bé (1944)
Chất liệu: sơn dầu. Kích thước (60x90) cm

Nguồn: [39]



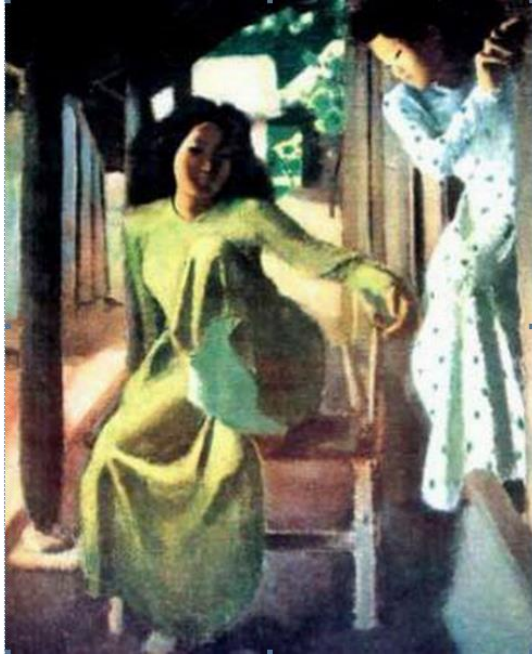
Hình 2.3: Thiếu nữ bên hoa sen (1944). Chất liệu: sơn dầu

Nguồn: [39]



Hình 2.4: Thiếu nữ bên trà kỷ (1941). Chất liệu: sơn dầu

Nguồn: [39]



Hình 2.5: Buổi trưa (1943)
Chất liệu Sơn dầu. Kích thước (98x74) cm
Nguồn: [39]



Hình 2.6: Thiếu nữ trước tranh Tam Đa (1941). Chất liệu: sơn dầu
Nguồn: [38]



Hình 2.7: Tác phẩm: Thiếu nữ bên cửa sổ. Chất liệu: sơn dầu

Nguồn: [38]



Hình 2.8: Tác phẩm: Thiếu nữ bên thềm. Chất liệu: sơn dầu

Nguồn: [38]



Hình 2.9: Thiếu nữ để chân lên giường (1935). Chất liệu: chì

Nguồn: [39]



Hình 2.10: Ký họa: Thiếu nữ cầm quạt. Chất liệu: bút sắt

Nguồn: [39]



Hình 2.11: Ký họa: Thiếu nữ bước xuống. Chất liệu: chì
Nguồn: [39]



Hình 2.12: Dưới bóng nắng (1943). Chất liệu: sơn dầu
Nguồn: [39]



Hình 2.13: Tác phẩm: Chân dung thiếu nữ. Chất liệu: sơn dầu
Nguồn: [39]



Hình 2.14: Ký họa: Thiếu nữ đứng tựa bên cửa sổ. Chất liệu: bút sắt
Nguồn: [39]



Hình 2.15: Ký họa: Thiếu nữ để tay lên má. Chất liệu: chì
Nguồn: [39]



Hình 2.16: Ký họa: Thiếu nữ nằm suy tư. Chất liệu: chì
Nguồn: [39]

1.3. Hình ảnh tác phẩm tiêu biểu Mỹ thuật giai đoạn sau Cách mạng tháng Tám



Hình 2.17: Hà Nội vùng đứng lên (1948). Chất liệu: khắc gỗ màu

Nguồn: [39]



Hình 2.18: Nữ giáo viên dân tộc Thái (1954). Chất liệu: màu nước

Nguồn: [39]



Hình 2.19: Ba cô gái dân tộc Thái (1945). Chất liệu: màu nước

Nguồn: [39]



Hình 2.20: Cho ngựa ăn (1954). Chất liệu: màu nước

Nguồn: [39]



Hình 2.21: Bừa trên đồi (1953). Chất liệu: bột màu

Nguồn: [39]



Hình 2.22: Con trâu quả thực (1954). Chất liệu: màu nước

Nguồn: [39]



Hình 2.23: Chị cốt cán (1954). Chất liệu: màu nước

Nguồn: [39]



Hình 2.24: Hai thiếu nữ nông dân đọc sách (1952). Chất liệu: chì

Nguồn: [39]



Hình 2.25: Cô gái dân tộc Mèo (1954). Chất liệu: màu nước

Nguồn: [39]

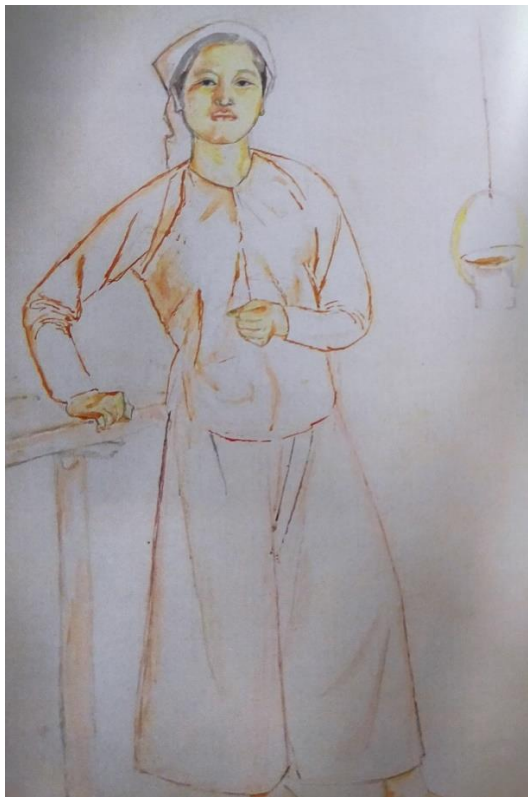


Hình 2.26: Ký họa: Cây. Chất liệu: bút sắt

Nguồn: [39]



Hình 2.27: Bà Chính và các con (1953). Chất liệu: chì
Nguồn: [39]



Hình 2.28: Thiếu nữ dân tộc đứng (1954). Chất liệu: màu nước
Nguồn: [32]



Hình 2.29: Múa lùa (1954). Chất liệu: màu nước

Nguồn: [32]



Hình 2.30: Tôi có ý kiến (1954). Chất liệu: chì

Nguồn: [39]



Hình 2.31: Bủ Đường bế con đi học (1954). Chất liệu: thuốc nước
Nguồn: [39]



Hình 2.32: Bủ đi học bỏ túi văn hóa (1954). Chất liệu: thuốc nước
Nguồn: [39]



Hình 2.33: Họa sĩ Vũ Giáng Hương ở chiến khu Việt Bắc (1952)
 Chất liệu: bút sắt, chì
 Nguồn: [39]



Hình 2.34: Chân dung thiếu nữ (1953). Chất liệu: bút sắt, chì
 Nguồn: [39]

Phụ lục 2**PHIẾU TRƯNG CẦU Ý KIẾN****Dành cho học sinh**

Để góp phần nâng cao chất lượng dạy học môn Mỹ thuật (nói chung), phân môn vẽ tranh (nói riêng) theo hướng phát huy tích cực học tập, sáng tạo của học sinh. Đề nghị em đóng góp ý kiến vào các nội dung sau:

(Đánh dấu x vào ô tương ứng, phù hợp với suy nghĩ của em)

Câu 1: Trong quá trình học mỹ thuật, em thích học các phân môn như thế nào

STT	Phân môn	Thích	Thích ít	Thích vừa phải	Không thích
1.	Vẽ theo mẫu				
2.	Vẽ trang trí				
3.	Vẽ tranh				
4.	Thường thức mỹ thuật				

Câu 2: Trong Thường thức mỹ thuật, yếu tố nào được em quan tâm nhiều nhất

STT	Các yếu tố của bài học	Quan tâm	Quan tâm vừa phải	Không quan tâm
1	Cách khai thác nội dung đề tài			
2	Giới thiệu và các trường phái nghệ thuật			
3	Giới thiệu về các họa sĩ			
4	Tranh của các họa sĩ			
5	Các giai đoạn nghệ thuật			

Câu 3: Khi học các bài Thường thức mỹ thuật em thể hiện thế nào

STT	Nội dung	Thường xuyên	Thỉnh thoảng	Không

1	Đọc theo sách giáo khoa			
2	Đọc, xem thêm theo tư liệu của giáo viên			
3	Tự tìm hiểu qua các phương tiện sách báo, mạng internet về các nội dung liên quan			

Câu 5: Ngoài học thường thức mỹ thuật trong giờ chính khóa, em có thích tìm hiểu thêm về thường thức mỹ thuật ngoài giờ lên lớp không.

Có

Không

Xin trân trọng cảm ơn các em đã có ý kiến!

Tổ trưởng chuyên môn

Người lập phiếu

Đinh Vũ Hoài Nga

Đặng Thị Hồng Nhung

Phụ lục 3

YÊU CẦU CẦN ĐẠT VÀ NỘI DUNG CỤ THỂ CHƯƠNG TRÌNH 2018

Mỹ thuật lớp 1

Yêu cầu cần đạt	Nội dung
MỸ THUẬT TẠO HÌNH	
<p><i>Quan sát và nhận thức thẩm mỹ:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Biết được mỹ thuật có ở xung quanh. - Biết được một số đồ dùng, màu vẽ và vật liệu sẵn có để thực hành, sáng tạo. - Nhận biết được yếu tố tạo hình: chấm, nét, hình, khối, màu sắc. <p><i>Sáng tạo và ứng dụng thẩm mỹ:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Đọc được tên một số màu trong thực hành, sáng tạo. - Tạo được chấm bằng nhiều cách khác nhau, biết sử dụng chấm trong tạo hình và trang trí sản phẩm. - Tạo được các nét khác nhau, từ các nét cơ bản tạo nên hình. - Tạo được hình, khối dạng cơ bản. - Sử dụng được vật liệu sẵn có để thực hành, sáng tạo. - Sắp xếp được sản phẩm của cá nhân tạo thành sản phẩm nhóm học tập. - Biết cách sử dụng, bảo quản một số vật liệu, chất liệu thông dụng như 	<p><i>Yếu tố và nguyên lý tạo hình</i></p> <p>Lựa chọn, kết hợp:</p> <p><i>Yếu tố tạo hình</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Chấm, nét, hình, khối, màu sắc, đậm nhạt, chất cảm, không gian. <p><i>Nguyên lý tạo hình</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Cân bằng, tương phản, lặp lại, nhịp điệu, nhấn mạnh, chuyển động, tỉ lệ, hài hoà. <p><i>Thể loại</i></p> <p>Lựa chọn, kết hợp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lí luận và lịch sử mỹ thuật - Hội hoạ - Đồ hoạ (tranh in) - Điêu khắc <p><i>Hoạt động thực hành và thảo luận</i></p> <p><i>Thực hành</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Thực hành sáng tạo sản phẩm mỹ thuật 2D. - Thực hành sáng tạo sản phẩm mỹ thuật 3D. <p><i>Thảo luận</i></p> <p>Lựa chọn, kết hợp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khám phá, tìm hiểu về tác giả và

<p>màu vẽ, đất nặn, giấy màu,... trong thực hành, sáng tạo.</p> <p>Phân tích và đánh giá thẩm mỹ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trưng bày và nêu được tên sản phẩm, chia sẻ cảm nhận về sản phẩm của cá nhân, của bạn bè. - Nêu được tên một số màu; bước đầu mô tả, chia sẻ được cảm nhận về hình ảnh chính ở sản phẩm, tác phẩm mỹ thuật. 	<p>các tác phẩm tiêu biểu, một số di sản văn hoá.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thực hành để tạo ra những sản phẩm sáng tạo. <p>Định hướng chủ đề</p> <p>Lựa chọn, kết hợp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các chủ đề được lựa chọn, kết hợp với nhau trong cả năm học: Con người; Thiên nhiên; Gia đình và Nhà trường.
MĨ THUẬT ỨNG DỤNG	
<p>Quan sát và nhận thức thẩm mỹ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nêu được tên một số công cụ, vật liệu để thực hành, sáng tạo. - Nhận biết được yếu tố tạo hình: chấm, nét, hình, khối, màu ở sản phẩm thủ công. <p>Sáng tạo và ứng dụng thẩm mỹ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Biết lựa chọn và sử dụng những đồ dùng học tập phù hợp với nội dung chủ đề, phù hợp với lứa tuổi. - Thực hiện được các bước trong thực hành tạo ra sản phẩm. - Vận dụng được nét để tạo nên sản phẩm. - Tạo được sản phẩm từ vật liệu dạng hình, khối. - Sử dụng được chấm, nét, màu sắc khác nhau để trang trí sản phẩm. <p>Phân tích và đánh giá thẩm mỹ:</p>	<p>Yếu tố và nguyên lí tạo hình</p> <p>Lựa chọn, kết hợp:</p> <p>Yếu tố tạo hình</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chấm, nét, hình, khối, màu sắc, đậm nhạt, chất cảm, không gian. <p>Nguyên lí tạo hình</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cân bằng, tương phản, lặp lại, nhịp điệu, nhấn mạnh, chuyển động, tỉ lệ, hài hoà. <p>Thể loại: Thủ công</p> <p>Lựa chọn, kết hợp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đồ thủ công bằng vật liệu tự nhiên. - Đồ thủ công bằng vật liệu nhân tạo. - Đồ thủ công bằng vật liệu sưu tầm, tái sử dụng. <p>Hoạt động thực hành và thảo luận</p> <p>Thực hành</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thực hành sáng tạo sản phẩm thủ

<p>- Biết cách trưng bày sản phẩm; mạnh dạn thuyết trình giới thiệu, chia sẻ được cảm nhận của bản thân về sản phẩm của mình hoặc của bạn.</p> <p>- Tự tin giới thiệu cách sử dụng sản phẩm và công dụng của sản phẩm trong cuộc sống. Đưa ra được một số cách bảo quản đồ dùng học tập.</p>	<p>công 2D.</p> <p>- Thực hành sáng tạo sản phẩm thủ công 3D.</p> <p><i>Thảo luận</i></p> <p>Lựa chọn, kết hợp:</p> <p>- Sản phẩm thủ công.</p> <p>- Sản phẩm thực hành của học sinh.</p> <p>Định hướng chủ đề</p> <p>Lựa chọn, kết hợp:</p> <p>- Đồ chơi, đồ dùng học tập.</p>
--	--

Nguồn: Tác giả sưu tầm (2023)

Mỹ thuật lớp 4

Yêu cầu cần đạt	Nội dung
MỸ THUẬT TẠO HÌNH	
<p>Quan sát và nhận thức thẩm mỹ:</p> <p>- Nhận biết một số yếu tố tạo hình cơ bản trong mỹ thuật: đường nét (chấm, nét); hình mảng (hình, khối); màu sắc (đậm nhạt); chất liệu (chất cảm) và không gian trong tranh.</p> <p>- Nhận biết được màu nóng, màu lạnh; không gian xa, gần.</p> <p>- Xác định được nội dung chủ đề và hình thức thực hành, sáng tạo.</p> <p>Sáng tạo và ứng dụng thẩm mỹ:</p> <p>- Phối hợp được một số kĩ năng: cắt, xé, dán, vẽ, in, ghép, nặn, uốn... trong thực hành, sáng tạo.</p>	<p>Yếu tố và nguyên lí tạo hình</p> <p>Lựa chọn, kết hợp:</p> <p><i>Yếu tố tạo hình</i></p> <p>- Đường nét (chấm, nét); hình mảng (hình, khối); màu sắc (đậm nhạt); chất liệu (chất cảm) và không gian trong tranh.</p> <p><i>Nguyên lí tạo hình</i></p> <p>- Cân bằng, tương phản, lặp lại, nhịp điệu, nhấn mạnh, chuyển động, tỉ lệ, hài hoà.</p> <p>Thể loại</p> <p>Lựa chọn, kết hợp:</p> <p>- Lí luận và lịch sử mỹ thuật</p> <p>- Hội hoạ</p>

<ul style="list-style-type: none"> - Vận dụng được độ đậm nhạt, nóng lạnh của màu trong thực hành, sáng tạo. - Tạo được mật độ khác nhau của chấm, nét ở sản phẩm. - Vận dụng được sự biến thể của hình, khối cơ bản để mô phỏng đối tượng. - Thể hiện được khoảng cách, vị trí khác nhau cho các yếu tố tạo hình ở sản phẩm. - Tạo được sự khác nhau về cảm giác bề mặt chất liệu ở sản phẩm. - Thể hiện sự hiểu biết về hài hòa của yếu tố tạo hình trong thực hành, sáng tạo. <p><i>Phân tích và đánh giá thẩm mỹ:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Tự tin vận dụng được ngôn ngữ nói hoặc viết, biểu đạt cơ thể, diễn hoạt hình ảnh động, xây dựng câu chuyện... để giới thiệu, chia sẻ về sản phẩm mỹ thuật đã sáng tạo trong chủ đề. - Có những nhận định đúng đắn về chủ đề của sản phẩm mỹ thuật. Tạo được thái độ tích cực trong học tập, chủ động tìm hiểu chủ đề qua các câu hỏi từ dễ đến khó. Mạnh dạn đưa ra những câu trả lời, những trao 	<ul style="list-style-type: none"> - Đồ hoạ (tranh in) - Điêu khắc <p><i>Hoạt động thực hành và thảo luận</i></p> <p><i>Thực hành</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Thực hành sáng tạo sản phẩm mỹ thuật 2D. - Thực hành sáng tạo sản phẩm mỹ thuật 3D. <p><i>Thảo luận</i></p> <p>Lựa chọn, kết hợp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tìm hiểu tác giả, tác phẩm, di sản văn hoá nghệ thuật. - Sản phẩm thực hành của học sinh. <p><i>Định hướng chủ đề</i></p> <p>Lựa chọn, kết hợp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thiên nhiên; Con người; Gia đình; Nhà trường; Xã hội; Quê hương; Đất nước.
---	--

<p>đổi trong quá trình khám phá tìm hiểu về tác giả và các tác phẩm tiêu biểu.</p>	
<p>MỸ THUẬT ỨNG DỤNG</p>	
<p><i>Quan sát và nhận thức thẩm mỹ:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Sau khi quan sát, HS cần nắm được cấu trúc của đối tượng; tỉ lệ và công dụng của đối tượng để vận dụng vào cuộc sống hằng ngày. - Trong mỗi chủ đề HS xác định được mục đích, đối tượng để sáng tạo được sản phẩm của bản thân hoặc sản phẩm kết hợp nhóm. <p><i>Sáng tạo và ứng dụng thẩm mỹ:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Trong quá trình thực hành, HS cần phối hợp một số kĩ năng với nhau: Vẽ, cắt, dán, gấp... để sáng tạo sản phẩm. - Tạo được sản phẩm có sự biến thể từ hình, khối cơ bản. - Nắm được cách sắp xếp các chấm, các nét hiệu quả để trang trí vào sản phẩm mỹ thuật. - Mỗi sản phẩm sẽ có đặc điểm sáng tạo riêng, với sự sáng tạo HS tạo được màu, thể hiện được chất khi mạnh dạn phối hợp các vật liệu khác nhau tạo sản phẩm. - Bước đầu thể hiện được sự hài 	<p><i>Yếu tố và nguyên lí tạo hình</i></p> <p>Lựa chọn, kết hợp:</p> <p><i>Yếu tố tạo hình</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Chấm, nét, hình, khối, màu sắc, đậm nhạt, chất cảm, không gian. <p><i>Nguyên lí tạo hình</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Vận dụng tốt các yếu tố: Hài hoà trong cấu trúc và tỉ lệ; nhịp điệu tạo sự cân bằng; tương phản, lặp lại hay nhấn mạnh tạo sự chuyển động khi sáng tạo sản phẩm. <p><i>Thể loại:</i> Thủ công</p> <p>Lựa chọn, kết hợp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng các nguyên vật liệu tự nhiên, có sẵn trong cuộc sống: Lá cây, rom, cành cây... để sáng tạo các sản phẩm thủ công. - - Sử dụng các nguyên vật liệu nhân tạo: Vỏ chai, túi nilong, hộp bìa carton... để sáng tạo các sản phẩm thủ công. <p><i>Hoạt động thực hành và thảo luận</i></p> <p><i>Thực hành</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Thực hành sáng tạo các tác phẩm mỹ thuật thủ công 2D.

<p>hòa về cấu trúc tỉ lệ cho sản phẩm</p> <p><i>Phân tích và đánh giá thẩm mỹ:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Biết cách quan sát quanh lớp để xác định và chọn được chỗ trưng bày sản phẩm phù hợp. - Tự tin thuyết trình cho cô và các bạn nghe về quá trình và các bước sáng tạo ra sản phẩm, thể hiện học hỏi kinh nghiệm và tôn trọng chia sẻ của bạn bè. 	<ul style="list-style-type: none"> - Thực hành sáng tạo các tác phẩm mỹ thuật thủ công 3D. <p><i>Thảo luận</i></p> <p>Lựa chọn, kết hợp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sản phẩm thủ công. - Sản phẩm thực hành của học sinh. <p><i>Định hướng chủ đề</i></p> <p>Lựa chọn, kết hợp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đồ chơi, đồ dùng học tập, đồ dùng cá nhân, đồ lưu niệm, đồ gia dụng.
--	---

Nguồn: Tác giả sưu tầm (2023)

Phụ lục 4

CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC MỸ THUẬT NĂM HỌC 2022 - 2023

Chương trình của lớp 1

CHỦ ĐỀ	BÀI	TÊN BÀI	SỐ TIẾT, TUẦN
Tuần định hướng	Bài 1	Tôi là ai?	1 Tiết Tuần định hướng
	Bài 2	Khủng Long vui đến trường	2 tiết Tuần định hướng
Mỹ thuật trong cuộc sống	Bài 1	Những chấm tròn thú vị	1 tiết Tuần 1
	Bài 2	Sự kì diệu của đường nét	1 tiết Tuần 2
	Bài 3	Sắc màu em yêu (In vân tay tạo hình những tán lá mùa thu)	2 tiết Tuần 3,4
	Bài 4	Trái cây bốn màu	1 tiết Tuần 5
	Bài 5	Làm quen với Origami	1 tiết Tuần 6
Thiên nhiên	Bài 6	Những con vật quanh em (Tạo hình con sứa, rùa biển từ đĩa giấy)	2 tiết Tuần 7,8
	Bài 7	Gấp origami quạt giấy (Tạo hình con công)	2 tiết Tuần 9,10
	Bài 8	Xé dán: Ông mặt trời và những đám mây	2 tiết Tuần 11,12
	Bài 10	Nặn san hô	2 tiết

			Tuần 13,14
	Bài 11	Những chú cá đáng yêu	2 tiết Tuần 15,16
	Bài 12	Trung bày và giới thiệu sản phẩm	1 tiết Tuần 17
Dự án	Bài 13	Dự án Khủng long trao thư	3 tiết Tuần 18, 19
Gia đình	Bài 14	Vẽ chân dung người thân của em	2 tiết Tuần 20, 21
	Bài 15	Ngôi nhà của em	2 tiết Tuần 22,23
	Bài 16	Gấp Origami hoa tulip	2 tiết Tuần 24,25
	Bài 17	Những con vật trong nhà	2 tiết Tuần 26,27
Nhà trường	Bài 18	Em và bạn em	2 tiết Tuần 28,29
	Bài 19	Giờ ra chơi	2 tiết Tuần 30,31
Đồ dùng - đồ chơi	Bài 20	Kiểm tra học kỳ 2 (Chiếc bát xinh xắn)	2 tiết Tuần 32, 33
	Bài 21	Con gà ngộ nghĩnh	2 tiết Tuần 34,35

Chương trình của lớp 4

BÀI	BÀI	TÊN BÀI	SỐ TIẾT, TUẦN
Tuần định	Bài 1	Tôi là ai?	1 Tiết Tuần định hướng

hướng	Bài 2	Khủng Long vui đến trường	2 tiết Tuần định hướng
Mỹ thuật quanh em	Bài 1	Sử dụng các hình cơ bản để trang trí hình vuông	2 tiết Tuần 1,2
	Bài 2	Tìm hiểu về luật xa gần. Ứng dụng vẽ tranh phong cảnh	2 tiết Tuần 3,4
	Bài 3	Vẽ tĩnh vật quả và khối lập phương	2 tiết Tuần 4, 5
Ngôi nhà em yêu	Bài 4	Mô hình nhà ở	3 tiết Tuần 6, 7, 8
	Bài 5	Làm mô hình người	1 tiết Tuần 9
Dự án	Bài 6	Dự án: Sống như những đóa hoa	2 tiết Tuần 10, 11
	Bài 7	Giáng sinh vui vẻ (Gấp Origami Cây thông, tạo hình, vẽ tranh)	2 tiết Tuần 11, 12
	Bài 8	Dự án: Khủng Long trao thư	2 tiết Tuần 13, 14
Mỹ thuật xưa và nay	Bài 9	Sáng tạo: Vườn hoa xinh đẹp (Sử dụng kỹ thuật in rau củ)	2 tiết Tuần 15, 16
	Bài 10	Xé dán mâm ngũ quả từ giấy báo	2 tiết Tuần 17, 18
	Bài 11	Vẽ tranh đề tài: Trò chơi dân gian	2 tiết Tuần 19, 20

	Bài 12	Tìm hiểu kỹ thuật in độc bản (In khắc xốp)	2 tiết Tuần 21, 22
	Bài 13	Ký họa cô giáo em	2 tiết Tuần 23, 24
Em làm nhà thiết kế	Bài 14	Gấp Origami con mèo	1 tiết Tuần 25
	Bài 15	Thiết kế khu vui chơi trẻ em	2 tiết Tuần 26, 27
	Bài 16	Tập nặn tạo dáng	1 tiết Tuần 28
	Bài 17	Tạo hình robot từ vật liệu tái chế	2 tiết Tuần 29, 30
	Bài 18	Gấp Origami: Quả bóng	1 tiết Tuần 31
Bảo vệ môi trường	Bài 19	Kiểm tra học kỳ 2 (Vẽ poster: Bảo vệ môi trường sống quanh em)	2 tiết Tuần 32, 33
	Bài 20	Vẽ tranh đề tài: Sinh hoạt	2 tiết Tuần 34, 35

Nguồn: Tác giả (2023)

Phụ lục 5
GIÁO ÁN THỰC NGHIỆM
THIẾT KẾ DẠY HỌC VẬN DỤNG HÌNH TƯỢNG NGƯỜI PHỤ NỮ
TRONG TRANH TÔ NGỌC VÂN VÀO DẠY HỌC

Mỹ thuật khối 1

CHỦ ĐỀ
VẼ CHÂN DUNG NGƯỜI THÂN CỦA EM
(2 tiết)

I. Mục tiêu

1. Kiến thức:

- Nắm được một số tác phẩm hội họa của họa sĩ Tô Ngọc Vân.
- Nắm được một số nét đặc trưng trong cách thể hiện và cảm xúc trong hội họa của Tô Ngọc Vân.
- Sáng tạo bức tranh chân dung theo phong cách hội họa của Tô Ngọc Vân.

2. Năng lực:

- Vận dụng được đặc điểm của tranh Tô Ngọc Vân vào bài vẽ của mình.
- Biết nhận xét, đánh giá sản phẩm mỹ thuật của cá nhân, nhóm.

3. Phẩm chất:

- Yêu thích môn học.
- Có ý thức ứng dụng bài học vào thực tế.
- Tập trung hoạt động cá nhân và hoạt động nhóm tốt.

II. Phương tiện, học liệu

1. Giáo viên:

- Một số hình ảnh hình ảnh sản phẩm, tác phẩm của họa sĩ Tô Ngọc Vân.

- Mẫu sản phẩm: Bài vẽ chân dung mẹ, bà, chị.

2. Học sinh:

- Đồ dùng học tập: Giấy vẽ, màu vẽ, keo, hồ dán, bút chì...

- Tranh ảnh, tài liệu sưu tầm liên quan đến bài học.

III. Tiến trình bài giảng

1. Mở đầu:

- GV giao nhiệm vụ cho HS tổ chức trò chơi: Những mảnh ghép thú vị.

HS điều khiển trò chơi và cùng tham gia trò chơi.

- GV nhận xét.

- Giới thiệu bài.

2. Hình thành kiến thức

Nội dung, Dự kiến Thời gian	Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh	ĐDDH
Quan sát, tìm hiểu Xem tranh của họa sĩ Tô Ngọc Vân	<p>- GV nhắc lại nhiệm vụ đã giao cho các nhóm từ tiết học trước: Tìm hiểu về tranh của họa sĩ Tô Ngọc Vân.</p> <p>- GV giao NV cho học sinh quan sát và thảo luận.</p> <p>- GV hướng dẫn HS thảo luận theo các nội dung: + Bức tranh của họa sĩ</p>	<p>- Quan sát và thảo luận 3 bức tranh: + Nhóm 1: Thiếu nữ bên hoa huệ +Nhóm 2: Hai thiếu nữ và em bé + Nhóm 3: Thiếu nữ bên hoa sen</p>	- Tranh, ảnh slide.

Nội dung, Dự kiến Thời gian	Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh	ĐDDH
	<p>vẽ nội dung gì?</p> <p>+ Hình ảnh chính trong bức tranh là gì?</p> <p>+ Họa sĩ đã sử dụng những nét cong, nét thẳng như thế nào?</p> <p>+ Kể tên một số màu xuất hiện trong bức tranh?</p> <p>+ Kể tên một số hình ảnh thể hiện trong bức tranh, hình ảnh nào rõ nhất?</p> <p>+ Hình khuôn mặt trong bức tranh có gì đặc biệt?</p> <p>+ Các xúc của các em khi ngắm bức tranh?</p> <p>- GV mời 2 -3 từng nhóm lên trình bày.</p> <p>- GV mời các nhóm khác nhận xét.</p> <p>- GV nhận xét HS.</p> <p>Chốt lại kiến thức: Tranh của họa sĩ Tô Ngọc Vân chủ yếu vẽ về người phụ. Hình ảnh người phụ nữ Hà thành được họa sĩ Tô Ngọc</p>	<p>+ Nhóm 4: Thiếu phụ bên tràng kỷ</p> <p>- HS trả lời</p> <p>- Lắng nghe, ghi nhớ</p>	

Nội dung, Dự kiến Thời gian	Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh	ĐDDH
	<p>Vân thể hiện với chất liệu Sơn dầu. Với bút pháp tự nhiên, táo bạo cùng bố cục đơn giản, nét vẽ mềm mại, các nét cong làm nổi bật hình ảnh người thiếu nữ thành thị duyên dáng. Với màu sắc hài hòa, hòa sắc nhẹ nhàng, tươi sáng làm nổi bật hình ảnh người thiếu nữ duyên dáng, dịu dàng.</p>		
<p>KIẾN TẠO KIẾN THỨC KỸ NĂNG Vận dụng hình tượng người phụ nữ trong tranh Tô Ngọc Vân vào vẽ tranh chân dung mẹ em</p>	<p>- GV quan sát slide và nhận biết cách vẽ. - GV khuyến khích HS thảo luận nhóm đôi và trả lời câu hỏi: + Tranh chân dung là gì? + Vẽ tranh chân dung được thực hiện như nào? + Sử dụng những nét gì vào vẽ tranh chân dung? + Kết hợp màu như nào để bức tranh có nhịp điệu và có sự hài hòa?</p>	<p>- Quan sát và TLCH HS quan sát HS lắng nghe</p>	<p>- Sile ảnh và video minh họa</p>

Nội dung, Dự kiến Thời gian	Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh	ĐDDH
	<ul style="list-style-type: none"> - Mời 2-3 nhóm trả lời và nhận xét câu trả lời của bạn - GV vẽ minh họa và hướng dẫn. - Phối hợp cùng học sinh sửa sai (nếu có), bổ sung (nếu thiếu). <p>Lưu ý: HS sử dụng các nét cong để thể hiện hình dáng chân dung mẹ. Kết hợp màu hài hòa để hoàn thiện tranh.</p>	<ul style="list-style-type: none"> + Bước 1: Vẽ dạng khuôn mặt lên giấy. + Bước 2: Vẽ thêm các nét chi tiết: Mắt, mũi, miệng, tai, áo. + Bước 3: Vẽ màu cho bức tranh. 	

3. Luyện tập, sáng tạo

Nội dung, Dự kiến Thời gian	Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh	ĐDDH
Vẽ chân dung người thân	<ul style="list-style-type: none"> - GV giới thiệu tranh của các HS năm trước. - Giao nhiệm vụ HS quan sát và nêu ý tưởng. - GV quan sát, nhắc nhở HS + Vẽ hình vừa với khổ giấy. - GV bao quát lớp và 	<ul style="list-style-type: none"> - Thực hành vẽ cá nhân + Em sẽ vẽ ai? + Em sẽ vẽ hình ảnh người thân đang đứng hay ngồi? + Ngoài hình ảnh mẹ em còn vẽ gì? 	Giấy, bút, màu

Nội dung, Dự kiến Thời gian	Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh	ĐDDH
	<p>kip thời hướng dẫn cho các em còn yếu, hướng dẫn nâng cao cho các em khá giỏi.</p> <p>- Phối hợp cùng học sinh sửa sai (nếu có); góp ý, tư vấn cho ý tưởng của học sinh.</p> <p>Lưu ý: Sử dụng những nét mềm mại, nét cong để vẽ nét. Sử dụng màu sắc trong sáng. Sự chuyển sắc nhẹ nhàng nhưng vẫn tạo được các khối.</p>	<p>+ Em vẽ hình dáng bằng các nét gì?</p> <p>+ Màu sắc em lựa chọn để vẽ?</p> <p>- Quan sát và TLCH</p>	
	Yêu cầu HS vẽ chân dung mẹ.	- Thực hiện vẽ theo yêu cầu bài học	Bút, Giấy, màu vẽ; giấy

4. Vận dụng

Nội dung, Dự kiến Thời gian	Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh	ĐDDH
Trung bày và chia sẻ sản phẩm	<p>- GV giao nhiệm vụ cho HS trung bày sản phẩm quanh lớp.</p> <p>- HS đi 1 vòng để quan sát</p>	<p>HS quan sát và cảm nhận theo các câu hỏi:</p> <p>+ Bố cục, hình,</p>	Sản phẩm của học sinh

Nội dung, Dự kiến Thời gian	Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh	ĐDDH
	<p>để có những nhận xét cho bài của bạn của mình.</p> <p>- GV nhận xét, khen ngợi HS.</p> <p>- Phối hợp cùng học sinh nhận xét, đánh giá các sản phẩm; góp ý, tư vấn cho các sản phẩm chưa hoàn thành.</p>	<p>nét, màu trong tranh được thể hiện như nào?</p> <p>+ Cảm xúc của em khi quan sát tranh?</p> <p>+ Chi tiết thích trong bài vẽ của mình, của bạn?</p> <p>+ Cần điều chỉnh gì ở tranh của mình, của bạn không?</p>	
Vận dụng	<p>- Khuyến khích HS quan sát tranh GV chuẩn bị để phân biệt tranh chân dung và tranh bố cục. HS phân tích một số tranh khác của họa sĩ Tô Ngọc Vân và họa sĩ khác.</p> <p>+ Em thích tác phẩm nào?</p>	Quan sát và TLCH	Hình Slide

Nội dung, Dự kiến Thời gian	Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh	ĐDDH
	+ Nhịp điệu của hình, nét, đậm nhạt trong bức tranh được sắp xếp thế nào? + Các bức tranh mang cho em cảm giác gì?		
	Nhận xét, đánh giá chung Dặn dò: - Tiếp tục rèn luyện và hoàn thiện sản phẩm.	HS lắng nghe	

Tổ trưởng chuyên môn

Người soạn

Đinh Vũ Hoài Nga

Đặng Thị Hồng Nhung

CHỦ ĐỀ
EM VÀ BẠN EM
(2 tiết)

I. Mục tiêu

1. Kiến thức:

- Nắm được tên các bộ phận chính của cơ thể con người.
- Nắm được một số nét đặc trưng trong cách thể hiện và cảm xúc trong hội họa của Tô Ngọc Vân.
- Sáng tạo bức tranh chủ đề “Em và bạn em” bằng cách vẽ hoặc xé dán.

2. Năng lực:

- Vận dụng được đặc điểm của tranh Tô Ngọc Vân vào bài vẽ của mình.

3. Phẩm chất:

- Yêu thích môn học.
- Có ý thức ứng dụng bài học vào thực tế.
- Tập trung hoạt động cá nhân và hoạt động nhóm tốt.

II. Phương tiện, học liệu

1. Giáo viên:

- Hình ảnh tranh của họa sĩ Tô Ngọc Vân.
- File video hướng dẫn cách vẽ.
- Sách giáo khoa mỹ thuật lớp 1

2. Học sinh:

- Giấy màu, keo, hồ dán, bút chì, đất nặn...
- Giấy vẽ A3, màu vẽ.

III. Tiến trình bài giảng

1. Mở đầu:

- GV tổ chức cho HS chơi trò chơi: Đây là ai.
- GV nhận xét.
- Giới thiệu bài.

2. Hình thành kiến thức

Nội dung, Dự kiến Thời gian	Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh	ĐDDH
Quan sát, tìm hiểu Xem tranh của họa sĩ Tô Ngọc Vân	<ul style="list-style-type: none"> -GV cho HS thảo luận nhóm đôi -Tổ chức cho học sinh quan sát 2 bức tranh và thảo luận. + Nhóm 1: Hai thiếu nữ và em bé + Nhóm 2: Buổi trưa - GV hướng dẫn HS thảo luận theo các nội dung: + Hình ảnh chính trong bức tranh là gì? + Cơ thể người có các bộ phận chính nào? + Trên khuôn mặt người có các bộ phận nào? + Kể tên một số hình ảnh thể hiện? + Các nét vẽ được sử dụng trong tranh? - GV mời từng nhóm lên trả lời và các nhóm nhận xét. - GV nhận xét HS. Chốt lại KT: 	<ul style="list-style-type: none"> - Quan sát và TLCH -HS trả lời - Lắng nghe, ghi nhớ 	- Tranh slide.

Nội dung, Dự kiến Thời gian	Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh	ĐDDH
	Với màu sắc hài hòa, hòa sắc nhẹ nhàng, tươi sáng; phần nền thể hiện đơn giản làm nổi bật hình ảnh nhân vật chính.		
KIẾN TẠO KIẾN THỨC - KỸ NĂNG Vận dụng hình tượng người phụ nữ trong tranh Tô Ngọc Vân vào chủ đề “Em và bạn em”	<ul style="list-style-type: none"> - GV quan sát slide và nhận biết cách vẽ. - GV khuyến khích HS thảo luận nhóm đôi và trả lời câu hỏi: - Yêu cầu HS quan sát tìm hiểu về tranh thể hiện người + Các bức tranh được thể hiện bằng chất liệu gì? + Bức tranh nào thể hiện nửa người, bức tranh nào thể hiện cả người? + Em thấy màu sắc trong tranh như thế nào? + Đặc điểm của mỗi người khác nhau không? - Mời 2-3 nhóm trả lời và nhận xét câu trả lời của bạn - GV vẽ minh họa và hướng dẫn. - GV tóm tắt: Cách vẽ tranh: + Bước 1: Vẽ các bộ phận chính của cơ thể người. 	<ul style="list-style-type: none"> - Quan sát và TLCH HS quan sát HS lắng nghe 	<ul style="list-style-type: none"> - Sile ảnh và video minh họa

Nội dung, Dự kiến Thời gian	Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh	ĐDDH
	<p>+ Bước 2: Vẽ thêm các nét chi tiết: Mắt, mũi, miệng, tai, áo.</p> <p>+ Bước 3: Vẽ màu cho bức tranh.</p> <p>Cách xé dán:</p> <p>Bước 1: Vẽ các bộ phận chính cơ thể con người ra giấy màu</p> <p>Bước 2: Xé rời các bộ phận ra khỏi tờ giấy màu.</p> <p>Bước 3: Ghép các bộ phận thành cơ thể người hoàn chỉnh</p> <p>Bước 4: Xé dán các chi tiết phụ.</p> <p>- Phối hợp cùng học sinh sửa sai (nếu có), bổ sung (nếu thiếu).</p> <p>Lưu ý: Có thể thực hiện chủ đề bằng cách vẽ hoặc xé dán.</p> <p>Khi vẽ tranh chủ đề Em và bạn em có thể vẽ nửa người hoặc cả người. Mỗi người có đặc điểm khuôn mặt, hình dáng riêng.</p>		

3. Luyện tập, sáng tạo

Nội dung, Dự kiến Thời gian	Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh	ĐDDH
Sáng tạo chủ	- GV gợi ý:	- Thực hành	

Nội dung, Dự kiến Thời gian	Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh	ĐDDH
<p>đề: Em và bạn em</p>	<p>+ Em thực hiện sản phẩm bằng chất liệu gì? + Em sẽ vẽ hình ảnh em và bạn đang làm gì? + Em vẽ nửa người hay cả người? + Ngoài hình ảnh người em còn vẽ gì? + Màu sắc em lựa chọn để vẽ? - GV quan sát, nhắc nhở HS Vẽ hình vừa với khổ giấy. - GV bao quát lớp và kịp thời hướng dẫn cho các em còn yếu, hướng dẫn nâng cao cho các em khá giỏi. - Phối hợp cùng học sinh sửa sai (nếu có); góp ý, tư vấn cho ý tưởng của học sinh. Lưu ý: Sử dụng những nét mềm mại, nét cong để vẽ nét. Sử dụng màu sắc trong sáng. Sự chuyển sắc nhẹ nhàng nhưng vẫn tạo được các khối. Đơn giản phần nền bằng các mảng màu.</p>	<p>vẽ cá nhân - Lắng nghe, tiếp thu - Quan sát và TLCH</p>	
	<p>Yêu cầu HS thực hành chủ đề Em và bạn em.</p>	<p>- Thực hiện vẽ theo yêu</p>	<p>Bút, giấy,</p>

Nội dung, Dự kiến Thời gian	Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh	ĐDDH
		câu bài học	màu vẽ

4. Vận dụng

Nội dung, Dự kiến Thời gian	Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh	ĐDDH
Trung bày và chia sẻ sản phẩm	<p>- GV chọn một số bài vẽ và HS lên giới thiệu về tác phẩm của mình.</p> <p>+ Sản phẩm em yêu thích nhất?</p> <p>+ Chất liệu thể hiện bức tranh?</p> <p>+ Bố cục, hình, nét, màu trong tranh được thể hiện như nào?</p> <p>+ Em thích chi tiết nào trong bài vẽ của mình, của bạn?</p> <p>+ Em có muốn điều chỉnh gì ở tranh của mình, của bạn không?</p> <p>- Phối hợp cùng học sinh nhận xét, đánh giá các sản phẩm; góp ý, tư vấn cho các sản phẩm chưa hoàn thành.</p> <p>GV chốt lại kiến thức trong toàn bài học: Vận dụng bố cục, đường nét, hình khối, màu sắc trong tranh họa sĩ Tô Ngọc Vân vận dụng vào bài vẽ để tạo ra những sản phẩm mỹ thuật, nâng cao giá trị cho sản phẩm.</p>	<p>- Thuyết trình sản phẩm của bản thân.</p>	Sản phẩm của học sinh

Nội dung, Dự kiến Thời gian	Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh	ĐDDH
Vận dụng	Khuyến khích HS hoàn thiện sản phẩm, kết hợp với bạn tạo thành sản phẩm lớn để trưng trí lớp học.	Quan sát và TLCH	Hình Slide
	Nhận xét, đánh giá chung Dặn dò: - Tiếp tục rèn luyện và hoàn thiện sản phẩm.	HS lắng nghe	

Tổ trưởng chuyên môn

Người soạn

Đinh Vũ Hoài Nga

Đặng Thị Hồng Nhung

Mỹ thuật khối 4

CHỦ ĐỀ
KÝ HỌA CÔ GIÁO EM
(2 tiết)

I. Mục tiêu**1. Kiến thức:**

- HS hiểu đôi nét về họa sĩ Tô Ngọc Vân, và một số tác phẩm hội họa của ông.

- HS nắm được một số nét đặc trưng trong cách thể hiện và cảm xúc trong hội họa của Tô Ngọc Vân.

- HS hiểu được cách vẽ tranh ký họa.

- HS nắm được các đặc điểm, tỉ lệ cơ thể người.

2. Năng lực:

- HS vận dụng được cách ký họa người phụ nữ trong tranh Tô Ngọc Vân vào bài của mình.

3. Phẩm chất:

- Yêu thích môn học.

- Có ý thức ứng dụng bài học vào thực tế.

- Tập trung hoạt động cá nhân và hoạt động nhóm tốt.

II. Phương tiện, học liệu**1. Giáo viên:**

- Sách Mỹ thuật lớp 4.

- Tranh, ảnh các tác phẩm của họa sĩ Tô Ngọc Vân.

- Hình ảnh mỹ thuật trong thực tế cuộc sống, hình ảnh sản phẩm, tác phẩm mỹ thuật.

- File video hướng dẫn cách vẽ.

2. Học sinh:

- Sách Mỹ thuật lớp 4

- Giấy màu, màu vẽ, keo, hồ dán, bút chì, đất nặn,...

III. Tiến trình bài giảng

1. Mở đầu:

- GV tổ chức cho HS chơi trò chơi: “Ai nhanh nhất”
- GV nhận xét.
- Giới thiệu bài.

2. Hình thành kiến thức

Nội dung, Dự kiến Thời gian	Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh	ĐDDH
KHÁM PHÁ Vài nét về họa sĩ Tô Ngọc Vân và các tác phẩm tiêu biểu.	<ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu HS quan sát video về họa sĩ Tô Ngọc Vân. - GV chia lớp thành 6 nhóm để thảo luận và tổng hợp nội dung tìm hiểu được ở nhà. - GV đặt câu hỏi gợi mở: <ul style="list-style-type: none"> + Nhóm 1 + 2: Hãy nêu một vài nét về tiểu sử của họa sĩ Tô Ngọc Vân? + Nhóm 3 + 4: Nãy nêu một vài giai đoạn có ảnh hưởng đến sự nghiệp sáng tác của họa sĩ? + Nhóm 4 + 6: Kể tên các tác phẩm tiêu biểu của họa sĩ Tô Ngọc Vân? - Mỗi nhóm cử đại diện lên trình bày và nhận xét câu trả lời của nhóm bạn. 	<ul style="list-style-type: none"> - Quan sát và trả lời câu hỏi -HS trả lời - Lắng nghe, ghi nhớ 	-Tranh Slide

Nội dung, Dự kiến Thời gian	Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh	ĐDDH
	<p>- GV nhận xét, bổ sung và tóm tắt tiểu sử của họa sĩ Tô Ngọc Vân.</p> <p>- GV tóm tắt: Họa sĩ Tô Ngọc Vân là một họa sĩ tài năng, ông đã có nhiều đóng góp cho nền Mỹ thuật Việt Nam.</p> <p>Ông sinh năm 1906 và mất 1954. Ông có bút danh khác như: Tô Tử, Ái Mỹ,..</p> <p>Ông có nhiều tác phẩm nổi tiếng: Thiếu nữ bên hoa huệ(1943), Thiếu nữ bên hoa sen (1944), Hai thiếu nữ và em bé (1944)...Ngoài ra còn có các tác phẩm vẽ trong thời kỳ kháng chiến như: Hà Nội vùng đứng lên, Chị cốt cán, Giáo viên người thái, Bữa trên đồi, ...</p> <p>Tô Ngọc Vân là họa sĩ thuộc lớp người đầu tiên đặt nền móng hội họa hiện đại cho Mỹ thuật Việt Nam.</p> <p>Ông là họa sĩ rất thành công trong chất liệu sơn dầu và</p>	<p>- Quan sát và TLCH</p> <p>-HS trả lời</p> <p>- Lắng nghe, ghi nhớ</p>	

Nội dung, Dự kiến Thời gian	Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh	ĐDDH
	<p>ký họa kháng chiến.</p> <p>Năm 1996, họa sĩ Tô Ngọc Vân đã được nhà nước trao tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh về Văn học - Nghệ thuật.</p> <p>- GV tổ chức cho HS quan sát tranh của họa sĩ Tô Ngọc Vân tìm hiểu về bố cục, hình mảng, nét, đậm nhạt trong tranh. -GV cho HS tiếp tục làm việc nhóm</p> <p>- Giao nhiệm vụ HS quan sát đồ dùng trực quan.</p> <p>- GV hướng dẫn HS thảo luận theo các nội dung:</p> <p>+ Hình ảnh chính trong bức tranh là gì?</p> <p>+ Hình ảnh được vẽ như nào? (Hình mảng, đường nét).</p> <p>+ Bức tranh còn có những hình ảnh nào là phụ?</p> <p>+ Màu sắc của bức tranh như thế nào?</p> <p>+ Tranh vẽ bằng chất liệu gì?</p>	<p>- Học sinh quan sát 6 bức tranh và thảo luận.</p> <p>+ Nhóm 1: Thiếu nữ bên hoa huệ</p> <p>+Nhóm 2: Hai thiếu nữ và em bé</p> <p>+ Nhóm 3: Thiếu nữ bên hoa sen</p> <p>+ Nhóm 4: Hà Nội vùng đứng lên</p> <p>+ Nhóm 5: Giáo viên người Thái</p> <p>+ Nhóm 6: Chị cọt cán</p>	

Nội dung, Dự kiến Thời gian	Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh	ĐDDH
	<p>+ Cảm nhận của em về bức tranh này như thế nào?</p> <p>- GV mời lần lượt từng nhóm lên trả lời.</p> <p>- HS nhận xét câu trả lời của bạn.</p> <p>- GV nhận xét HS.</p> <p>Chốt lại kiến thức:</p> <p>- Tô Ngọc Vân vẽ chủ yếu là vẽ người phụ nữ.</p> <p>- Người phụ nữ Hà thành với chất liệu Sơn dầu có bố cục đơn giản, nét vẽ mềm mại, các nét cong làm nổi bật hình ảnh người thiếu nữ thành thị duyên dáng. Với màu sắc hài hòa, hòa sắc nhẹ nhàng, tươi sáng làm nổi bật hình ảnh người thiếu nữ duyên dáng, dịu dàng.</p> <p>- Những bức ký họa trong thời kỳ kháng chiến: Ký họa bằng nét kết hợp mảng đậm nhạt. Ký họa bằng chì hoặc màu nước, thuốc nước. Với những nét ký họa mềm mại nhưng với dáng người thẳng</p>	<p>HS lên trình bày</p> <p>HS lắng nghe</p>	

Nội dung, Dự kiến Thời gian	Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh	ĐDDH
	<p>đứng vẫn thể hiện được sự khỏe khoắn, quyết tâm tiến lên phía trước.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ngoài ra họa sĩ còn vẽ tranh đề tài sinh hoạt miêu tả hình ảnh cuộc sống của người phụ nữ như: Bữa trên đôi, Cho ngựa ăn, Đi học đêm... - GV yêu cầu HS quan sát 1 số bức ký họa của Tô Ngọc Vân và thảo luận. - GV hướng dẫn, hỗ trợ. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS quan sát và đặt câu hỏi cho nhau: + Thế nào là tranh kí họa? + Tranh kí họa nhằm mục đích là gì? + Có thể sử dụng những chất liệu gì để kí họa? + Nội dung các bức kí họa của họa sĩ Tô Ngọc Vân? + Các nét kí họa trong tranh 	

Nội dung, Dự kiến Thời gian	Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh	ĐDDH
	<p>GV chốt kiến thức: Ký họa, hay tốp họa, là quan sát và vẽ, ghi lại một khoảnh khắc ấn tượng trong đời sống. Nhưng điều đặc biệt nằm ở chỗ bạn phải vẽ lại thật nhanh để lưu giữ cái hồn của đối tượng, nếu không thì sẽ bị vụt mất khoảnh khắc đáng quý đó.</p>	<p>của họa sĩ Tô Ngọc Vân như thế nào? + Cảm nhận gì về cách thể hiện đậm nhạt trong tranh?</p>	
<p>KIẾN TẠO KIẾN THỨC KỸ NĂNG Khai thác hình tượng người phụ nữ trong tranh Tô</p>	<p>- GV yêu cầu HS quan sát video hướng dẫn ký họa và thảo luận nhóm đôi - HS quan sát, nhận biết các bước ký họa. Gv tóm tắt cách vẽ ký họa dáng người: Bước 1: Dựng hình Bước 2: Phân mảng</p>	<p>HS quan sát, thảo luận, tập hợp ý kiến chung.</p>	<p>- Tranh Slide</p>

Nội dung, Dự kiến Thời gian	Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh	ĐDDH
<p>Ngọc Vân vận dụng vào ký họa cô giáo em</p>	<p>Bước 3: Nhấn nét Bước 4: Vẽ đậm nhạt</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu HS quan sát GV - Gọi ý để HS nói về đặc điểm của cô giáo: <ul style="list-style-type: none"> + Cô giáo có dáng người như thế nào? + Khuôn mặt cô có dạng thế nào? + Tóc cô ngắn hay dài? + Hôm nay cô mặc trang phục như thế nào? - Gọi 1-2 HS trả lời, nhận xét và bổ sung ý kiến. - GV nhận xét câu trả lời của HS. - GV tóm tắt: <p style="margin-left: 40px;">Mỗi người sẽ có những đặc điểm cơ thể khác nhau, HS hãy quan sát cô giáo để nhận ra đặc điểm và vẽ nhanh để xác định được hoạt động cô đang thực hiện.</p> - Phối hợp cùng học sinh sửa sai (nếu có), bổ sung 		

Nội dung, Dự kiến Thời gian	Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh	ĐDDH
	(nếu thiếu).		

3. Luyện tập, sáng tạo

Nội dung, Dự kiến Thời gian	Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh	ĐDDH
Ký họa cô giáo	<ul style="list-style-type: none"> - GV tổ chức cho HS ký họa cô giáo - Hỗ trợ HS cách xác định tỉ lệ đối tượng. + Em ký họa cô giáo nào? + Cô giáo có đặc điểm nổi bật là gì? - GV nhận xét, gợi ý hướng dẫn cho HS. - GV khuyến khích HS: <ul style="list-style-type: none"> + Quan sát thật nhanh. + Xác định đặc điểm nổi bật. + Sử dụng nét mềm mại để vẽ chi tiết. - Phối hợp cùng học sinh sửa sai (nếu có); góp ý, tư vấn cho ý tưởng của học sinh. 	<ul style="list-style-type: none"> - Thực hành vẽ cá nhân - Lắng nghe, tiếp thu - Quan sát và trả lời câu hỏi 	
	Yêu cầu HS ký họa một cô giáo.		<ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện vẽ theo yêu cầu bài học

4. Vận dụng

Nội dung, Dự kiến Thời gian	Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh	ĐDDH
Trung bày và chia sẻ sản phẩm	<ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức cho HS trưng bày sản phẩm. - Khuyến khích HS lên giới thiệu + Nội dung + Bố cục + Đường nét + Màu sắc - GV nhận xét, khen ngợi HS. - Phối hợp cùng học sinh nhận xét, đánh giá các sản phẩm; góp ý, tư vấn cho các sản phẩm chưa hoàn thành. 	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết trình sản phẩm của bản thân. 	Sản phẩm của học sinh
Vận dụng	<ul style="list-style-type: none"> - Khuyến khích HS quan sát các tranh ký họa khác của Tô Ngọc Vân : + Hình vẽ trong tranh. + Cách thể hiện nét, đậm nhạt.. 	Quan sát và trả lời câu hỏi	Hình Slide
	Nhận xét, đánh giá chung Dặn dò: <ul style="list-style-type: none"> - Tiếp tục rèn luyện và hoàn thiện sản phẩm. 	HS lắng nghe	

Tổ trưởng chuyên môn

Người soạn

Đinh Vũ Hoài Nga

Đặng Thị Hồng Nhung

CHỦ ĐỀ
TẬP NẶN TẠO DÁNG
(2 tiết)

I. Mục tiêu

1. Kiến thức:

- HS nắm được một số nét đặc trưng trong hình tượng người phụ nữ qua tác phẩm của Tô Ngọc Vân.

- HS làm quen với điêu khắc và nặn được 1 số dáng người đơn giản.

- HS nắm được đặc điểm các dáng người.

2. Năng lực:

- HS vận dụng cách tạo hình người phụ nữ trong tranh Tô Ngọc Vân vào bài của mình.

3. Phẩm chất:

- Yêu thích môn học.

- Có ý thức ứng dụng bài học vào thực tế.

- Tập trung hoạt động cá nhân và hoạt động nhóm tốt.

II. Phương tiện, học liệu

1. Giáo viên:

- Sách Mỹ thuật lớp 4.

- Tranh, ảnh các tác phẩm của họa sĩ Tô Ngọc Vân.

- Hình ảnh mỹ thuật trong thực tế cuộc sống, hình ảnh sản phẩm, tác phẩm mỹ thuật.

- File video hướng dẫn cách vẽ.

2. Học sinh:

- Sách Mỹ thuật lớp 4

- Giấy màu, màu vẽ, keo, hồ dán, bút chì, đất nặn,...

III. Tiến trình bài giảng

1. Mở đầu:

- GV tổ chức cho HS chơi trò chơi: “Thi tạo dáng”

- GV nhận xét.

- Giới thiệu bài.

2. Hình thành kiến thức

Nội dung, Dự kiến Thời gian	Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh	ĐDDH
<p>KHÁM PHÁ Đặc điểm dáng người</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu HS quan sát tranh của họa sĩ Tô Ngọc Vân. - GV chia lớp thành 3 nhóm để thảo luận. - GV đặt câu hỏi gợi mở: <ul style="list-style-type: none"> + Nhóm 1: Nêu các bộ phận của cơ thể con người? + Nhóm 2: Mỗi bộ phận của cơ thể người có dạng hình gì? + Nhóm 3: Mỗi hoạt động sẽ tạo ra tư thế giống nhau hay khác nhau? Kể tên 1 số hoạt động của con người? - Mỗi nhóm cử đại diện lên trình bày và nhận xét câu trả lời của nhóm bạn. - GV nhận xét, bổ sung. - GV tóm tắt: Cơ thể con người gồm các bộ phận đầu, thân, chân tay... Đầu có dạng hình tròn còn chân tay thì dài dạng hình trụ. Mỗi một hoạt động sẽ tạo ra dáng người khác nhau. - GV tổ chức cho HS quan sát sản phẩm nặn dáng người và đặt câu hỏi gợi mở: <ul style="list-style-type: none"> + Sản phẩm được thể hiện 	<ul style="list-style-type: none"> - Quan sát và trả lời câu hỏi - HS trả lời - Lắng nghe, ghi nhớ - Quan sát và trả lời câu hỏi 	<ul style="list-style-type: none"> - Tranh Slide

Nội dung, Dự kiến Thời gian	Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh	ĐDDH
	<p>bằng chất liệu gì?</p> <p>+ Dáng người được nặn từ các hình khối nào?</p> <p>+ Nhắc lại cách tạo khối cầu, khối trụ, khối dẹt?</p> <p>+ Cảm nhận của em về sản phẩm tạo dáng này như thế nào?</p> <p>- GV mời lần lượt từng nhóm lên trả lời.</p> <p>- HS nhận xét câu trả lời của bạn.</p> <p>- GV nhận xét HS.</p> <p>Chốt lại kiến thức:</p> <p>Mỗi một bộ phận sẽ được tạo từ các khối khác nhau. Đầu dạng khối cầu; chân, tay có dạng khối trụ.</p>	<p>-HS trả lời</p> <p>- Lắng nghe, ghi nhớ</p>	
<p>KIẾN TẠO</p> <p>KIẾN THỨC -</p> <p>KỸ NĂNG</p> <p>Vận dụng hình tượng người phụ nữ trong tranh Tô Ngọc Vân vào nặn tạo dáng</p>	<p>- GV yêu cầu HS quan sát hướng dẫn học sinh cách nặn và thảo luận nhóm đôi.</p> <p>- HS quan sát, nhận biết các bước nặn.</p> <p>Gv tóm tắt cách nặn dáng người:</p> <p>Bước 1: Nặn các bộ phận chính</p> <p>Bước 2: Nặn chi tiết</p> <p>Bước 3: Ghép dính các bộ</p>	<p>HS quan sát, thảo luận, tập hợp ý kiến chung.</p>	<p>-</p> <p>Tranh</p> <p>Slide</p>

Nội dung, Dự kiến Thời gian	Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh	ĐDDH
	<p>phận</p> <p>Bước 4: Tạo dáng và sắp xếp bố cục</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu HS quan sát GV - Gọi ý để HS chọn được chủ đề nặn tạo dáng: hoạt động của bạn, của cô, của bố mẹ... + Cô giáo thường có hoạt động như thế nào? + Các bạn có hoạt động gì ở giờ ra chơi? + Khi hoạt động đó tay, chân sẽ như thế nào? - Gọi 1-2 HS trả lời, nhận xét và bổ sung ý kiến. - GV nhận xét câu trả lời của HS. - GV tóm tắt: <ul style="list-style-type: none"> Mỗi người sẽ có những hoạt động – dáng người khác nhau. - Phối hợp cùng học sinh sửa sai (nếu có), bổ sung (nếu thiếu). 		

3. Luyện tập, sáng tạo

Nội dung, Dự kiến Thời gian	Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh	ĐDDH

Nội dung, Dự kiến Thời gian	Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh	ĐDDH
Ký họa cô giáo	<ul style="list-style-type: none"> - GV tổ chức cho HS nặn dáng người - Hỗ trợ HS cách xác định dáng tay, chân, đầu đối tượng ở mỗi hoạt động khác nhau. + Em nặn ai? Đang thực hiện hoạt động gì? - GV nhận xét, gợi ý hướng dẫn cho HS. - GV khuyến khích HS: <ul style="list-style-type: none"> + Quan sát thật nhanh. + Xác định vị trí tay, chân, đầu ở mỗi hoạt động. - Phối hợp cùng học sinh sửa sai (nếu có); góp ý, tư vấn cho ý tưởng của học sinh. 	<ul style="list-style-type: none"> - Thực hành vẽ cá nhân - Lắng nghe, tiếp thu - Quan sát và trả lời câu hỏi 	
	Yêu cầu HS nặn tạo dáng người em quý.	- Thực hiện vẽ theo yêu cầu bài học	Bút, giấy vẽ.

4. Vận dụng

Nội dung, Dự kiến Thời gian	Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh	ĐDDH
Trung bày và chia sẻ sản phẩm	<ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức cho HS trưng bày sản phẩm. - Khuyến khích HS lên giới thiệu tác phẩm của mình + Chủ đề 	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết trình sản phẩm của bản thân. 	Sản phẩm của học sinh

Nội dung, Dự kiến Thời gian	Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh	ĐDDH
	<ul style="list-style-type: none"> + Hình khối + Màu sắc - GV nhận xét, khen ngợi HS. - Phối hợp cùng học sinh nhận xét, đánh giá các sản phẩm; góp ý, tư vấn cho các sản phẩm chưa hoàn thành. 		
Vận dụng	<ul style="list-style-type: none"> - Khuyến khích HS quan sát một số tác phẩm điêu khắc của các họa sĩ: + Tác phẩm có nội dung gì. + Cách thể hiện hình khối, đậm nhạt... 	Quan sát và trả lời câu hỏi	Hình Slide
	Nhận xét, đánh giá chung Dặn dò: <ul style="list-style-type: none"> - Tiếp tục rèn luyện và hoàn thiện sản phẩm. 	HS lắng nghe	

Tổ trưởng chuyên môn

Người soạn

Đinh Vũ Hoài Nga

Đặng Thị Hồng Nhung

Phụ lục 6

GIÁO ÁN ĐANG DẠY (ĐỀ ĐỐI CHỨNG)

Mỹ thuật lớp 1

CHỦ ĐỀ

VẼ CHÂN DUNG NGƯỜI THÂN CỦA EM

(2 tiết)

I. Mục tiêu

1. Kiến thức:

- HS nhận biết về hình dáng của con người và cảnh vật tạo nên không gian tranh.

- HS Vẽ được bức tranh bằng chấm, nét, hình, màu.

- HS nêu được cảm nhận về sáng, tối và không gian trong tranh.

2. Năng lực:

- HS hình thành và phát triển năng lực cảm nhận và hiểu biết về Mỹ thuật, năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực tìm tòi và khám phá kiến thức.

3. Phẩm chất:

- Nhận ra vẻ đẹp sự đáng yêu trên gương mặt bạn, nhận ra vẻ đẹp của nét, chấm, màu sắc tạo nên đậm nhạt trong tranh.

II. Phương tiện, học liệu

1. Giáo viên

- Sách Mỹ thuật lớp 1.

- Hình ảnh tranh chân dung, tranh ảnh clip về pháo hoa, hình ảnh sản phẩm, tác phẩm mỹ thuật.

- File video hướng dẫn cách vẽ.

2. Học sinh:

- Sách Mỹ thuật lớp 1

- Giấy vẽ, màu, chì, tẩy...

III. Tiến trình bài giảng

1. Mở đầu:

- GV tổ chức cho HS hát “Ba ngọn nến lung linh”.

- Gọi 2,3 HS nhận xét phần chơi của bạn.
- GV nhận xét phần chơi của HS.
- Giới thiệu bài.

2. Hình thành kiến thức

1. Mở đầu:

- GV cho hs xem video giới thiệu chân dung của các bạn HS.
- GV giới thiệu bài học.

2. Hình thành kiến thức

Nội dung, Dự kiến Thời gian	Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh	ĐDDH
Quan sát, tìm hiểu	<ul style="list-style-type: none"> - GV giới thiệu một số tranh chân dung và đặt câu hỏi: + Những bức tranh trên vẽ nội dung gì? + Vẽ tranh chân dung nhằm mục đích gì? + Khuôn mặt người có mấy dạng? + Trên khuôn mặt có những bộ phận nào? + Mắt mũi miệng mỗi người có giống nhau không? + Tranh chân dung ngoài vẽ khuôn mặt chúng ta con có thể vẽ thêm gì nữa? + Em hãy mô tả khuôn mặt cô giáo. <p>Chốt lại kiến thức: <i>Hình dáng khuôn mặt, đặc điểm mắt, mũi, miệng của mỗi người khác nhau.</i></p>	<ul style="list-style-type: none"> - Quan sát và trả lời câu hỏi - HS trả lời - Lắng nghe, ghi nhớ 	<ul style="list-style-type: none"> - Tranh slide.
Cách vẽ	<ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu HS quan sát các bước 	<ul style="list-style-type: none"> - Quan sát và 	<ul style="list-style-type: none"> - Sile

Nội dung, Dự kiến Thời gian	Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh	ĐDDH
chân dung	<p>vẽ GV đã chuẩn bị.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lưu ý hướng dẫn HS biết cách vẽ hình khuôn mặt ở phần trên của giấy sao cho cân đối. - Thao tác mẫu để HS nhận biết các bước vẽ chân dung. - Nêu câu hỏi gợi mở: <ul style="list-style-type: none"> + Em sẽ vẽ hình dáng khuôn mặt ở phần nào trên tờ giấy? + Khuôn mặt bạn em vẽ giống hình gì? + Em sẽ vẽ bộ phận nào trước? - GV nhận xét, khen ngợi HS. - GV tóm tắt, chốt kiến thức: <i>Có thể dùng nét, chấm và màu để vẽ chân dung.</i> - GV tóm tắt: <ul style="list-style-type: none"> + Bước 1: Quan sát đặc điểm của đối tượng. + Bước 2: Xác định dạng khuôn mặt. + Bước 3: Vẽ phác các bộ phận trên khuôn mặt. + Bước 4: Vẽ các chi tiết khác. + Bước 5: Vẽ màu. - Phối hợp cùng học sinh sửa sai 	<p>trả lời câu hỏi</p> <p>HS quan sát</p> <p>HS lắng nghe</p>	<p>ảnh và video minh họa</p>

Nội dung, Dự kiến Thời gian	Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh	ĐDDH
	(nếu có), bổ sung (nếu thiếu).		

3. Luyện tập, sáng tạo

Nội dung, Dự kiến Thời gian	Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh	ĐDDH
Vẽ chân dung người thân của em	<ul style="list-style-type: none"> - GV giới thiệu tranh của các HS năm trước. - Gv nêu câu hỏi gợi mở để HS nhận biết và thể hiện đặc điểm riêng ở chân dung : <ul style="list-style-type: none"> + Khuôn mặt người thân em sẽ vẽ gần giống hình gì ? + Mắt to hay nhỏ? Người đó có đeo kính không? + Tai ở đâu trên khuôn mặt? + Miệng và mũi giống hình gì? + Tóc dài hay ngắn, thẳng hay cong? + Trang phục thế nào? + Cảm xúc của người thân em thường vui hay buồn? + Em sẽ chọn những màu nào để vẽ tranh chân dung? - GV nhận xét, khen ngợi HS. - GV cho HS xem video các bài vẽ chân dung của HS năm trước để HS tham khảo. - Quan sát, giúp đỡ HS hoàn thành 	<ul style="list-style-type: none"> - Thực hành vẽ cá nhân - Lắng nghe, tiếp thu - Quan sát và trả lời câu hỏi 	

Nội dung, Dự kiến Thời gian	Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh	ĐDDH
	bài tập. - GV bao quát lớp và kịp thời hướng dẫn cho các em còn yếu, hướng dẫn nâng cao cho các em khá giỏi. - Phối hợp cùng học sinh sửa sai (nếu có); góp ý, tư vấn cho ý tưởng của học sinh.		
	Yêu cầu HS vẽ chân dung người thân của em.	- Thực hiện vẽ theo yêu cầu bài học	Bút, Giấy, màu vẽ; giấy

4. Vận dụng

Nội dung, Dự kiến Thời gian	Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh	ĐDDH
Trung bày và chia sẻ sản phẩm	- GV hướng dẫn HS trung bày bài vẽ. - Nêu câu hỏi gợi mở để HS chia sẻ: + Em có ấn tượng với bài vẽ nào ? Vì sao ? + Điểm đáng yêu của chân dung đó là gì ? + Biểu cảm của chân dung đó vui hay buồn ? Vì sao ? + Màu sắc của bức tranh thế nào ? + Em học tập gì qua tranh của các	- Thuyết trình sản phẩm của bản thân.	Sản phẩm của học sinh

Nội dung, Dự kiến Thời gian	Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh	ĐDDH
	bạn ? - GV nhận xét, khen ngợi HS. - Hướng dẫn HS tự đánh giá. - GV đánh giá sản phẩm, bài vẽ của HS. - Phối hợp cùng học sinh nhận xét, đánh giá các sản phẩm; góp ý, tư vấn cho các sản phẩm chưa hoàn thành.		
Vận dụng	- Khuyến khích HS quan sát các tranh vẽ chân dung của các họa sĩ: + Hình vẽ trong tranh. + Cách thể hiện nét, màu sắc...	Quan sát và trả lời câu hỏi	Hình Slide
	Nhận xét, đánh giá chung Dặn dò: - Tiếp tục rèn luyện và hoàn thiện sản phẩm.	HS lắng nghe	

Tổ trưởng chuyên môn

Người soạn

Đinh Vũ Hoài Nga

Đặng Thị Hồng Nhung

CHỦ ĐỀ
EM VÀ BẠN EM
(2 tiết)

I. Mục tiêu

1. Kiến thức:

- HS nêu được tên các bộ phận chính của cơ thể người.
- HS thể hiện được bức tranh với chủ đề: Em và bạn em bằng cách vẽ.

2. Năng lực:

- HS hình thành và phát triển năng lực cảm nhận và hiểu biết về mỹ thuật, năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực tìm tòi và khám phá kiến thức.

3. Phẩm chất:

- Nhận ra vẻ đẹp sự đáng yêu trên gương mặt bạn, nhận ra vẻ đẹp của nét, chấm, màu sắc tạo nên đậm nhạt trong tranh.

II. Phương tiện, học liệu

1. Giáo viên

- Sách Mỹ thuật lớp 1.
- Hình ảnh tranh chân dung, tranh ảnh clip về chủ đề em và bạn, hình ảnh sản phẩm, tác phẩm mỹ thuật
- File video hướng dẫn cách vẽ.

2. Học sinh:

- Sách Mỹ thuật lớp 1
- Giấy vẽ, màu, chì, tẩy...

III. Tiến trình bài giảng

1. Mở đầu:

- GV tổ chức kiểm tra sĩ số, đồ dùng học tập
- Nhóm trưởng báo cáo
- Giới thiệu bài.

2. Hình thành kiến thức

1. Mở đầu:

- GV cho hs xem video giới thiệu chân dung của các bạn hs.
- GV giới thiệu bài học.

2. Hình thành kiến thức

Nội dung, Dự kiến Thời gian	Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh	ĐDDH
Quan sát, tìm hiểu	<ul style="list-style-type: none"> - GV giới thiệu một số tranh chân dung và đặt câu hỏi: + Con người gồm các bộ phận chính nào? + Khuôn mặt con người gồm những bộ phận nào? + Trong bức tranh gồm những hình ảnh nào? + Các bức tranh được thể hiện bằng chất liệu gì? <p>Chốt lại kiến thức: <i>Tranh chân dung vẽ khuôn mặt người là chủ yếu, diễn tả đặc điểm của người được vẽ.</i></p>	<ul style="list-style-type: none"> - Quan sát và TLCH -HS trả lời - Lắng nghe, ghi nhớ 	<ul style="list-style-type: none"> - Tranh slide.
Cách vẽ chân dung	<ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu HS quan sát các bước vẽ GV đã chuẩn bị. - Lưu ý hướng dẫn HS biết cách vẽ hình khuôn mặt ở phần trên của giấy sao cho cân đối. - Thao tác mẫu để HS nhận biết các bước vẽ chân dung. - Nêu câu hỏi gợi mở: + Em sẽ vẽ hình dáng khuôn mặt ở 	<ul style="list-style-type: none"> - Quan sát và trả lời câu hỏi HS quan sát HS lắng nghe 	<ul style="list-style-type: none"> - Sile ảnh và video Minh họa

Nội dung, Dự kiến Thời gian	Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh	ĐDDH
	<p>phần nào trên tờ giấy?</p> <p>+ Em sẽ tạo hình bộ phận nào trước, bộ phận nào sau?</p> <p>+ Em sử dụng màu sắc nào?</p> <p>Nhận xét, khen ngợi HS.</p> <p>- GV tóm tắt, chốt kiến thức: <i>Có thể dùng nét, chấm và màu để vẽ chân dung.</i></p> <p>- GV tóm tắt:</p> <p>+ Bước 1: Vẽ bộ phận chính của cơ thể</p> <p>+ Bước 2: Vẽ các chi tiết như tóc, các bộ phận trên khuôn mặt</p> <p>+ Bước 3: Vẽ màu.</p> <p>- Phối hợp cùng học sinh sửa sai (nếu có), bổ sung (nếu thiếu).</p>		

3. Luyện tập, sáng tạo

Nội dung, Dự kiến Thời gian	Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh	ĐDDH
Vẽ chủ đề: Em và bạn của em	<p>- GV giới thiệu tranh của các HS năm trước.</p> <p>- Gv nêu câu hỏi gợi mở để HS vẽ tranh về mình hoặc bạn của mình :</p> <p>+ Khuôn mặt bạn em vẽ gần giống hình gì ?</p> <p>+ Bạn có đặc điểm gì nổi bật?</p> <p>- GV nhận xét, khen ngợi HS.</p>	<p>- Thực hành vẽ cá nhân</p> <p>- Lắng nghe, tiếp thu</p> <p>- Quan sát và trả lời câu hỏi</p>	

Nội dung, Dự kiến Thời gian	Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh	ĐDDH
	<ul style="list-style-type: none"> - GV cho HS xem video các bài vẽ vẽ tranh và đưa sản phẩm của HS năm trước ra để HS tham khảo. - Quan sát, giúp đỡ HS hoàn thành bài tập. - GV bao quát lớp và kịp thời hướng dẫn cho các em còn yếu, hướng dẫn nâng cao cho các em khá giỏi. - Phối hợp cùng học sinh sửa sai (nếu có); góp ý, tư vấn cho ý tưởng của học sinh. 		
	Yêu cầu HS vẽ chân dung mình hoặc bạn	- Thực hiện vẽ theo yêu cầu bài học	Bút, Giấy, màu vẽ

4. Vận dụng

Nội dung, Dự kiến Thời gian	Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh	ĐDDH
Trung bày và chia sẻ sản phẩm	<ul style="list-style-type: none"> - GV hướng dẫn HS trung bày bài vẽ. - Nêu câu hỏi gợi mở để HS chia sẻ: <ul style="list-style-type: none"> + Em nhận ra bạn nào trong tranh không? + Em thích bức tranh nào nhất? + Em đã thể hiện bức tranh như thế nào ? 	- Thuyết trình sản phẩm của bản thân.	Sản phẩm của học sinh

Nội dung, Dự kiến Thời gian	Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh	ĐDDH
	+ Màu sắc của bức tranh thế nào ? + Em và bạn em đã làm việc gì tốt cho nhau? - GV nhận xét, khen ngợi HS. - Hướng dẫn HS tự đánh giá. - GV đánh giá sản phẩm, bài vẽ của HS. - Phối hợp cùng học sinh nhận xét, đánh giá các sản phẩm; góp ý, tư vấn cho các sản phẩm chưa hoàn thành.		
Vận dụng	- Khuyến khích HS hoàn thiện sản phẩm.	Quan sát và TLCH	Hình Slide
	Nhận xét, đánh giá chung Dặn dò: - Tiếp tục rèn luyện và hoàn thiện sản phẩm.	HS lắng nghe	

Tổ trưởng chuyên môn

Người soạn

Đinh Vũ Hoài Nga

Đặng Thị Hồng Nhung

Mỹ thuật lớp 4

CHỦ ĐỀ
KÝ HỌA CÔ GIÁO
(2 tiết)

I. Mục tiêu**1. Kiến thức:**

- HS hiểu và nêu được đặc điểm các bộ phận chính của cơ thể khi đang hoạt động với các động tác khác nhau.

- HS ký họa được bức tranh bằng chì, màu.

- HS nêu được cảm nhận về sáng, tối và không gian trong tranh.

2. Năng lực:

- HS hình thành và phát triển năng lực cảm nhận và hiểu biết về Mỹ thuật, năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực tìm tòi và khám phá kiến thức.

3. Phẩm chất:

- Nhận ra vẻ đẹp của nét, chấm, màu sắc tạo nên đậm nhạt trong tranh.

II. Phương tiện, học liệu**1. Giáo viên**

- Sách Mỹ thuật lớp 4.

- Hình ảnh tranh ảnh clip về các dáng người hoạt động, hình ảnh sản phẩm, tác phẩm mỹ thuật

- File video hướng dẫn cách vẽ.

2. Học sinh:

- Sách Mỹ thuật lớp 4

- Giấy vẽ, màu, chì, tẩy...

III. Tiến trình bài giảng**1. Mở đầu:**

- GV kiểm tra đồ dùng học tập.
- Lớp trưởng báo cáo sĩ số lớp.
- Giới thiệu bài.

2. Hình thành kiến thức

Nội dung, Dự kiến Thời gian	Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh	ĐDDH
Quan sát, tìm hiểu	<ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu HS hình thảo luận để tìm hiểu một số hoạt động của con người. - GV nêu câu hỏi thảo luận nhóm: <ul style="list-style-type: none"> * Từ dáng người đang hoạt động, em nhận ra họ đang làm gì? * Em hãy nêu các bộ phận chính của cơ thể người? * Khi con người đang hoạt động, em nhận thấy các bộ phận cơ thể thay đổi như thế nào? * Bằng hành động, em hãy mô phỏng một dáng người đang hoạt động? - Cho HS quan sát một số bài vẽ dáng người của các bạn năm trước. 	<ul style="list-style-type: none"> - Quan sát và thảo luận. -HS trả lời 	<ul style="list-style-type: none"> - Tranh ảnh dáng người
Cách ký họa	<ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu HS nêu cách vẽ ký họa dáng người. -GV cho HS xem clip hướng dẫn cách vẽ. - Mời 2-3 HS trả lời, nhận xét và góp ý. - GV tóm tắt: 	<ul style="list-style-type: none"> - Quan sát và trả lời câu hỏi 3 HS lên trả lời. 3 HS khác 	<ul style="list-style-type: none"> - Sile ảnh và video minh họa

Nội dung, Dự kiến Thời gian	Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh	ĐDDH
	<p>Ký họa cần thực hiện các bước: Vẽ phác các bộ phận con người. Vẽ chi tiết Vẽ lại nét * Lưu ý: HS vẽ hình ảnh chính cho rõ. - Phối hợp cùng học sinh sửa sai (nếu có), bổ sung (nếu thiếu).</p>	<p>nhận xét</p> <p>HS lắng nghe</p>	

3. Luyện tập, sáng tạo

Nội dung, Dự kiến Thời gian	Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh	ĐDDH
Ký họa	<p>- Yêu cầu HS quan sát ký họa trực tiếp hoặc quan sát qua ảnh. - Bao quát lớp, nhắc nhở HS chọn nội dung phù hợp. - Phối hợp cùng học sinh sửa sai (nếu có); góp ý, tư vấn cho ý tưởng của học sinh.</p>	<p>- Thực hành vẽ cá nhân - Lắng nghe, tiếp thu</p> <p>- Quan sát và TLCH</p>	
	<p>Yêu cầu HS ký họa thầy cô giáo. Hỗ trợ HS yếu.</p>	<p>- Thực hiện vẽ theo yêu cầu bài học</p>	<p>Bút, Giấy, màu vẽ; giấy</p>

4. Vận dụng

Nội dung, Dự kiến Thời gian	Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh	ĐDDH

Nội dung, Dự kiến Thời gian	Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh	ĐDDH
Trung bày và chia sẻ sản phẩm	<ul style="list-style-type: none"> - Chọn 1 số bài vẽ đẹp và bài chưa hoàn thiện để nhận xét. + Nội dung + Bố cục + Hình ảnh + Đậm nhạt - GV nhận xét, khen ngợi HS. - Phối hợp cùng học sinh nhận xét, đánh giá các sản phẩm; góp ý, tư vấn cho các sản phẩm chưa hoàn thành. 	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết trình sản phẩm của bản thân. 	Sản phẩm của học sinh
Vận dụng	<ul style="list-style-type: none"> - Khuyến khích HS quan sát các tranh khác của các bạn thiếu nhi và nhận xét: + Hình vẽ trong tranh. + Cách thể hiện nét, đậm nhạt.. 	Quan sát và TLCH	Hình Slide
	Nhận xét, đánh giá chung Dặn dò: <ul style="list-style-type: none"> - Tiếp tục rèn luyện và hoàn thiện sản phẩm. 	HS lắng nghe	

Tổ trưởng chuyên môn

Người soạn

Đinh Vũ Hoài Nga

Đặng Thị Hồng Nhung

CHỦ ĐỀ
TẬP NẶN TẠO DÁNG
(2 tiết)

I. Mục tiêu

1. Kiến thức:

- HS nhận biết được đặc điểm các bộ phận chính của cơ thể khi đang hoạt động.

- HS làm quen với các khối điều khác và nặn được dáng người đơn giản.

2. Năng lực:

- HS hình thành và phát triển năng lực cảm nhận và hiểu biết về Mỹ thuật, năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực tìm tòi và khám phá kiến thức.

3. Phẩm chất:

- Nhận ra vẻ đẹp của nét, chấm, màu sắc tạo nên đậm nhạt trong tranh.

II. Phương tiện, học liệu

1. Giáo viên

- Sách Mỹ thuật lớp 4.

- Hình ảnh tranh ảnh clip về các dáng người hoạt động, hình ảnh sản phẩm, tác phẩm mỹ thuật

- File video hướng dẫn cách vẽ.

2. Học sinh:

- Sách Mỹ thuật lớp 4

- Giấy vẽ, màu, chì, tẩy...

III. Tiến trình bài giảng

1. Mở đầu:

- GV kiểm tra đồ dùng học tập.

- Lớp trưởng báo cáo sĩ số lớp.

- Giới thiệu bài.

2. Hình thành kiến thức

Nội dung, Dự kiến Thời gian	Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh	ĐDDH
Quan sát, tìm hiểu	<p>-Yêu cầu HS hình thảo luận để tìm hiểu một số hoạt động của con người.</p> <p>-GV nêu câu hỏi thảo luận nhóm:</p> <ul style="list-style-type: none"> * Nêu các bộ phận của cơ thể con người? * Mỗi bộ phận của con người có dạng hình gì? * Nêu một số hoạt động của con người? <p>- Cho HS quan sát một số bài nặn dáng người của các bạn năm trước.</p>	<p>- Quan sát và thảo luận.</p> <p>-HS trả lời</p>	<p>-Tranh ảnh dáng người</p>
Cách ký họa	<p>- Yêu cầu HS nêu cách nặn dáng người.</p> <p>-GV cho HS xem clip hướng dẫn cách vẽ.</p> <p>- Mời 2-3 HS trả lời, nhận xét và góp ý.</p> <p>- GV tóm tắt:</p> <p>Nặn dáng người cần thực hiện các bước:</p> <p>Nặn các bộ phận chính.</p> <p>Nặn chi tiết</p> <p>Ghép dính các bộ phận</p>	<p>- Quan sát và TLCH</p> <p>3 HS lên trả lời.</p> <p>3 HS khác nhận xét</p> <p>HS lắng nghe</p>	<p>- Sile ảnh và video minh họa</p>

Nội dung, Dự kiến Thời gian	Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh	ĐDDH
	Tạo dáng và sắp xếp bố cục * Lưu ý: HS nặn hình to rõ. - Phối hợp cùng học sinh sửa sai (nếu có), bổ sung (nếu thiếu).		

3. Luyện tập, sáng tạo

Nội dung, Dự kiến Thời gian	Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh	ĐDDH
Ký họa	- Yêu cầu HS nặn theo nhóm. - Bao quát lớp, nhắc nhở HS chọn nội dung phù hợp. - Phối hợp cùng học sinh sửa sai (nếu có); góp ý, tư vấn cho ý tưởng của học sinh.	- Thực hành vẽ cá nhân - Lắng nghe, tiếp thu	
	Yêu cầu HS nặn dáng người.	- Thực hiện vẽ theo yêu cầu bài học	Đắt nặn

4. Vận dụng

Nội dung, Dự kiến Thời gian	Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh	ĐDDH
Trung bày và chia sẻ sản phẩm	-Chọn 1 số sản phẩm đẹp và bài chưa hoàn thiện để nhận xét. + Nội dung + Hình khối + Tỷ lệ - GV nhận xét, khen ngợi HS. - Phối hợp cùng học sinh nhận	- Thuyết trình sản phẩm của bản thân.	Sản phẩm của học sinh

Nội dung, Dự kiến Thời gian	Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh	ĐDDH
	xét, đánh giá các sản phẩm; góp ý, tư vấn cho các sản phẩm chưa hoàn thành.		
Vận dụng	- Khuyến khích HS sưu tầm tranh ảnh về trang trí đường diềm + Hình vẽ trong trang trí. + Cách thể hiện nét, đậm nhạt..	Quan sát và TLCH	Hình Slide
	Nhận xét, đánh giá chung Dặn dò: - Tiếp tục rèn luyện và hoàn thiện sản phẩm.	HS lắng nghe	

Tổ trưởng chuyên môn

Người soạn

Đinh Vũ Hoài Nga

Đặng Thị Hồng Nhung

Phụ lục 7
HÌNH ẢNH TRONG TIẾT DẠY



Hình 3.1: Hoạt động thực nghiệm của HS lớp 4A2. Chủ đề: Ký họa cô giáo
Nguồn: Tác giả (2023)



Hình 3.2: Hoạt động thực nghiệm của HS lớp 4A2. Chủ đề: Ký họa cô giáo
Nguồn: Tác giả (2023)



Hình 3.3: Hoạt động thực nghiệm của HS lớp 4A2. Chủ đề: Ký họa cô giáo

Nguồn: Tác giả (2023)



Hình 3.4: Hoạt động thực nghiệm của HS lớp 4A2. Chủ đề: Ký họa cô giáo

Nguồn: Tác giả (2023)



Hình 3.5: Hoạt động thực nghiệm của HS lớp 1A1.

Chủ đề: Chân dung người thân của em.

Nguồn: Tác giả (2023)



Hình 3.6: Hoạt động thực nghiệm của HS lớp 1A1.

Chủ đề: Chân dung người thân của em.

Nguồn: Tác giả (2023)



Hình 3.7: Hoạt động thực nghiệm của HS lớp 1A1.

Chủ đề: Chân dung người thân của em

Nguồn: Tác giả (2023)



Hình 3.8: Hoạt động thực nghiệm của HS lớp 4A2.

Chủ đề: Tập nặn tạo dáng

Nguồn: Tác giả (2023)

Phụ lục 8

SẢN PHẨM CỦA HỌC SINH



Hình 3.9: Sản phẩm thực nghiệm của HS lớp 1A1
 Chủ đề: Chân dung người thân của em
 Nguồn: Tác giả (2023)



Hình 3.10: Sản phẩm thực nghiệm của HS lớp 1A1
 Chủ đề: Chân dung người thân của em
 Nguồn: Tác giả (2023)



Hình 3.11: Sản phẩm thực nghiệm của HS lớp 1A1
 Chủ đề: Chân dung người thân của em
 Nguồn: Tác giả (2023)



Hình 3.12: Sản phẩm thực nghiệm của HS lớp 1A1
 Chủ đề: Chân dung người thân của em
 Nguồn: Tác giả (2023)



Hình 3.13: Sản phẩm thực nghiệm của HS lớp 1A1

Chủ đề: Chân dung người thân của em

Nguồn: Tác giả (2023)



Hình 3.14: Sản phẩm thực nghiệm của HS lớp 1A1

Chủ đề: Chân dung người thân của em

Nguồn: Tác giả (2023)



Hình 3.15: Sản phẩm thực nghiệm của HS lớp 1A1

Chủ đề: Em và bạn em

Nguồn: Tác giả (2023)



Hình 3.16: Sản phẩm thực nghiệm của HS lớp 1A1

Chủ đề: Em và bạn em

Nguồn: Tác giả (2023)



Hình 3.17: Sản phẩm thực nghiệm của HS lớp 1A1

Chủ đề: Em và bạn em

Nguồn: Tác giả (2023)



Hình 3.18: Sản phẩm thực nghiệm của HS lớp 1A1

Chủ đề: Chân dung người thân của em

Nguồn: Tác giả (2023)



Hình 3.19: Sản phẩm thực nghiệm của HS lớp 1A1

Chủ đề: Chân dung người thân của em

Nguồn: Tác giả (2023)



Hình 3.20: Sản phẩm thực nghiệm của HS lớp 1A2

Chủ đề: Chân dung người thân của em

Nguồn: Tác giả (2023)



Hình 3.21: Sản phẩm thực nghiệm của HS lớp 1A2

Chủ đề: Chân dung người thân của em

Nguồn: Tác giả (2023)



Hình 3.22: Sản phẩm thực nghiệm của HS lớp 1A2

Chủ đề: Chân dung người thân của em

Nguồn: Tác giả (2023)



Hình 3.23: Sản phẩm thực nghiệm của HS lớp 1A2

Chủ đề: Chân dung người thân của em

Nguồn: Tác giả (2023)



Hình 3.24: Sản phẩm thực nghiệm của HS lớp 1A1

Chủ đề: Em và bạn em

Nguồn: Tác giả (2023)



Hình 3.25: Sản phẩm thực nghiệm của HS lớp 1A2.

Chủ đề: Chân dung người thân của em

Nguồn: Tác giả (2023)



Hình 3.26: Sản phẩm thực nghiệm của HS lớp 1A2

Chủ đề: Chân dung người thân của em

Nguồn: Tác giả (2023)



Hình 3.27: Sản phẩm thực nghiệm của HS lớp 1A2

Chủ đề: Chân dung người thân của em

Nguồn: Tác giả (2023)



Hình 3.28: Sản phẩm thực nghiệm của HS lớp 1A1

Chủ đề: Em và bạn em

Nguồn: Tác giả (2023)



Hình 3.29: Sản phẩm thực nghiệm của HS lớp 1A1

Chủ đề: Em và bạn em

Nguồn: Tác giả (2023)



Hình 3.30: Sản phẩm thực nghiệm của HS lớp 4A2

Chủ đề: Tập nặn tạo dáng

Nguồn: Tác giả (2023)



Hình 3.31: Sản phẩm thực nghiệm của HS lớp 4A2

Chủ đề: Tập nặn tạo dáng

Nguồn: Tác giả (2023)



Hình 3.32: Sản phẩm thực nghiệm của HS lớp 4A2

Chủ đề: Tập nặn tạo dáng

Nguồn: Tác giả (2023)



Hình 3.33: Sản phẩm thực nghiệm của HS lớp 4A2

Chủ đề: Tập nặn tạo dáng

Nguồn: Tác giả (2023)



Hình 3.34: Sản phẩm thực nghiệm của HS lớp 4A2
 Chủ đề: Tập nặn tạo dáng
 Nguồn: Tác giả (2023)



Hình 3.35: Sản phẩm thực nghiệm của HS lớp 4A2
 Chủ đề: Tập nặn tạo dáng
 Nguồn: Tác giả (2023)



Hình 3.36: Sản phẩm thực nghiệm của HS lớp 4A2
 Chủ đề: Tập nặn tạo dáng
 Nguồn: Tác giả (2023)



Hình 3.37: Sản phẩm thực nghiệm của HS lớp 4A2.
 Chủ đề: Tập nặn tạo dáng
 Nguồn: Tác giả (2023)



Hình 3.38: Sản phẩm thực nghiệm của HS lớp 4A2

Chủ đề: Tập nặn tạo dáng

Nguồn: Tác giả (2023)



Hình 3.39: Sản phẩm thực nghiệm của HS lớp 4A2

Chủ đề: Tập nặn tạo dáng

Nguồn: Tác giả (2023)



Hình 3.40: Sản phẩm thực nghiệm của HS lớp 4A2

Chủ đề: Tập nặn tạo dáng

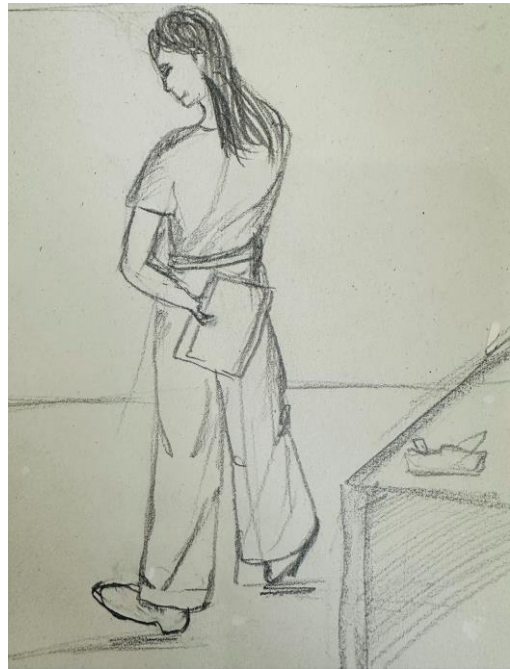
Nguồn: Tác giả (2023)



Hình 3.41: Sản phẩm thực nghiệm của HS lớp 4A2

Chủ đề: Ký họa cô giáo

Nguồn: Tác giả (2023)



Hình 3.42: Sản phẩm thực nghiệm của HS lớp 4A2

Chủ đề: Ký họa cô giáo

Nguồn: Tác giả (2023)



Hình 3.43: Sản phẩm thực nghiệm của HS lớp 4A2

Chủ đề: Ký họa cô giáo

Nguồn: Tác giả (2023)



Hình 3.44: Sản phẩm thực nghiệm của HS lớp 4A2

Chủ đề: Ký họa cô giáo

Nguồn: Tác giả (2023)



Hình 3.45: Sản phẩm thực nghiệm của HS lớp 4A2

Chủ đề: Ký họa cô giáo

Nguồn: Tác giả (2023)



Hình 3.46: Sản phẩm thực nghiệm của HS lớp 4A2

Chủ đề: Ký họa cô giáo

Nguồn: Tác giả (2023)



Hình 3.47: Sản phẩm thực nghiệm của HS lớp 4A2

Chủ đề: Ký họa cô giáo

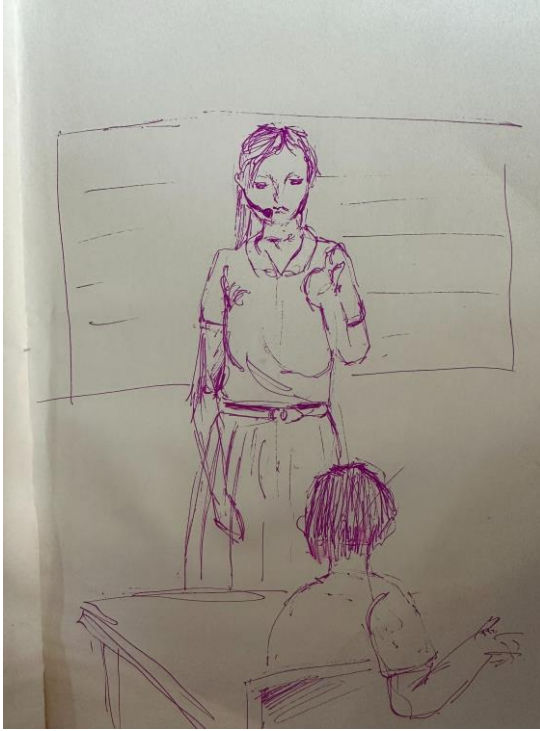
Nguồn: Tác giả (2023)



Hình 3.48: Sản phẩm thực nghiệm của HS lớp 4A2

Chủ đề: Ký họa cô giáo

Nguồn: Tác giả (2023)



Hình 3.49: Sản phẩm thực nghiệm của HS lớp 4A2

Chủ đề: Ký họa cô giáo

Nguồn: Tác giả (2023)



Hình 3.50: Sản phẩm thực nghiệm của HS lớp 4A2

Chủ đề: Ký họa cô giáo

Nguồn: Tác giả (2023)

Phụ lục 9
KẾT QUẢ THỰC NGHIỆM

Kết quả thực nghiệm lớp 1A1

TT	MSHS	Họ và tên	Mức đánh giá		Ghi chú
			Trước thực nghiệm	Sau thực nghiệm	
1	FCG10029	Trần Minh An	T	T	
2	FCG10073	Trần Thanh An	H	H	
3	FCG10101	Trần Thuỳ An	T	T	
4	FCG10108	Đỗ Quỳnh Anh	T	T	
5	FCG10118	Nguyễn Vũ Linh Anh	T	T	
6	FCG10175	Phạm Ngọc Hà Anh	H	T	
7	FCG10250	Phạm Trâm Anh	H	H	
8	FCG10140	Ngô Gia Bảo	H	H	
9	FCG10259	Đoàn Chí Cường	H	H	
10	FCG10015	Nguyễn Minh Đăng	H	H	
11	FCG10186	Khuất Mạnh Đức	H	T	
12	FCG10263	Lê Minh Hà	H	T	
13	FCG10021	Hoàng Nhật Huy	H	T	
14	FCG10255	Nguyễn Anh Kiệt	H	H	
15	FCG10257	Nguyễn Nhật Khang	H	T	
16	FCG10080	Phùng Anh Khôi	H	H	
17	FCG10271	Vũ Bá Lâm	H	H	
18	FCG10224	Doãn Nguyễn Hà Linh	T	T	
19	FCG10242	Nguyễn Nhật Bảo Minh	H	T	
20	FCG10019	Vũ Đoàn Bình Minh	T	T	
21	FCG10165	Vương Quang Minh	H	H	

22	FCG10151	Nguyễn Khánh My	T	T	
23	FCG10095	Đình Lê Hoàng Nam	H	H	
24	FCG10085	Đình Nhật Nam	T	T	
25	FCG10014	Nguyễn Minh Ngọc	T	T	
26	FCG10042	Ngô Minh Quân	H	H	
27	FCG10214	Phạm Minh Quân	T	T	
28	FCG10232	Nguyễn Bảo Thiên	H	H	
29	FCG10001	Nguyễn Lâm Việt	H	T	
30	FCG10008	Trần Minh Vương	H	H	

Kết quả thực nghiệm lớp 1A2

TT	MSHS	Họ và tên	Mức đánh giá		Ghi chú
			Trước thực nghiệm	Sau thực nghiệm	
1	FCG10089	Kiều Nguyễn Hải Băng	T	T	
2	FCG10037	Nguyễn Khánh Chi	H	H	
3	FCG10279	Nguyễn Quỳnh Chi	T	T	
4	FCG10251	Đỗ Thùy Dương	T	T	
5	FCG10166	Phạm Quang Dương	T	T	
6	FCG10141	Hoàng Đình Đức	T	T	
7	FCG10031	Vũ Hồng Giang	T	T	
8	FCG10133	Đỗ Minh Hoàng	H	H	
9	FCG10217	Nguyễn Bùi Đức Huy	H	H	
10	FCG10050	Đào Chí Kiên	H	H	
11	FCG10119	Đình Đức Khuê	H	H	
12	FCG10067	Phan Minh Lâm	H	H	
13	FCG10009	Trần Khánh Linh	T	T	
14	FCG10187	Bùi Minh	H	H	
15	FCG10152	Nguyễn Đức Minh	T	T	
16	FCG10176	Nguyễn Lê Minh	H	H	
17	FCG10043	Nguyễn Trúc Nhân	H	H	
18	FCG10102	Nguyễn Phương Nhi	T	T	
19	FCG10096	Vũ Hải Phong	T	T	
20	FCG10109	Đỗ Nguyễn Gia Phúc	H	H	
21	FCG10226	Trần Thiện Phúc	H	H	
22	FCG10016	Nguyễn Hà Phương	H	H	

23	FCG10002	Đỗ Minh Quân	H	H	
24	FCG10244	Lê Anh Quân	H	H	
25	FCG10081	Nguyễn Ngọc Tú	H	T	
26	FCG10022	Nguyễn Tùng	H	H	
27	FCG10060	Nguyễn Ngọc Thảo	T	T	
28	FCG10200	Nguyễn Bảo Trâm	H	H	
29	FCG10074	Nguyễn Hữu Minh Trí	H	H	
30	FCG10006	Trần Quang Vinh	H	H	

Kết quả thực nghiệm lớp 4A2

TT	MSHS	Họ và tên	Mức đánh giá		Ghi chú
			Trước thực nghiệm	Sau thực nghiệm	
1	FSP01425CG	Đào Hiếu Anh	T	T	
2	FSP00742CG	Đỗ Công Bách	H	H	
3	FSP00577CG	Tổng Gia Bảo	H	T	
4	FSP00470CG	Hồ Minh Đức	H	H	
5	FSP00483CG	Lưu Ngọc Hà	T	T	
6	FSP00524CG	Ngô Khánh Hà	T	T	
7	FSP00585CG	Đình Văn Minh Hiếu	H	T	
8	FSP00489CG	Phạm Minh Huệ	H	T	
9	FSP00670CG	Lê Việt Hùng	H	H	
10	FSP00509CG	Trần Minh Tuấn Kiệt	H	H	
11	FSP01143CG	Lê Minh Khang	T	T	
12	FSP00604CG	Đàm Thuận Tùng Lâm	H	T	
13	FSP00675CG	Hy Phúc Lâm	H	H	
14	FSP01135CG	Lê Hàn Lâm	H	H	
15	FSP00540CG	Nguyễn Bảo Lâm	T	T	
16	FSP00480CG	Trần Tuấn Linh	H	T	
17	FSP01536CG	Vũ Ngọc Long	H	H	
18	FSP00535CG	Phạm Hương Ly	T	T	
19	FSP01501CG	Hoàng Bình Minh	H	T	
20	FSP01440CG	Lê Đồng Nhật Minh	H	H	
21	FSP00605CG	Phạm Việt Tuấn Minh	H	T	
22	FSP01513CG	Hoàng Hải Nam	H	T	

23	FSP00590CG	Phan Bảo Nam	H	T	
24	FSP00754CG	Nguyễn Hoàng Kim Ngân	T	T	
25	FSP00752CG	Nguyễn Hoàng Khôi Nguyên	H	T	
26	FSP01077CG	Trịnh Anh Quân	H	H	
27	FSP00488CG	Dương Gia Toại	T	T	
28	FSP00704CG	Nguyễn Gia Anh Tuấn	H	T	
29	FSP01481CG	Hoàng Minh Thái	H	H	
30	FSP00756CG	Nguyễn Tuấn Thành	H	T	

Kết quả thực nghiệm lớp 4A3

TT	MSHS	Họ và tên	Mức đánh giá		Ghi chú
			Trước thực nghiệm	Sau thực nghiệm	
1	FSP01523CG	Đặng Tuệ An	T	T	
2	FSP01134CG	Phùng Nguyễn Kim An	H	H	
3	FSP00484CG	Vũ Chúc An	H	T	
4	FSP00947CG	Bùi Minh Anh	H	H	
5	FSP00681CG	Nguyễn Hà Anh	T	T	
6	FSP00537CG	Trần Huyền Anh	H	H	
7	FSP00984CG	Vũ Minh Anh	H	T	
8	FSP00645CG	Nguyễn Đức Bình	H	H	
9	FSP00649CG	Nguyễn Đức Công	H	H	
10	FSP00597CG	Cao Minh Giáp	T	T	
11	FCG10285	Nguyễn Bá Ngọc Hải	H	H	
12	FSP00674CG	Đình Duy Hoàng	T	T	
13	FSP00490CG	Trần Lương Việt Hoàng	H	H	
14	FSP00643CG	Dương Tuấn Kiệt	T	T	
15	FSP00630CG	Đặng Đức Minh	H	H	
16	FSP00476CG	Nguyễn Lê Minh	H	H	
17	FCG10153	Hồ Lê Hà My	T	T	
18	FSP00694CG	Doãn Khánh Bảo Nam	H	H	
19	FSP00459CG	Vũ Nguyễn Bảo Nam	T	T	
20	FSP01478CG	Mai Kiều Khánh	T	T	

		Ngân			
21	FSP00702CG	Nguyễn Khôi Nguyên	H	H	
22	FSP00513CG	Nguyễn Vũ Uyên Nhi	H	H	
23	FSP01466CG	Phạm Chân Phong	H	H	
24	FSP00616CG	Lê Hà Phương	H	H	
25	FSP00644CG	Trần Phúc Sam	T	T	
26	FSP01160CG	Nguyễn Đình Khánh Tùng	H	H	
27	FSP00613CG	Nguyễn Quang Thanh	H	H	
28	FSP01426CG	Nguyễn Hữu Thắng	H	H	
29	FSP00977CG	Nguyễn Bảo Uyên	H	H	
30	FSP01533CG	Đặng Tuệ Uyên	H	H	